

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**
Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Điện Biên, ngày 28 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số: 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 1661/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Điện Biên năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Trung du và miền núi Phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27 tháng 1 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1244/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng thẩm định Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 286/NQ-HĐND ngày 27 tháng 02 năm 2026 của

Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên thông qua Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1143/TTr-STC ngày 28 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH

Bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên tỉnh Điện Biên quy mô 9.548,0359 km², gồm 45 đơn vị hành chính cấp xã trong đó có 3 phường và 42 xã.

Vị trí địa lý: Phía Bắc giáp tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Phía Đông giáp tỉnh Sơn La; Phía Nam giáp nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào và tỉnh Sơn La; Phía Tây giáp nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Tỉnh Điện Biên có tọa độ địa lý từ 20⁰54' - 22⁰33' vĩ độ Bắc và 102⁰10' - 103⁰36' kinh độ Đông.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Điện Biên phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch tổng thể quốc gia, các Quy hoạch ngành quốc gia và Quy hoạch vùng Trung du và Miền núi phía Bắc; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên thông trong tổ chức không gian phát triển. Thúc đẩy phát triển nhanh gắn với tăng trưởng xanh, hiệu quả và bền vững; nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế trên cơ sở đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

Tập trung đầu tư có trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh; xác định nông, lâm nghiệp là nền tảng phát triển bền vững; xây dựng là động lực phát triển kết cấu hạ tầng và không gian đô thị; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển theo hướng chất lượng cao, dựa trên các trụ cột du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch sinh thái, khám phá thiên nhiên và du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, thể thao.

Lấy con người làm trung tâm, là mục tiêu và động lực của phát triển; phát huy nội lực và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, gắn đào tạo với nhu cầu thực tiễn và cơ cấu ngành kinh tế của tỉnh. Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, người yếu thế và vùng đặc biệt khó khăn; bảo đảm mọi người dân được thụ hưởng công bằng thành quả tăng trưởng và tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản.

Phát triển hệ thống đô thị theo hướng xanh, thông minh, có bản sắc; đầu tư đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng liên thông, đa mục tiêu. Tăng cường liên kết nội tỉnh và liên kết vùng; khai thác hiệu

quả lợi thế giao thương, hợp tác quốc tế thông qua hệ thống cửa khẩu với các tỉnh Bắc Lào, Tây Nam Trung Quốc và các nước ASEAN.

Thực hiện tăng trưởng kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, bảo vệ hệ sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Xác định quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên và là nền tảng vững chắc cho phát triển; quán triệt quan điểm “giữ đất, giữ dân, giữ rừng”, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, tỉnh Điện Biên phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc, là một trong những trung tâm của vùng về du lịch, giáo dục - đào tạo. Phát triển tỉnh trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, coi đây là động lực chủ yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đồng thời xác định chuyển đổi số là nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số và chính quyền số. Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp theo hướng ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng, gắn với công nghiệp chế biến và phát triển du lịch, hình thành chuỗi giá trị bền vững. Kinh tế số đóng vai trò quan trọng trong phát triển tỉnh; phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2030 đạt 10-11%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Ngành dịch vụ chiếm khoảng 59,45%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 9,64%; ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 27,15%, tỷ trọng kinh tế số đạt 20% GRDP tỉnh.

Đến năm 2030 GRDP bình quân/người đạt trên 115 triệu đồng (theo giá hiện hành), năng suất lao động đạt 193,0 triệu đồng (theo giá hiện hành), đến năm 2030 phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt trên 5.000 tỷ đồng, khách du lịch đạt trên 2,65 triệu lượt người.

- Về xã hội: Đến năm 2030 quy mô dân số toàn tỉnh đạt trên 716.000 người, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt trên 55%, 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế, số trường mầm non, phổ thông được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia trên 85%, Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm trở lên.

- Về môi trường: Đến năm 2030 nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt 47%, tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia đạt trên 99%, tỷ lệ dân đô thị được sử dụng nước sạch đảm bảo theo tiêu chuẩn đạt 100%, tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 55% được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn; tỷ lệ thu gom rác thải đạt từ 96,5% đối với khu vực đô thị và đạt từ 50-70% đối với khu vực nông thôn. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu

gom, xử lý đạt 100%; tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%; 100% cứng hoá đường giao thông cấp xã.

- Về du lịch: Đến năm 2030, tỉnh Điện Biên đón 2,65 triệu lượt khách, trong đó có 600 nghìn lượt khách quốc tế; tổng thu từ hoạt động du lịch đạt trên 5.000 tỷ đồng; đóng góp 11% trong GRDP của tỉnh.

- Về không gian và kết cấu hạ tầng: Đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa phần đầu đạt trên 32%. Hạ tầng đầu tư phát triển cơ bản theo hướng đồng bộ, hiện đại. Hạ tầng giao vận tải thông suốt, an toàn; điện đảm bảo tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt; nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt được đảm bảo; hệ thống hồ đập an toàn; hạ tầng xã hội đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Về quốc phòng, an ninh: Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh của tỉnh; triển khai thực hiện các cơ chế huy động nguồn lực từ địa phương và nguồn lực xã hội để xây dựng tiềm lực quốc phòng của tỉnh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân, có trình độ và sức mạnh tổng hợp, có khả năng sẵn sàng và sức mạnh chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng và bảo đảm an ninh.

3. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các nhiệm vụ trọng tâm

- Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả: Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, xây dựng bộ máy chính quyền địa phương hai cấp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi để phục vụ tốt nhất cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

- Phát triển đội ngũ cán bộ và nguồn nhân lực chất lượng cao: Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn; dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm; kiên quyết khắc phục tình trạng suy thoái, thụ động. Đồng thời có chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, y dược, nông nghiệp, năng lượng; chú trọng đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ khoa học và người dân tộc thiểu số.

- Đổi mới giáo dục và đào tạo: Hiện đại hóa hệ thống trường lớp, đặc biệt là các trường nội trú, bán trú vùng biên giới; giải quyết tình trạng thiếu giáo viên và đẩy mạnh đào tạo ngoại ngữ, liên kết đào tạo quốc tế. Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp tinh gọn gắn với mô hình chính quyền địa phương hai cấp; ưu tiên xây dựng hệ thống trường nội trú liên cấp tại 15 xã biên giới và kiên cố hóa 100% trường lớp tại 33 xã trọng điểm. Tập trung đầu tư Dự án Trường Cao đẳng Điện Biên chất lượng cao và vận hành hiệu quả Phân hiệu Đại học Thái Nguyên để dẫn dắt công tác đào tạo nhân lực. Đẩy nhanh tiến độ thành lập Tổ hợp giáo dục FPT nhằm tạo đột phá về hạ tầng đào tạo nhân lực số và đổi mới sáng tạo.

- Phát triển văn hóa, con người và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe: Chăm lo phát triển con người Điện Biên toàn diện; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc. Đồng thời củng cố hệ thống y tế theo hướng công bằng,

bền vững; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chủ động phòng chống dịch bệnh và bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ y tế chất lượng, khám sức khỏe định kỳ.

- Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo, công nghệ xanh và kinh tế tuần hoàn vào sản xuất và quản lý; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, phát huy, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm, gắn với nghiên cứu - ứng dụng - chuyển giao công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

- Nâng cao chất lượng quy hoạch và hiệu quả đầu tư phát triển: Thực hiện đồng bộ, thống nhất các cấp quy hoạch; cơ cấu lại đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm; cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và tăng cường thu hút nguồn lực xã hội cho phát triển.

- Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế: Phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng hiện đại, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến sâu, phát triển sản phẩm OCOP, quản lý và phát triển rừng bền vững gắn với thị trường tín chỉ các-bon. Đồng thời xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, giữ vững chủ quyền biên giới, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và mở rộng hợp tác, hội nhập quốc tế.

b) Các đột phá phát triển

(1) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh: Tập trung vào việc nghiên cứu ban hành hoặc đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách liên quan đến thu hút đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, chính sách hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động..., thu hút giải phóng các nguồn lực, xây dựng giải pháp mới để tạo đột phá trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh với trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin để đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính. Trong đó xác định chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng góp phần đạt được các mục tiêu phát triển, tập trung vào tất cả các thành phần: Phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số,...

Tạo dựng môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, minh bạch, thân thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, cải thiện mạnh mẽ các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)....

(2) Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội: Tập trung đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là hệ thống giao thông; xác định đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đi trước tạo đột phá và là động lực phát triển tỉnh. Tập trung sớm đầu tư, nâng cấp và hoàn thành các dự án giao thông trọng điểm; ưu tiên đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các công trình cấp nước sạch, thủy lợi phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; tăng cường hạ tầng bảo vệ môi trường, bảo tồn sinh thái; phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn, giữa các khu vực trung tâm và vùng khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển và nâng cao đời sống Nhân dân.

(3) Ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của các sản phẩm chủ lực của địa phương, tập trung triển khai các chương trình, đề tài khoa học và công nghệ phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên các lĩnh vực có lợi thế như nông nghiệp, lâm nghiệp, dược liệu và chế biến nông, lâm sản; bảo tồn và phát triển các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao, gắn với xây dựng vùng nguyên liệu tập trung và phát triển chuỗi giá trị bền vững. Tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao và các tiến bộ kỹ thuật phù hợp trong sản xuất nông nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường và trồng, chế biến gỗ; thúc đẩy đổi mới công nghệ trong chế biến sâu nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tiêu chuẩn thị trường trong nước và xuất khẩu; gắn ứng dụng khoa học, công nghệ với đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật tại chỗ, nâng cao kỹ năng tiếp nhận, làm chủ và chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển các sản phẩm thuộc Chương trình OCOP của tỉnh theo hướng chuyên nghiệp, bền vững.

(4) Đẩy mạnh phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với nhiều loại hình: Tập trung khai thác hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc, cảnh quan thiên nhiên, nguồn lực con người; phát huy hệ thống di tích lịch sử, nhất là di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ. Hỗ trợ phát triển các sản phẩm du lịch, sinh thái cộng đồng trải nghiệm, nghỉ dưỡng, thể thao, giải trí, tăng thời gian lưu trú của du khách và doanh thu từ du lịch. Ưu tiên thu hút đầu tư, phát triển không gian tại khu du lịch quốc gia Điện Biên Phủ - Pá Khoang; các cơ sở dịch vụ du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng chất lượng cao. Tăng cường quảng bá du lịch qua các kênh truyền thông và các nền tảng mạng xã hội; mở rộng liên kết, hợp tác phát triển du lịch với các địa phương trong nước và quốc tế, xây dựng Điện Biên trở thành trung tâm du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Xây dựng tỉnh Điện Biên là tỉnh phát triển khá của cả nước, là trọng điểm du lịch văn hóa - lịch sử - sinh thái quốc gia, có đẳng cấp quốc tế; người dân có thu nhập cao, chất lượng cuộc sống tốt, hạnh phúc. Các giá trị, bản sắc văn hóa của các dân tộc trên địa bàn đặc biệt là văn hóa dân tộc Mông, Thái, Lào, Hà Nhì được giữ gìn, bảo tồn và phát triển. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản

Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với sản xuất hàng hóa tập trung, xanh, thông minh, bền vững, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh đối với cà phê, mắc ca, cây ăn quả và các sản phẩm đặc sản gắn với địa phương; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, quản lý vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản chủ lực của tỉnh.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại, gia trại, tập trung vào chăn nuôi lợn và gia cầm, gắn với kiểm soát dịch bệnh, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường. Từng bước thu hút đầu tư vào chế biến nông, lâm sản, gắn vùng nguyên liệu với cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng phát triển rừng bền vững, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, chất lượng rừng và đa dạng sinh học; ưu tiên bảo vệ rừng tự nhiên, phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Khai thác hợp lý các giá trị từ rừng, gắn bảo vệ và phát triển rừng với phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, dịch vụ môi trường rừng; nghiên cứu, tiếp cận thị trường các-bon, từng bước nâng cao giá trị kinh tế từ rừng.

b) Ngành du lịch

- Phát triển du lịch theo 3 vùng kinh tế: Vùng kinh tế 01 gồm khu vực Điện Biên Phủ, Mường Thanh là khu vực trung tâm du lịch lịch sử - văn hóa của tỉnh và đầu mối cho mọi hoạt động du lịch. Vùng kinh tế 02 gồm các khu vực Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng tập trung phát triển du lịch sinh thái, khám phá cảnh quan cao nguyên đá, du lịch nghỉ dưỡng. Vùng kinh tế 03 gồm các khu vực Mường Nhé, Nà Hỳ, Na Sang và Mường Lay tập trung vào du lịch biên mậu và du lịch sinh thái, khám phá.

- Phát triển du lịch theo 4 trục động lực: Trục động lực 01: QL279/Cao tốc Điện Biên - Sơn La - Hà Nội gắn với Cảng hàng không Điện Biên, là trục động lực chính cho phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại của toàn tỉnh. Tuyến này tạo kết nối thông suốt với Lào qua cửa khẩu Tây Trang/Huổi Puốc và với các tỉnh Tây Bắc, miền núi phía Bắc. Trục động lực 02: QL12 kết nối khu vực phía Bắc và phía Nam gồm từ phường Mường Lay, xã Mường Tùng, xã Na Sang đến phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An, đồng thời kết nối với nước Lào. Tuyến này cần được ưu tiên đầu tư để phát huy lợi thế của Cảng hàng không Điện Biên và tăng cường liên kết khu vực. Trục động lực 03: QL6 kết nối Mường Lay và Tuần Giáo với các tỉnh Sơn La, Phú Thọ và Hà Nội tạo thành trục vành đai phía Đông liên kết nội tỉnh, hỗ trợ du lịch và giao thương. Trục động lực 04: QL4H kết nối vùng phía Tây của tỉnh, tạo động lực phát triển du lịch sinh thái và thương mại dịch vụ biên mậu, đặc biệt là kết nối với Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé và cửa khẩu A Pa Chải sang Trung Quốc.

- Phát triển du lịch theo 4 cực tăng trưởng: Cực tăng trưởng 01: Điện Biên Phủ, Mường Thanh và Mường Phăng quy hoạch trở thành cực tăng trưởng trung tâm, phát triển thành đô thị tổng hợp, trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử, giáo dục truyền thống và dịch vụ của vùng Tây Bắc. Trong đó, tập trung bảo tồn, tôn tạo và khai thác, phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ. Cực tăng trưởng 02: Mường Lay và khu vực lân cận quy hoạch phát triển sản phẩm du lịch gắn với văn hóa bản địa, lễ hội và cảnh quan lòng hồ thủy điện Sơn La. Cực tăng trưởng 03: Quài Tở, Sính Phình và khu vực khác có điều kiện địa hình núi cao quy hoạch phát triển du lịch sinh thái núi cao, du lịch cộng đồng. Cực tăng trưởng 04: Sín Thầu và khu vực lân cận quy hoạch phát triển du

lịch sinh thái, trải nghiệm, văn hóa, thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới A Pa Chải.

Du lịch Điện Biên được xây dựng dựa trên ba trụ cột chính: (1) Du lịch lịch sử - tâm linh: Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ, tập trung phát huy di tích Sở Chỉ huy chiến dịch tại xã Mường Phăng thành sản phẩm du lịch tiêu biểu, trọng điểm; (2) Du lịch bản sắc văn hóa dân tộc, khám phá thiên nhiên: Xây dựng một số bản tiêu biểu của các dân tộc Thái, Mông, Hà Nhì,... thành trung tâm nơi bảo tồn, quảng bá, giới thiệu các giá trị văn hóa truyền thống, ẩm thực, điểm du lịch cộng đồng đặc sắc. Xây dựng mô hình trang trại sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP, hàng tiêu thủ công nghiệp, nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch trải nghiệm, điểm check-in, tham quan, mua sắm; (3) Du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, thể thao, giải trí, chăm sóc sức khỏe: Phát triển du lịch nghỉ dưỡng, giải trí và chăm sóc sức khỏe theo hướng chất lượng cao, gắn với tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá và chinh phục thiên nhiên ở quy mô quốc gia và khu vực (tổ chức các giải việt dã, marathon, leo núi chinh phục đỉnh Pú Tó Cọ, hành trình đến cực Tây - mốc giao điểm đường biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Trung Quốc...). Đồng thời, nghiên cứu phát triển sân golf và các tổ hợp dịch vụ thể thao - nghỉ dưỡng cao cấp, nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch, thu hút phân khúc khách có mức chi tiêu cao, kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao giá trị gia tăng cho ngành du lịch của tỉnh.

c) Ngành xây dựng

- Phát triển ngành xây dựng trở thành ngành kinh tế có vai trò động lực trong phát triển tỉnh giai đoạn tới, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nền kinh tế, đáp ứng các nhu cầu xây dựng phát triển của các ngành quan trọng khác của tỉnh như: xây dựng các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời...với những công nghệ mới; xây dựng các công trình nhà ở, công trình dân dụng; xây dựng các khu du lịch đẳng cấp cao; đáp ứng nhu cầu phát triển cho các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ mới, hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy,...

- Dự báo đến năm 2030, ngành xây dựng chiếm tỷ trọng khoảng 25,8% GRPD toàn tỉnh; tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đô thị đạt 100%.

d) Ngành thương mại dịch vụ

- Phát triển ngành thương mại theo hướng hiện đại, văn minh, nâng cao vai trò của ngành trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh, trở thành động lực tăng trưởng trong các ngành dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế; tạo việc làm, kết nối sản xuất và tiêu dùng, dẫn dắt sản xuất định hướng theo nhu cầu thị trường và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Phát triển ngành thương mại theo hướng tận dụng lợi thế so sánh của địa bàn, các cơ hội phát triển trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và mô hình thương mại chuyển đổi theo hướng đổi mới sáng tạo, số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh.

- Phát triển thương mại nội địa: Phát triển ngành thương mại nội địa nhằm đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân trên địa bàn, tăng trưởng theo

hướng hiện đại và bền vững, phát triển các phương thức và hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng, phù hợp với quá trình phát triển kinh tế của tỉnh, phát triển đa dạng các loại hình doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại theo các phương thức hoạt động hiện đại, chuyên nghiệp, thực hiện cơ cấu lại lĩnh vực thương mại theo hướng số hóa, công nghệ hóa phương thức kinh doanh.

- Phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại quốc tế: Đẩy mạnh vai trò của kinh tế cửa khẩu trong phát triển kinh tế của tỉnh. Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng cửa khẩu đồng bộ. Phát triển các mặt hàng đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng địa phương có lợi thế. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường mở rộng quan hệ với tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tăng cường đàm phán, hợp tác, đẩy mạnh xúc tiến thương mại giữa hai tỉnh.

- Phát triển thương mại điện tử: Hỗ trợ, thúc đẩy việc ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Xúc tiến thương mại: Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại để hỗ trợ tích cực cho các doanh nghiệp của tỉnh tìm kiếm đối tác, thúc đẩy cơ hội trao đổi, mua bán giao thương hàng hóa và cung ứng dịch vụ. Chú trọng hỗ trợ các sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm đặc sản, chủ lực của tỉnh.

đ) Ngành công nghiệp

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, trọng tâm là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông, lâm sản lợi thế; phát triển điện năng trên cơ sở khai thác tiềm năng về điện gió, điện sinh khối, thủy điện, điện rác và các nguồn năng lượng tái tạo khác; nâng cao giá trị đóng góp của ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào giá trị sản xuất của toàn tỉnh.

- Ưu tiên tập trung phát triển nhóm ngành thế mạnh, có đóng góp cao, thuộc chuỗi sản phẩm có giá trị gia tăng, nằm trong chuỗi hàng hóa, chuỗi sản phẩm; liên kết địa phương, liên kết các ngành. Tập trung phát triển các ngành: (1) chế biến nông sản, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phân bón; (2) sản xuất vật liệu xây dựng; (3) sản xuất và phân phối điện; (4) khai thác khoáng sản. Thu hút đầu tư và tập trung phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông lâm sản theo hướng chế biến sâu nông lâm sản phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp và du lịch; sản xuất vật liệu xây dựng; năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, ngành sử dụng công nghệ cao ít gây ô nhiễm môi trường và có hiệu quả kinh tế.

- Bảo tồn, phát huy những ngành nghề, làng nghề tiểu thủ công truyền thống của địa phương, phát triển các ngành nghề mới, sản xuất các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ, sản phẩm chế biến... phục vụ phát triển nông nghiệp (công nghiệp nông nghiệp); phát triển du lịch (công nghiệp du lịch nông nghiệp), nhằm tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp hiện trạng; bố trí các dự án mới và sắp xếp các cơ sở sản xuất công nghiệp phân tán tại các khu đô thị vào các cụm công nghiệp theo quy hoạch đã được duyệt. Gắn phát triển

sản xuất công nghiệp với quy hoạch phát triển mới chuỗi liên kết sản phẩm, chuỗi giá trị, các vùng nguyên liệu.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Ngành y tế và trợ giúp xã hội

- Phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà đối với người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính và đối tượng phục hồi chức năng trên cơ sở mạng lưới trạm y tế xã/phường sau sắp xếp. Tập trung quản lý bệnh không lây nhiễm, theo dõi định kỳ, tư vấn và hỗ trợ điều trị từ xa, giảm quá tải cho tuyến trên. Triển khai theo lộ trình, ưu tiên địa bàn miền núi, dân cư phân tán. Gắn với hồ sơ sức khỏe điện tử và chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc ban đầu, bảo đảm công bằng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

- Xây dựng và phát triển hệ thống y tế từng bước hiện đại, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở theo hướng công bằng, hiệu quả và bền vững; bảo đảm phát triển cân đối, hài hòa giữa lĩnh vực khám chữa bệnh với y tế dự phòng, nâng cao sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu theo nguyên lý y học gia đình. Đồng thời, phát triển mô hình chăm sóc sức khỏe tại nhà đối với người cao tuổi, người mắc bệnh mãn tính và đối tượng cần phục hồi chức năng, gắn với mạng lưới y tế cơ sở và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý hồ sơ sức khỏe. Hệ thống y tế phải đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của Nhân dân về khám bệnh, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe; từng bước nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các cơ sở y tế từ cấp xã đến cấp tỉnh, bảo đảm chất lượng dịch vụ và khả năng tiếp cận công bằng cho mọi người dân.

- Tăng cường đào tạo cơ bản, đào tạo nâng cao, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng nhu cầu về chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân. Thu hút nhân lực y tế có trình độ chuyên môn cao, chuyên sâu yên tâm công tác lâu dài tại địa phương, người có trình độ chuyên môn làm việc tại y tế cơ sở, vùng khó khăn. Ứng dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào các lĩnh vực phát triển ngành y tế.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả y tế cơ sở. Tập trung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trạm y tế cấp xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội.

Bảo đảm các nhóm dân số đặc thù như trẻ em, người khuyết tật, các đối tượng chính sách, người cao tuổi, đồng bào dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù và các đối tượng yếu thế khác được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản. Tăng cường kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe.

Triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp bảo trợ xã hội đảm bảo phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, quản lý cơ sở trợ giúp xã hội, đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

b) Ngành giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp phân bố dân cư và nhu cầu học tập. Tập trung phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên bảo đảm đủ số lượng, đúng cơ cấu và đạt chuẩn theo quy định; đẩy mạnh quy hoạch, trẻ hóa đội ngũ quản lý, tăng tỷ lệ cán bộ quản lý được đào tạo về quản lý giáo dục và lý luận chính trị. Bảo đảm 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; ưu tiên bổ sung giáo viên các môn còn thiếu (Tiếng Anh, Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật) và bảo đảm đủ nhân viên hỗ trợ, phục vụ theo định mức. Nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng lấy người học làm trung tâm; đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu chương trình giáo dục; tăng cường dạy học tích hợp, trải nghiệm, STEM/STEAM; chú trọng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh vùng dân tộc thiểu số và nâng cao chất lượng dạy học lớp ghép. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nền tảng số trong quản lý và chuyên môn; tăng cường bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên về đạo đức nghề nghiệp, năng lực triển khai chương trình mới, kỹ năng quản lý học sinh; sàng lọc, nâng cao chất lượng đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục toàn diện. Xây dựng Điện Biên trở thành trung tâm giáo dục - đào tạo của khu vực Tây Bắc, phát triển đa dạng các loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù trong các trường PTDTNT và PTDTBT, như: giáo dục kỹ năng sống, giáo dục hướng nghiệp, và các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo tích hợp văn hóa truyền thống. Phấn đấu 100% học sinh PTDTNT và PTDTBT được trang bị đầy đủ kỹ năng cần thiết về tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp và kỹ năng hội nhập cộng đồng.

- Phát triển giáo dục hòa nhập theo hướng bảo đảm quyền học tập cho trẻ khuyết tật, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, không rào cản và cá nhân hóa hỗ trợ học tập; đồng thời nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ làm công tác hòa nhập và hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề và giáo dục đại học theo chuẩn đầu ra, gắn nhu cầu xã hội và thị trường lao động; tăng cường kiểm định chất lượng, nâng cao năng lực nhà giáo và cán bộ quản lý, thúc đẩy hợp tác đào tạo, từng bước mở rộng cơ hội học tập suốt đời và nâng cao khả năng cạnh tranh của người học.

c) Ngành khoa học và công nghệ

- Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính của tăng trưởng kinh tế, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng; là nhân tố quyết định tăng cường sức cạnh tranh của tỉnh.

- Phát triển đồng bộ, liên ngành trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trọng tâm, trọng điểm là phát triển nông nghiệp và du lịch. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, nhà khoa học là nhân tố then chốt, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh; Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, kiến tạo thể chế và quản trị linh hoạt. Xây dựng và phát triển nguồn lực khoa học và công nghệ đủ khả năng tiếp thu, ứng dụng, làm chủ và phát triển công

nghệ chiến lược; hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển khoa học, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các ngành, lĩnh vực: Công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), ISO điện tử, GIS online, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học; phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp với các loại cây trồng, dược liệu, kỹ thuật canh tác, bảo quản, chế biến các sản phẩm nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm. Đăng ký bảo hộ, nhãn hiệu sản phẩm đặc trưng đưa vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại trong nước và hướng tới xuất khẩu. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao trong điều chế thuốc đông y; công nghệ tiên tiến trong chẩn đoán và điều trị bệnh cho Nhân dân..

d) An sinh xã hội

- Thực hiện giảm nghèo bền vững gắn với phát triển kinh tế - xã hội, nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; triển khai hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn. Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội đảm bảo phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và thụ hưởng dịch vụ trợ giúp xã hội.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định; nâng cao chất lượng cuộc sống của người có công phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm, mua bán người, ma túy với các chương trình an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống của cá nhân, cộng đồng, bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, đảm bảo an sinh xã hội.

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới mức 2,5% vào năm 2030.

đ) Ngành thông tin và truyền thông

- Phát triển hệ thống thông tin, truyền thông và hạ tầng số đồng bộ, nhằm tăng cường khả năng kết nối, phục vụ công cuộc chuyển đổi số và phát triển kinh tế số; chuyển dịch từ dịch vụ bưu chính truyền thống sang dịch vụ bưu chính số và khuyến khích phát triển các nền tảng số để ứng dụng trong lĩnh vực bưu chính.

e) Lĩnh vực văn hóa, thể thao

“Phát triển văn hóa, thể thao theo hướng bền vững, lấy bảo tồn và phát huy giá trị di sản làm nền tảng, đồng thời gắn phát triển văn hóa với việc hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù, nâng cao sức hấp dẫn của Điện Biên như một điểm đến giàu bản sắc văn hóa, lịch sử và thiên nhiên độc đáo của vùng Tây Bắc”:

- Phát triển văn hóa, thể thao gắn với du lịch theo các vùng kinh tế, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn di sản và khai thác giá trị phục vụ phát triển bền vững: Trong đó, vùng trung tâm (Điện Biên Phủ, Mường Lay, Mường Thanh) giữ vai trò hạt nhân, bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, các di sản văn hóa phi vật thể được đưa vào danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và phát triển các thiết chế văn hóa, nghỉ dưỡng cao cấp. Vùng sinh thái - văn hóa (Tủa

Chùa, Tuần Giáo, Mường Ảng) chú trọng bảo tồn không gian cộng đồng, kết hợp du lịch trải nghiệm nông nghiệp đặc sản và chợ phiên vùng cao. Vùng biên giới (Mường Nhé, Nà Hỳ, Na Sang...) tập trung phục dựng bản sắc các dân tộc ít người và phát triển du lịch khám phá. Song song đó, tỉnh tiếp tục ưu tiên nguồn lực để bảo tồn, tôn tạo các di tích xếp hạng, trọng tâm là Di tích quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ nhằm phát huy tối đa giá trị lịch sử.

- Phát triển theo các trục động lực liên kết không gian văn hóa - thể thao - du lịch: Hình thành các hành lang kết nối các trung tâm văn hóa, điểm di tích, khu du lịch và thiết chế thể thao. Trục giao thông chiến lược gắn với cảng hàng không tạo điều kiện tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao quy mô quốc tế và khu vực, đồng thời mở rộng khả năng thu hút khách du lịch. Các trục quốc lộ liên vùng hình thành mạng lưới giao lưu văn hóa, kết nối chuỗi điểm đến từ trung tâm tỉnh đến khu vực biên giới, góp phần lan tỏa giá trị di sản và phát triển du lịch bền vững.

- Phát triển theo các cực tăng trưởng văn hóa - thể thao - du lịch trọng điểm: Đô thị Điện Biên Phủ là cực trung tâm, ưu tiên đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh đạt chuẩn quốc gia, trở thành trung tâm tổ chức sự kiện, biểu diễn nghệ thuật và quảng bá di sản. Đô thị Mường Lay phát triển theo định hướng đô thị văn hóa - du lịch sinh thái, trung tâm thể thao dưới nước và khai thác cảnh quan hồ thủy điện. Đô thị Tuần Giáo trở thành trung tâm dịch vụ văn hóa, du lịch cửa ngõ phía Đông, phát triển phong trào thể thao quần chúng gắn với du lịch cộng đồng. Đô thị Mường Nhé là không gian bảo tồn, nghiên cứu và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc ít người khu vực biên giới, kết hợp phát triển du lịch sinh thái và trải nghiệm bản sắc bản địa.

f) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng, phát triển tỉnh Điện Biên giàu mạnh kết hợp chặt chẽ với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh trên từng địa bàn chiến lược; tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

3. Phương hướng tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội (theo 04 trục động lực - 03 vùng kinh tế - 04 cực tăng trưởng)

a) 04 trục động lực, gồm:

(1) Trục kinh tế động lực theo Quốc lộ 279, tuyến cao tốc Điện Biên - Sơn La - Hà Nội, gắn với cảng hàng không Điện Biên: là trục động lực chính, quan trọng của toàn vùng; là tuyến giao thông tạo sự kết nối mạnh mẽ, thông suốt giữa tỉnh Điện Biên và các tỉnh Tây Bắc, các tỉnh trong vùng trung du miền núi phía Bắc cũng như sang nước bạn Lào thông qua cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc. Trục kinh tế này là động lực phát triển kinh tế toàn tỉnh mà trọng tâm là phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại, nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp chế biến; kết nối các xã, phường từ khu vực xã Quài Tở, Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Búng Lao, Mường Ảng, Nà Tấu, Mường Phăng, đến khu vực phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An, xã Sam Mứn.

(2) Trục phát triển kinh tế dọc theo Quốc lộ 12: Là trục kết nối giữa khu vực phía Bắc với khu vực phía Nam tỉnh và kết nối sang Lào thông qua cửa khẩu Huổi Puốc, cửa khẩu Tây Trang; kết nối không gian phát triển của các xã, phường sau sáp nhập từ Phường Mường Lay, xã Mường Tùng, xã Na Sang, xã Mường Pồn, xã Thanh Nưa, đến phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An. Đây là tuyến giao thông cần được ưu tiên đầu tư trong giai đoạn tới để phát huy lợi thế của Cảng hàng không Điện Biên và tăng cường kết nối với các tỉnh lân cận.

(3) Trục phát triển kinh tế phát triển dọc theo Quốc lộ 6: Là trục kết nối các xã, phường sau sáp nhập từ khu vực xã Quài Tở, xã Tuần Giáo, Mường Mùn, Nậm Nèn, Pa Ham lên phường Mường Lay và các tỉnh phía Đông Nam (Sơn La - Phú Thọ - Hà Nội); kết hợp với các tuyến đường tỉnh 139, đường tỉnh 146, đường tỉnh 149B tạo thành trục vành đai phía Đông của tỉnh liên kết các xã, tăng cường giao lưu giữa khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh.

(4) Trục phát triển kinh tế dọc theo Quốc lộ 4H kết nối với vùng phía Tây của tỉnh: Là trục giao thông quan trọng góp phần phát triển du lịch và thương mại dịch vụ, kết nối với Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé và cửa khẩu A Pa Chải sang Trung Quốc; kết nối không gian phát triển của các xã, phường sau sáp nhập từ các xã Na Sang, Si Pa Phìn, Mường Chà, Quảng Lâm, Nậm Kè, đến các xã Mường Toong, Mường Nhé, Sín Thầu.

b) 03 vùng kinh tế - xã hội gồm:

- Vùng kinh tế I (vùng kinh tế động lực): Bao gồm phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, các xã Thanh An, Nà Tấu, Mường Phăng, Thanh Nưa, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà, Na Son, Xa Dung, Pu Nhi, Mường Luân, Tia Đình, Phình Giàng; là vùng động lực phát triển đa dạng các lĩnh vực: Nông lâm nghiệp, du lịch, công nghiệp chế biến, thương mại dịch vụ...

- Vùng kinh tế II: Bao gồm các xã Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Mường Ảng, Búng Lao, Mường Lạn; là vùng tập trung phát triển kinh tế nông lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, du lịch.

- Vùng kinh tế III: Bao gồm các xã Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè, Quảng Lâm, Nà Hỳ, Mường Chà, Nà Búng, Chà Tở, Si Pa Phìn, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham, Nậm Nèn, Mường Pồn và Phường Mường Lay; là vùng tập trung phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản, du lịch thương mại dịch vụ.

c) 04 Cực tăng trưởng, gồm:

- Đô thị Điện Biên Phủ, gồm: Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An. Là đô thị trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế xã hội, thương mại dịch vụ, du lịch, khoa học kỹ thuật, giáo dục đào tạo, văn hóa nghệ thuật của tỉnh; là đô thị trung tâm của vùng Tây Bắc. Tập trung xây dựng hình ảnh đô thị văn hóa - lịch sử và du lịch; phát triển mạnh vận tải trung chuyển quốc tế gắn với cửa khẩu Tây Trang, cửa khẩu Huổi Puốc và trục kinh tế Viên Chăn - Điện Biên Phủ - Côn Minh.

- Đô thị Mường Lay gồm phường Mường Lay: Phát triển thành trung tâm du lịch sinh thái của vùng phía Bắc tỉnh; xây dựng các cơ sở phục vụ du lịch, tạo các sản phẩm du lịch đa dạng gắn với văn hóa bản địa.

- Đô thị Tuần Giáo gồm xã Tuần Giáo: Phát triển thành trung tâm công nghiệp, dịch vụ thương mại cửa ngõ phía Đông của tỉnh; thu hút đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp để thúc đẩy kinh tế của các xã khu vực phía Đông tỉnh.

- Đô thị Mường Nhé gồm xã Mường Nhé: Là trung tâm vùng kinh tế số III, phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, du lịch sinh thái và đặc biệt là thương mại - dịch vụ qua cửa khẩu biên giới.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN VÀ CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị

- Định hướng đến năm 2030 tỉnh Điện Biên có 07 đô thị:

+ 01 đô thị loại II: Đô thị Điện Biên Phủ (Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An).

+ 02 đô thị loại III trên toàn ranh giới xã phường: Đô thị Mường Lay, Đô thị Tuần Giáo.

+ 04 đô thị loại III đạt tiêu chí đô thị loại III: Đô thị Na Son, đô thị Na Sang, đô thị Tủa Chùa, đô thị Mường Ảng.

+ Tỷ lệ đô thị hóa 32%

- Định hướng đến năm 2050 tỉnh Điện Biên có 11 đô thị

+ 01 đô thị loại II: Đô thị Điện Biên Phủ (phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An, xã Thanh Nưa, xã Thanh Yên).

+ 04 đô thị loại III trên toàn ranh giới xã phường: Đô thị Mường Lay, Đô thị Tuần Giáo, Đô thị Mường Ảng, Đô thị Tủa Chùa.

+ 02 đô thị loại III đạt tiêu chí đô thị loại III: Đô thị Na Son, Đô thị Na Sang.

Trong đó, 04 đô thị loại III thêm mới giai đoạn sau năm 2030: Đô thị Mường Nhé, Đô thị Mường Luân, Đô thị A Pa Chải (xã Sín Thầu), Đô thị Nà Hỳ. Nghiên cứu phát triển các đô thị trung tâm xã, các khu vực đô thị này sẽ được thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

(Chi tiết tại Phụ lục I)

2. Phương án tổ chức lãnh thổ nông thôn

Các xã, thôn, bản phát triển theo mô hình nông thôn mới gắn với đặc thù của từng khu vực trên cơ sở bổ sung hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và cơ sở sản xuất, trong đó:

- Đối với các khu vực phát triển mới: Các khu dân cư mới được sắp xếp tại vị trí thuận tiện cho sản xuất của từng khu vực. Mỗi khu dân cư được bố trí đất thương mại, đất sản xuất và đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ

thuật, hạ tầng xã hội kết nối thuận lợi đến các khu vực đô thị và trung tâm dịch vụ.

- Đối với các khu vực dân cư hiện hữu: Giữ gìn không gian cảnh quan, kiến trúc công trình. Bảo tồn không gian nhà ở, công trình văn hóa truyền thống mang nét đặc trưng địa phương, đặc trưng văn hóa của mỗi dân tộc tại từng khu vực.

3. Phương án phát triển các trung tâm hành chính cấp tỉnh và cấp xã

- Phương án bố trí trung tâm cấp tỉnh: Trung tâm hành chính cấp tỉnh tiếp tục đặt tại khu vực đô thị lõi của Điện Biên Phủ, bảo đảm vai trò là trung tâm chính trị - hành chính, kinh tế, văn hóa của tỉnh.

- Phương án bố trí trung tâm hành chính cấp xã/phường sau sắp xếp

+ Sau khi thực hiện sáp nhập, số lượng đơn vị hành chính cấp xã giảm, quy mô diện tích và dân số mỗi đơn vị tăng lên. Phương án bố trí trung tâm hành chính cấp xã được xác định.

+ Bố trí trung tâm hành chính phường: Trung tâm hành chính phường đặt tại khu vực có hạ tầng hoàn chỉnh. Ưu tiên sử dụng trụ sở trước sáp nhập có vị trí trung tâm, giao thông thuận lợi. Các trụ sở dôi dư ưu tiên chuyển đổi sang thiết chế công cộng (nhà sinh hoạt cộng đồng, trường mầm non, y tế cơ sở...).

+ Bố trí trung tâm hành chính xã: Lựa chọn vị trí trung tâm địa lý tương đối của đơn vị hành chính mới, bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý cho người dân. Ưu tiên cải tạo, mở rộng trụ sở hiện có thay vì xây mới. Khu vực miền núi, biên giới bảo đảm yếu tố quốc phòng - an ninh, an toàn địa chất, thuận lợi kết nối giao thông. Các trụ sở dôi dư ưu tiên chuyển đổi thành trạm y tế, điểm trường mầm non, trung tâm học tập cộng đồng, nhà công vụ hoặc nhà sinh hoạt thôn, bản...

4. Phương án phát triển các khu chức năng

a) Phương án phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Các khu bố trí phát triển công nghiệp tập trung đảm bảo đáp ứng được các yếu tố, điều kiện về kết nối giao thông thuận lợi, đầy đủ các điều kiện hạ tầng điện, nước, thu gom, xử lý rác thải, nước thải, bố trí các dịch vụ phục vụ người lao động; đồng thời, đảm bảo khai thác, sử dụng có hiệu quả về đất đai.

- Hình thành 02 Khu công nghiệp diện tích mỗi khu khoảng 75ha và phát triển 15 cụm công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch là 388,92 ha. Bên cạnh đó hình thành 02 Khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang và Khu kinh tế cửa khẩu A Pa Chải.

(Chi tiết tại Phụ lục II)

b) Phương án phát triển các khu, điểm du lịch, dịch vụ du lịch

- Khu du lịch: Thu hút đầu tư, phát triển khu du lịch Điện Biên Phủ - Pá Khoang (xã Mường Phăng, phường Điện Biên Phủ), trở thành khu du lịch quốc gia theo quy hoạch. Từng bước xây dựng Khu du lịch Tủa Chùa (xã Tủa Chùa, Tủa Thàng, Sín Chải, Sính Phình, Sáng Nhè) có cơ sở hạ tầng du lịch đồng bộ, sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với lợi thế về tài nguyên du lịch thiên nhiên, văn

hóa trở thành khu du lịch quốc gia khi có đủ điều kiện. Tập trung xây dựng, phát triển khu phố đi bộ, chợ đêm kết hợp khu vui chơi giải trí đa chức năng (phường Điện Biên Phủ, xã Tủa Chùa); Xây dựng Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé trở thành khu du lịch sinh thái tiêu biểu, chất lượng cao...

- Điểm du lịch: Lựa chọn, xây dựng một số bản du lịch cộng đồng, điểm du lịch tiêu biểu: Bản Nà Sạ, xã Mường Chà; bản Tá Miếu, xã Sín Thầu; bản Quan Chiêng và Di tích Pú Vap, phường Mường Lay; bản Lồng, xã Quài Tở; bản Phiêng Lơi, phường Điện Biên Phủ; bản Che Cẩn, xã Mường Phăng; bản Huổi Nhả, xã Mường Pồn; Di tích thành Bản Phủ, xã Thanh An; Cột mốc ngã ba biên giới, xã Sín Thầu; hang động Khó Chua La, xã Sáng Nhè; hang động Pa Thom, xã Thanh Yên; hang động Chua Ta, xã Núa Ngam; Thành Vàng Lồng, Cao nguyên đá Tủa Chùa, xã Sính Phình,... và những địa điểm đủ điều kiện.

- Xây dựng ít nhất 01 công viên hoa ban kết hợp hoa anh đào và hoa khác, 01 phố du lịch - ẩm thực tại phường Điện Biên Phủ; thu hút đầu tư các khu nghỉ dưỡng cao cấp, khoáng nóng, khu vui chơi giải trí đa chức năng, khu vực ẩm thực chuyên đề, phố đi bộ, chợ đêm.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

c) Phương án phát triển khu nghiên cứu đào tạo

- Tập trung xây dựng và phát triển khu nghiên cứu đào tạo công nghệ của tỉnh tại phường Điện Biên Phủ. Khu nghiên cứu đào tạo tập trung các cơ sở nghiên cứu phát triển, hỗ trợ nghiên cứu phát triển, sản xuất thực nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong tỉnh; thu hút các chuyên gia trong các ngành công nghệ cao và những người có trình độ cao làm công tác nghiên cứu, đào tạo nhân lực ứng dụng công nghệ cao cho sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất nông nghiệp và chuyển giao công nghệ trồng trọt, chăn nuôi.

- Ngoài ra, thu hút đầu tư để thành lập khu nghiên cứu vệ tinh nhằm phát triển các sản phẩm nông lâm sản và vật liệu xây dựng tại các cụm khu công nghiệp góp phần thúc đẩy và nâng cao giá trị kinh tế các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Các khu vực cần bảo tồn, bao gồm Vườn Quốc gia Mường Nhé (trên cơ sở nâng hạng Khu Dự trữ thiên nhiên Mường Nhé) và Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng.

- Duy trì hiện trạng công trình hoặc tu bổ, cải tạo, xây dựng mới phù hợp với hiện trạng kiến trúc của khu vực; kiểm soát hoạt động xây dựng, loại hình công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng, kiến trúc công trình xây dựng phù hợp với cảnh quan và đặc trưng văn hoá cần được bảo tồn.

- Hạn chế tối đa các hoạt động có nguy cơ gây sạt lở; quản lý chặt chẽ, hạn chế cấp phép khai thác vật liệu xây dựng, không xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư tập trung. Kiểm soát mật độ xây dựng, loại công trình xây dựng, cấp công trình xây dựng; chú trọng sử dụng các phương pháp chống sạt lở đất. Khuyến khích trồng rừng, cây xanh, các biện pháp bảo vệ đất và lớp phủ thực vật khác.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

đ) Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Phân bố không gian phát triển trồng trọt tập trung:

+ Cây cà phê: Quản lý, chăm sóc tốt diện tích hiện có; mở rộng diện tích tại các vùng có điều kiện phù hợp, tái canh diện tích cà phê già cỗi, kém hiệu quả. Đẩy mạnh gieo ươm giống từ cây đầu dòng, trồng xen với cây mắc ca và cây ăn quả. Xây dựng nhà máy chế biến tại các xã: Tuần Giáo, Na Son, Nà Hỳ...

Các xã phát triển trên 1.000 ha, gồm: Mường Ảng, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Xa Dung...; Các xã phát triển từ 500 ha đến 1.000 ha, gồm: Nà Tấu, Búng Lao, Na Son, Pu Nhi, Mường Luân, Tuần Giáo, Nà Hỳ, Si Pa Phìn, Sín Chải, Nậm Kè, Mường Chà, Sáng Nhè...; Các xã phát triển từ 300 ha đến dưới 500 ha, gồm: Mường Lạn, Tà Đình, Phình Giàng, Na Sang, Mường Pồn, Quảng Lâm... Các xã còn lại dưới 300 ha.

+ Cây ăn quả: Duy trì diện tích cây ăn quả hiện có, thực hiện ghép cải tạo đối với vườn già cỗi để cải thiện năng suất. Tiếp tục mở rộng diện tích trồng dứa và chanh leo theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung. Xây dựng nhà máy chế biến tại các xã Quài Tở, Mường Nhà, Na Sang...

Vùng trồng dứa tập trung tại các xã: Mường Pồn, Mường Nhà, Núa Ngam, Sam Mứn, Pú Nhung, Na Sang...

Vùng trồng chanh leo tập trung: Chuyển đổi các diện tích lúa một vụ, lúa 2 vụ kém hiệu quả để phát triển chanh leo tại các xã: Si Pa Phìn, Mường Pồn, Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Mường Lạn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung...

+ Rau, màu: Phát triển sản xuất rau, màu theo hướng hàng hóa tập trung, gắn với lợi thế từng vùng; cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn tỉnh và một phần xuất ra ngoài tỉnh. Đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất an toàn, VietGAP, hữu cơ... Hình thành vùng sản xuất tập trung, trọng tâm tại các xã, phường: Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Nà Tấu, Tà Đình, Na Sang, Si Pa Phìn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Lay, Mường Thanh...

Các sản phẩm đặc sản khác: Mở rộng diện tích, nâng cao sản lượng tại vùng có lợi thế bản địa cao và các khu vực lân cận: khoai sọ (Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Xa Dung...), bí xanh (Tà Đình, Mường Luân), lạc đỏ (Na Son, Phình Giàng...),... xây dựng sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP cho các sản phẩm đặc sản bản địa.

+ Cây chè Shan: Cải tạo và phát triển vùng chè, nâng cao năng suất, chất lượng theo hướng canh tác hữu cơ, an toàn. Bảo tồn, phát huy giá trị cây chè cổ thụ, chè cây cao gắn với khai thác giá trị kinh tế, văn hóa - lịch sử và du lịch tại các xã: Mường Lạn, Sính Phình, Sín Chải, Na Sang, Mường Tùng, Pa Ham...

- Phân bố không gian phát triển chăn nuôi tập trung: Phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm theo hình thức trang trại, gia trại tập trung, gắn với sản xuất thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ. Phát triển chăn nuôi tập trung tại các xã Mường Pồn, Na Sang, Búng Lao, Núa Ngam, Chiềng Sinh và các địa bàn phù hợp khác;

đẩy mạnh chuyển đổi phương thức từ chăn thả trâu, bò tự do sang nuôi nhốt,...

- Phân bố không gian phát triển nuôi trồng thủy sản: phát triển nuôi cá lồng bè tại các khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La khu vực xã Tủa Thành, Sín Chải; các hồ thủy lợi: Pá Khoang, Hồng Khênh, Hồng Sặt, Pe Luông; nuôi trong ao, bể tại các xã, phường: Thanh An, Thanh Yên, Thanh Nưa, Mường Phăng, Điện Biên Phủ, Quài Tở, Tuần Giáo.

- Phân bố không gian phát triển lâm nghiệp: Duy trì 02 khu rừng đặc dụng hiện có là Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé và Khu rừng di tích lịch sử và cảnh quan môi trường Mường Phăng; phát triển vùng trồng nguyên liệu gỗ, trồng rừng sản xuất trên địa bàn các xã phường; phát triển vùng trồng cây mắc ca quy mô cụ thể như sau:

Các xã phát triển trên 1.000 ha, gồm: Na Son, Mường Luân, Mường Nhà, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Sín Thầu, Mường Nhé, ...; các xã phát triển từ 500 ha đến 1.000 ha, gồm: Mường Pồn, Thanh Nưa, Núa Ngam, Mường Ảng, Mường Toong, Nậm Kè, Mường Chà, Chà Tở, Si Pa Phìn, Sáng Nhè, Mường Phăng, Xa Dung, Pu Nhi, Tà Dinh, Phình Giàng, Na Sang, Mường Tùng, Nậm Nèn, Quảng Lâm, Tủa Chùa,...; các xã còn lại dưới 500 ha..

(Chi tiết tại Phụ lục XVI)

e) Khu quân sự, an ninh

- Các khu quân sự, an ninh đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất do Thủ tướng Chính phủ phân bổ. Việc bố trí xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn được thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng và tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bố trí các công trình hạ tầng phòng cháy chữa cháy tại trung tâm các đô thị, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm có nguy cơ về cháy nổ, đảm bảo thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc và đáp ứng các quy định hiện hành.

g) Phương án phát triển những khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

- Thu hút đầu tư xây dựng các công trình công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại và xây dựng hạ tầng xã hội khác để phát triển sinh kế, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đặc biệt là hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, cấp nước, cơ sở năng lượng, hạ tầng thương mại dịch vụ (chợ), hạ tầng viễn thông, thông tin, truyền hình phục vụ khu vực đặc biệt khó khăn.

- Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách phát triển lâm nghiệp, làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng gắn với ổn định và nâng cao thu nhập góp phần nâng cao đời sống đồng bào gắn với rừng.

- Ưu tiên giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số; quy hoạch, bố trí sắp xếp, di dời các hộ dân trong vùng thiên tai nguy hiểm gắn với ổn định đời sống dân cư.

- Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

a) Đường bộ

- Hệ thống đường cao tốc và quốc lộ trên địa bàn tỉnh được định hướng phát triển, đầu tư xây dựng theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trong đó:

+ Đường cao tốc Sơn La - Điện Biên (CT.03): Điều chỉnh lộ trình đầu tư, triển khai xây dựng trong giai đoạn trước năm 2030.

+ Hệ thống quốc lộ: Bao gồm các tuyến QL6, QL4H, QL12, QL279, QL279B, QL279C và QL12D; định hướng đầu tư nâng cấp, cải tạo đảm bảo quy mô tối thiểu theo quy hoạch được duyệt. Trong đó, tuyến Quốc lộ 4H được điều chỉnh định hướng nâng cấp đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III-IV, quy mô 2-4 làn xe. Ưu tiên đầu tư nâng cấp các tuyến quốc lộ hiện hữu nhằm đáp ứng yêu cầu kết nối và năng lực khai thác; đối với các đoạn tuyến đi qua khu vực đô thị, nghiên cứu phương án xây dựng đường tránh hoặc mở rộng mặt cắt ngang phù hợp với quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị.

- Hệ thống đường bộ do địa phương quản lý: Định hướng phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, bảo đảm khả năng kết nối thuận lợi, thông suốt giữa các địa phương trong tỉnh, với các tỉnh trong vùng và cả nước. Ưu tiên đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường tỉnh hiện hữu; đồng thời nghiên cứu đầu tư xây dựng mới một số tuyến đường tỉnh nhằm tăng cường kết nối các trung tâm xã sau sắp xếp đơn vị hành chính. Bên cạnh đó, đầu tư xây dựng, cải tạo hệ thống đường đô thị và đường liên xã; ưu tiên phát triển các trục giao thông chính trong đô thị và các tuyến đường liên xã kết nối trung tâm hành chính các địa phương, phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt; đồng thời phát triển hệ thống giao thông nội đồng, giao thông kết nối các vùng sản xuất tập trung với cơ sở chế biến.

b) Đường thủy nội địa

Các tuyến đường thủy nội địa do trung ương quản lý được thực hiện theo Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Đối với hệ thống đường thủy nội địa do địa phương quản lý, định hướng phát triển các luồng tuyến và hệ thống bến thủy nội địa theo hướng linh hoạt; nghiên cứu bổ sung, mở mới các tuyến luồng và bến thủy nội địa trong tương lai tại các khu vực hình thành hồ thủy điện lớn và trên các tuyến sông đủ điều kiện khai thác vận tải, phù hợp với nhu cầu của nhà đầu tư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Cảng hàng không

Định hướng phát triển Cảng hàng không Điện Biên đạt tiêu chuẩn cấp 3C theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc

thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất nâng cấp Cảng hàng không Điện Biên thành cảng hàng không quốc tế cấp 4E sau năm 2030 khi được cấp có thẩm quyền cho phép điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch ngành quốc gia, để phù hợp với Quy hoạch vùng Trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

d) Công trình hạ tầng giao thông khác

- Bến xe khách: Định hướng nâng cấp, cải tạo các bến xe khách hiện hữu; đồng thời nghiên cứu đầu tư xây dựng mới một số bến xe khách tại trung tâm các cụm xã có điều kiện hạ tầng giao thông thuận lợi, đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân; khuyến khích xã hội hóa đầu tư.

- Bãi đỗ xe: Định hướng bố trí các bãi đỗ xe tại khu vực trung tâm đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu thương mại - dịch vụ và trung tâm hành chính; khuyến khích đầu tư xây dựng các bãi đỗ xe công cộng theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

- Trạm dừng nghỉ: Định hướng quy hoạch và đầu tư xây dựng các trạm dừng nghỉ trên một số tuyến giao thông trọng điểm, gồm đường cao tốc, quốc lộ và các trục kết nối vùng, bảo đảm phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, dịch vụ cho người và phương tiện tham gia giao thông.

- Công trình logistics: Định hướng quy hoạch trung tâm logistics cấp vùng tại khu vực cửa khẩu Tây Trang và khu vực Cảng hàng không Điện Biên; đồng thời phát triển hệ thống kho bãi và các trung tâm logistics quy mô nhỏ tại trung tâm các xã, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động trung chuyển, lưu kho và phân phối hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực.

- Đề tăng cường liên kết không gian phát triển giữa tỉnh Điện Biên và khu vực Sìn Hồ (Lai Châu), hình thành trục kết nối Huổi Sớ - Sìn Hồ thông qua đầu tư xây dựng cầu vượt sông kết hợp nâng cấp hạ tầng giao thông hai đầu tuyến.

(Chi tiết tại Phụ lục III)

2. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới điện

- Nguồn điện: Duy trì, phát triển các nguồn điện hiện có trên địa bàn tỉnh; tiếp tục triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện đã được được chấp thuận chủ trương đầu tư đảm bảo theo quy định của pháp luật. Phát triển mới một số dự án nguồn điện tiềm năng (thủy điện, điện gió, điện sinh khối, điện mặt trời, điện rác...).

- Lưới điện: Phát triển đồng bộ lưới điện truyền tải và phân phối trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây 500kV, 220kV và 110kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu, cụm công nghiệp và các khu du lịch, các dự án công nghiệp lớn. Nâng cao độ tin cậy an toàn cung cấp điện, đảm bảo chất lượng điện năng lưới điện toàn tỉnh với việc được cấp từ 02 nguồn trở lên. Đảm bảo truyền tải tối đa công suất các nhà máy điện để khai thác hiệu quả, an toàn nguồn tài nguyên năng lượng của tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

3. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

- Nâng cấp, xây mới hạ tầng mạng lưới bưu chính, trọng tâm chuyển đổi hạ tầng truyền thống sang hạ tầng số, phát triển thương mại điện tử và logistics; thúc đẩy cung ứng dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng, vận hành và chia sẻ, khuyến khích sử dụng chung hạ tầng bưu chính.

Phát triển đồng bộ, hiện đại hoá hạ tầng bưu chính, viễn thông đi trước một bước để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Chuyển đổi hạ tầng bưu chính thành hạ tầng logistics, TMĐT. Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số phục vụ toàn diện quá trình chuyển đổi số quốc gia, bảo đảm phổ cập dịch vụ, băng thông siêu rộng, dung lượng siêu lớn, xanh, mở, thông minh, an toàn và bền vững.

- Phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động

+ Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo hướng đồng bộ, liên thông với hạ tầng giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp thoát nước, công trình ngầm và các hạ tầng kỹ thuật khác; bảo đảm sử dụng chung công trình hạ tầng giữa các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các ngành, gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Triển khai ngầm hóa mạng cáp theo từng khu vực hành chính, ưu tiên khu vực trọng điểm và khu vực có yêu cầu cao về mỹ quan đô thị; thực hiện đồng bộ ngầm hóa cáp viễn thông và cáp truyền hình, gắn với đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông, đô thị và các hạ tầng kỹ thuật khác, theo hướng sử dụng chung và phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung liên ngành.

+ Các công trình hạ tầng kỹ thuật phải tuân thủ quy chuẩn, trong đó hạ tầng viễn thông thụ động là nội dung bắt buộc trong thiết kế cơ sở; chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp thông tin dự án để tổ chức cho doanh nghiệp viễn thông đăng ký sử dụng chung. Việc xây dựng cột ăng ten bảo đảm phù hợp cảnh quan và dùng chung hạ tầng: khu vực đô thị, trung tâm xã và các tuyến phố chỉ lắp đặt cột A1, hoàn thành chuyển đổi A2a sang A1 tại đô thị và khu du lịch; khu vực nông thôn phát triển cột A2 tại nơi có quỹ đất, lõm hoặc sóng yếu, khuyến khích nguy trang, thân thiện môi trường; thực hiện tắt sóng 2G/3G theo lộ trình do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

+ Xây dựng và nâng cấp tuyến truyền dẫn quang liên tỉnh (bao gồm cả tuyến truyền dẫn dự phòng) thuộc tuyến: Điện Biên - Lai Châu và Điện Biên - Sơn La. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng các dịch vụ băng thông rộng trong tương lai, xây dựng các tuyến truyền dẫn quang nội tỉnh bảo đảm dung lượng cao, kết nối liên vùng, đặc biệt là các vùng kinh tế - chính trị, vùng động lực phát triển của tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, ưu tiên phân đầu phát triển đô thị thông minh, phục vụ nhu cầu phát triển các dịch vụ băng thông tốc độ và chất lượng cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

4. Phương án phát triển mạng lưới cấp nước, thủy lợi

- Phương án phân vùng cấp nước: Phân vùng cấp nước theo 3 hệ thống lưu vực sông lớn gồm: Sông Đà, Sông Mã và Sông Mê Kông với các phụ lưu

chính như: Nậm Ma, Nậm Bum, Nậm Múc, Nậm Muôi, Nậm Húa, Suối Lư, Nậm Róm, Nậm Núa...

- Phương án phát triển các hệ thống cấp nước sinh hoạt: Cải tạo, nâng cấp, xây mới các nhà máy cấp nước tại các đô thị để đảm bảo 100% dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt tiêu chuẩn. Cải tạo, nâng cấp, xây mới các công trình cấp nước nông thôn để đảm bảo tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó dân số nông thôn sử dụng nước đạt tiêu chuẩn đạt 55%.

- Phương án phát triển thủy lợi: Ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng các hồ chứa, nâng dung tích các hồ chứa lên tối thiểu 130 triệu m³ trên cơ sở danh mục định hướng các hồ chứa và các danh mục phát sinh mới nhưng phải đảm bảo mục tiêu để cấp nước ổn định cho dân sinh và các ngành kinh tế, đặc biệt phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển các cây trồng chủ lực (mắc ca, cà phê, ...); Bảo vệ, tôn tạo kênh, mương khơi thông các dòng chảy sông suối, kênh nhất là khu vực phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh... thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước, quốc phòng và an ninh. Ưu tiên nguồn lực đầu tư các dự án kè chống sạt lở tại các khu vực có nguy cơ cao trên cơ sở diễn biến thực tế xảy ra tại các khu vực và khả năng cân đối nguồn lực để đề xuất các danh mục cụ thể.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

5. Phương án phát triển mạng lưới thoát nước thải

- Khu vực đô thị: Hình thức xử lý nước thải có thể xây dựng trạm xử lý tập trung hoặc trạm xử lý phân tán tùy theo điều kiện địa hình, bố trí các khu dân cư và phân khu chức năng đô thị.

- Nước thải khu công nghiệp: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, bố trí các nhà máy xử lý nước thải cho từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Nước thải y tế: Nước thải từ bệnh viện và các cơ sở y tế được xử lý cục bộ bằng các trạm xử lý đảm bảo qui định hiện hành.

- Khu vực nông thôn: Các cụm dân cư sống tập trung nước thải được xử lý cục bộ qua bể tự hoại sau đó theo hệ thống cống chung được dẫn về các trạm xử lý tập trung.

6. Phương án phát triển các khu vực xử lý chất thải

- Xây dựng 01 khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Sam Múm, với đầy đủ công nghệ chế biến phân hữu cơ, tái chế chất thải rắn, chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh, nhằm xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho khu vực vùng kinh tế I. Xử lý chất thải rắn công nghiệp nguy hại trên địa bàn toàn tỉnh.

- Xây dựng 09 khu xử lý chất thải rắn cấp huyện cũ xử lý cho đô thị trung tâm hành chính xã, phường và khu dân cư nông thôn các xã phụ cận. Sử dụng công nghệ phân loại, thu hồi các thành phần có khả năng tái chế, chế biến phân hữu cơ tại các khu xử lý. Tập trung đầu tư lò đốt chất thải rắn sinh hoạt quy mô nhỏ (5-7 tấn/ngày) và xây dựng bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh.

- Chất thải rắn phát sinh từ các khu, cụm du lịch được thu gom và xử lý chung với chất thải rắn đô thị.

- Riêng đối với khu xử lý chất thải, nước thải của các khu vực có hoạt động khai thác khoáng sản.

(Chi tiết tại Phụ lục VI)

7. Phương án phát triển khu nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và tang lễ

- Nghĩa trang đô thị: Quy hoạch 12 nghĩa trang tập trung tại các khu đô thị với tổng diện tích khoảng 235 ha, trong đó nghĩa trang lớn nhất là công viên nghĩa trang Điện Biên với diện tích 100 ha (tại xã Thanh Nưa).

- Nghĩa trang nông thôn: Mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 01 nghĩa trang tập trung với qui mô dự kiến 5-10 ha, công nghệ táng phù hợp từng địa phương (hung táng, cát táng).

(Chi tiết tại Phụ lục VII)

8. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy và chữa cháy

Xây dựng mạng lưới trụ sở, doanh trại của lực lượng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, đảm bảo mỗi khu vực thuộc huyện trước sáp nhập có tối thiểu 01 đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

Xây dựng hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đảm bảo đủ rộng và đủ tải để xe chữa cháy hoặc cứu nạn cứu hộ dài nhất, rộng nhất, cao nhất và nặng nhất của lực lượng chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tiếp cận được.

Hệ thống cung cấp nước chữa cháy đảm bảo đáp ứng theo quy định hiện hành. Hệ thống thông tin liên lạc phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đảm bảo tuân thủ theo quy định và được kết nối với các đơn vị tỉnh lân cận và Trung ương.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII)

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển hạ tầng y tế và trợ giúp xã hội

Hệ thống y tế công lập được quy hoạch phát triển đồng bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở, thích ứng linh hoạt với quy mô dân số và mô hình đơn vị hành chính mới. Mạng lưới bệnh viện đa khoa, chuyên khoa và trung tâm y tế khu vực được đầu tư hiện đại hóa về trang thiết bị và nhân lực theo nguyên lý y học gia đình, gắn kết chặt chẽ với hệ thống y tế dự phòng để quản lý sức khỏe liên tục từ sớm. Tại cấp cơ sở, các trạm y tế xã, phường được sắp xếp lại đảm bảo độ bao phủ toàn diện, thực hiện đầy đủ chức năng từ khám chữa bệnh cơ bản đến chăm sóc sức khỏe nhóm yếu thế và an toàn thực phẩm.

- Lĩnh vực khám chữa bệnh và phục hồi chức năng

+ Tuyến tỉnh: Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng các bệnh viện tuyến tỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh ngày càng tăng. Đầu tư nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh trở thành bệnh viện đa khoa hoàn chỉnh. Thành lập Trung tâm Ung bướu, Trung tâm Tim mạch, trung tâm Lão khoa thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh; Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi

chức năng; Thành lập mới Bệnh viện chuyên khoa Sản nhi; Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Tâm thần.

+ Tuyến cơ sở: Sắp xếp lại các TTYT hiện nay thành các Bệnh viện đa khoa trực thuộc Sở Y tế và chuyển đổi tên hiện nay; Sắp xếp 129 trạm y tế xã, phường, thị trấn trước sáp nhập thành 45 trạm y tế xã, phường tương ứng 45 đơn vị hành chính cấp xã, phường và 84 điểm trạm trực thuộc TTYT. Chuyển nguyên trạng 45 trạm y tế xã, phường bao gồm các điểm trạm y tế hiện nay thuộc Trung tâm Y tế về UBND xã, phường quản lý.

+ Y tế ngoài công lập: Khuyến khích phát triển bệnh viện tư nhân và hệ thống phòng khám tư nhân tại các khu vực có điều kiện lợi.

- *Lĩnh vực dự phòng và y tế công cộng:*

+ Đầu tư nâng cấp Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ công tác kiểm soát bệnh tật và kiểm dịch biên giới; củng cố, nâng cấp phòng xét nghiệm đã đạt an toàn sinh học cấp 2 và tiến tới đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp 3 vào năm 2030.

Tiếp tục kiện toàn tổ chức trạm y tế xã, phường, xây dựng trạm y tế theo chuẩn. Đến năm 2030, 100% xã, phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

- *Lĩnh vực dân số - kế hoạch hóa gia đình:* Xây dựng mô hình lồng ghép thực hiện các dịch vụ tư vấn và chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số cho người dân trong địa bàn tỉnh (chăm sóc trước, trong và sau sinh, sàng lọc trước sinh....dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi...).

- *Lĩnh vực giám định y khoa và pháp y:* Giữ nguyên mô hình như hiện tại, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất của 2 Trung tâm Giám định Pháp y và Giám định Y khoa.

Khuyến khích phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập, trong đó ưu tiên xây dựng các bệnh viện, phòng khám đa khoa, chuyên khoa chuyên cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cao, áp dụng thiết bị công nghệ khám, chữa bệnh hiện đại, được bố trí tại các khu vực tập trung đông dân cư, khu đô thị mới,...

- *Lĩnh vực an sinh xã hội*

Bảo đảm duy trì không gian phát triển 02 cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp, phát triển thêm 01 cơ sở công lập người cao tuổi nhằm cung cấp cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao và khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư xây dựng 1 đến 2 cơ sở ngoài công lập tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

Đến năm học 2030-2031, toàn tỉnh có 172 trường mầm non (tăng 12 trường), 130 trường tiểu học (tăng 04 trường), duy trì 127 trường trung học cơ sở (tăng 02 cơ sở có tổ chức giáo dục THCS, trong đó 01 cấp tiểu học trong Tổ hợp Giáo dục FPT tại Điện Biên; 01 cấp tiểu học trong trường thực hành sư phạm của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên), 35 trường trung học phổ thông (tăng 02 trường). Đối với giáo dục thường xuyên, duy trì 04 trung

tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên so với năm học 2025-2026. Đầu tư xây dựng 15 trường phổ thông nội trú liên cấp tại 15 xã biên giới. Về mạng lưới trường PTDTNT, PTDTBT, xây dựng trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông huyện Tuần Giáo tại địa điểm mới. Tiếp tục bổ sung, kiên cố hóa cơ sở vật chất cho các cơ sở có học sinh nội trú, bán trú vùng dân tộc thiểu số theo hướng đạt chuẩn, thân thiện môi trường, bảo đảm đủ chỗ ở cho 100% học sinh nội trú và học sinh bán trú có nhu cầu. Tiếp tục duy trì và tăng cường đầu tư cho Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập của tỉnh, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị và cải tạo các cơ sở giáo dục theo hướng thuận lợi nhất cho trẻ khuyết tật học hòa nhập; khuyến khích đầu tư, mở rộng các trung tâm Hỗ trợ giáo dục hoà nhập ngoài công lập.

Đối với giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh phát triển hệ thống các cơ sở theo hướng gắn với nhu cầu thị trường lao động, sắp xếp lại các cơ sở đào tạo theo hướng tinh gọn, đạt chuẩn. Điều chỉnh và hoàn thiện quy hoạch Trường Cao đẳng Điện Biên theo định hướng trường cao đẳng chất lượng cao gắn với các ngành mũi nhọn của tỉnh.

Đối với giáo dục đại học, trong giai đoạn 2026-2030, điều chỉnh thành lập trường Đại học Điện Biên Phủ trên cơ sở nâng cấp các trường cao đẳng hiện có thành thành lập và phát triển Phân hiệu Đại học Thái Nguyên trên cơ sở tổ chức Trường Cao đẳng Sư phạm và Trường Cao đẳng Y tế, xây dựng thành trung tâm đào tạo, đại học, sau đại học, nghiên cứu và chuyển giao tri thức, công nghệ phục vụ phát triển nguồn nhân lực trình độ cao của tỉnh. Chuẩn bị các và thực hiện chuyển đổi Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên thành Trường Đại học Điện Biên Phủ khi đủ điều kiện sau năm 2030 tại phường Điện Biên Phủ. Tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai Thành lập Tổ hợp giáo dục FPT bao gồm phân hiệu trường Cao đẳng và Đại học.

(Chi tiết tại Phụ lục X)

3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao

a) Thiết chế văn hóa tỉnh:

- Đến năm 2030: Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm Văn hóa, Rạp chiếu phim, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Nhà hát, Trung tâm Triển lãm tỉnh để phục vụ hoạt động chuyên môn và nhu cầu hưởng thụ văn hoá tinh thần của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Nâng cấp hoàn thiện và duy trì hệ thống thiết chế văn hoá tỉnh.

b) Thiết chế văn hóa xã:

- Đến năm 2030: Xây dựng 05 Trung tâm Văn hoá - Thể thao đa năng tại trung tâm hành chính các xã. Phát triển 35 Nhà thiếu nhi đa năng tại trung tâm hành chính 35/45 xã, trên cơ sở tận dụng cơ sở công vụ dồi dư sau sáp nhập chính quyền hai cấp.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng các Trung tâm Văn hoá - Thể thao đa tại trung tâm hành chính các xã còn lại.

c) Thiết chế văn hoá thôn bản:

- Đến năm 2030: Trên 72% thôn, bản, tổ dân phố có nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hóa của người dân.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Phần đầu tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hoá, điểm sinh hoạt cộng đồng đạt 100%.

d) Thiết chế thể dục, thể thao

- Đến năm 2030: Đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể dục, thể thao cấp tỉnh (bao gồm: Sân vận động; Bể bơi; sân thể thao ngoài trời và hạ tầng kỹ thuật) đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật; 100% các xã, phường có sân thể thao; 50% các thôn, bản, tổ dân phố có Khu thể thao.

- Tầm nhìn đến năm 2050: 100% xã, phường có đầy đủ 3 công trình thể thao cơ bản.

(Chi tiết tại Phụ lục XI)

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng an sinh xã hội

Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới trung tâm Điều dưỡng người có công và công tác xã hội; các công trình ghi công liệt sĩ.

Cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, cơ sở cai nghiện ma túy; khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ngoài công lập.

(Chi tiết tại Phụ lục IX)

5. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng thương mại

Tại phường Điện Biên Phủ phát triển các loại hình thương mại hiện đại như trung tâm thương mại, mua sắm hạng II và III, siêu thị hạng II và III, nâng cấp và mở rộng mạng lưới chợ, hình thành các chợ đặc biệt như chợ đêm, chợ lễ hội phục vụ du lịch. Tại các đô thị khác chủ yếu phát triển siêu thị hạng III (ít nhất mỗi đô thị 01 siêu thị).

Giai đoạn đến 2030, phát triển 63 chợ trên địa bàn tỉnh Điện Biên, trong đó: Nâng cấp 27 chợ hiện hữu, kế thừa 20 chợ theo quy hoạch đã duyệt và bổ sung mới 16 chợ.

(Chi tiết tại Phụ lục XII)

6. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ

Phương án điều chỉnh phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được xây dựng theo hướng chuyển từ mô hình đầu tư cơ sở nghiên cứu truyền thống sang phát triển hạ tầng đồng bộ, gắn chặt với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số. Việc điều chỉnh này xuất phát từ yêu cầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, phù hợp với mục tiêu xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh, đồng thời khắc phục những hạn chế của giai đoạn trước như đầu tư phân tán, thiếu trọng tâm, hiệu quả ứng dụng và lan tỏa công nghệ chưa cao.

Nâng cấp Trung tâm Khoa học tỉnh Điện Biên theo hướng tăng cường năng lực nghiên cứu, thử nghiệm và chuyển giao; đầu tư bổ sung hệ thống thiết bị phân tích, kiểm nghiệm hiện đại phục vụ các lĩnh vực trọng điểm như nông nghiệp, môi trường, y tế và dược liệu. Đồng thời, phát huy vai trò của Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh làm đầu mối kết nối giữa nghiên cứu, ứng dụng và phát

triển doanh nghiệp, từng bước hình thành các cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các lĩnh vực công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn và các nền tảng số. Hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ nông nghiệp công nghệ cao được ưu tiên đầu tư theo hướng gắn với chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc và nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, bảo đảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm địa phương trên thị trường.

Hình thành và phát triển các cơ sở nghiên cứu và phát triển (R&D) phục vụ chuyển đổi số của tỉnh, gắn với hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và ứng dụng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật trong quản lý nhà nước, sản xuất và cung ứng dịch vụ công. Hạ tầng KH&CN được định hướng phát triển gắn kết chặt chẽ với hạ tầng số, tạo nền tảng cho xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Trong lĩnh vực nông nghiệp, ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bao gồm khu sản xuất tập trung, nhà màng, nhà lưới, hệ thống tưới thông minh, công nghệ sinh học và công nghệ sau thu hoạch. Thông qua đó, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy hình thành chuỗi giá trị bền vững, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm đặc trưng của tỉnh.

Việc phát triển kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ được thực hiện theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải; tăng cường huy động nguồn lực xã hội, hợp tác công - tư và liên kết với viện, trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo đảm tính bền vững trong dài hạn.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII)

VII. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

- Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, thúc đẩy kinh tế phát triển, không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, thực hiện tốt chính sách dân tộc và miền núi, quan tâm đầu tư phát triển vùng sâu vùng xa, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn.

- Khai thác triệt để, sử dụng toàn bộ quỹ đất đai vào các mục đích cụ thể, không để tình trạng còn đất trống đồi núi trọc. Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để bố trí cây trồng, vật nuôi, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các khu công nghiệp, thương mại du lịch... theo quy hoạch và kế hoạch. Từng bước phân bổ sử dụng quỹ đất phù hợp đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ của tỉnh, tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2030 tổng diện tích tự nhiên là 954.803,59 ha, trong đó: đất nông nghiệp có 891.517,59 ha, chiếm 93,37% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp có 52.699 ha, chiếm 5,52% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng còn lại 10.587 ha, chiếm 1,11% tổng diện tích đất tự nhiên

(Chi tiết tại Phụ lục XIII)

VIII. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC SỬ DỤNG, BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án phát triển bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Bảo đảm hầu hết các loài đặc hữu, có giá trị về mặt khoa học và kinh tế được bảo tồn hiệu quả; phần lớn diện tích các khu rừng tự nhiên được xem xét đưa vào chiến lược khai thác và bảo tồn ở các cấp độ khác nhau.

- Nâng hạng Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé lên thành Vườn Quốc gia Mường Nhé.

- Phân vùng môi trường tỉnh Điện Biên theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như sau:

+ Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Vùng lõi Vườn quốc gia Mường Nhé; Khu vực bảo vệ I của Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ; Lưu vực rừng đầu nguồn xung yếu hoặc rất xung yếu phân bố chủ yếu ở những nơi đồi núi cao có độ dốc lớn ở khu vực phân thủy của các lưu vực sông, Vùng sinh thủy và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

+ Vùng hạn chế phát thải bao gồm: Phân khu dịch vụ hành chính của Vườn quốc gia Mường Nhé; Vùng lõi Rừng đặc dụng Mường Phăng; Vùng đệm vườn quốc gia Mường Nhé; Khu rừng đặc dụng Mường Phăng; Khu vực bảo vệ II của Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ; Vùng trồng lúa lòng chảo cánh đồng Mường Thanh; vùng trồng lúa chất lượng cao tại các xã, phường; Vùng nuôi cá nước ngọt ở các hồ chứa thủy lợi, thủy điện và trên các vùng nước ven sông, suối.

+ Vùng khác: Các khu vực bao quanh các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải, thực hiện quản lý môi trường theo các quy định và QCVN hiện hành.

- Phương án mạng lưới quan trắc

Xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Điện Biên đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, tăng cường tính liên kết với các hệ thống quan trắc môi trường cấp quốc gia; đảm bảo giám sát được các khu vực trọng yếu có tính chất liên vùng, liên xã, khu vực tập trung nhiều nguồn thải.

Mạng lưới điểm quan trắc môi trường có tính mở và động, thích nghi với những yêu cầu và xu thế thể triển kinh tế - xã hội của tỉnh, bao gồm: 51 điểm trạm quan trắc môi trường không khí, trong đó có 42 vị trí quan trắc môi trường không khí xung quanh và 09 vị trí quan trắc tự động môi trường khí thải; 55 điểm trạm quan trắc môi trường nước mặt lục địa; 20 vị trí quan trắc định kỳ môi trường nước dưới đất; 35 vị trí quan trắc định kỳ môi trường đất; và 04 điểm quan trắc đa dạng sinh học ở những nơi có mức độ đa dạng sinh học cao.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV)

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân bổ tài nguyên nước

Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho công nghiệp; (3) nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (4) nhu cầu nước cho nông nghiệp; (5) nhu cầu nước cho thủy sản; (6) nhu cầu nước cho các lĩnh vực khác.

b) Bảo vệ chất lượng nước

- Xây dựng mạng quan trắc giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước và xả thải: Nghiên cứu xây dựng mạng tự động quan trắc, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước trên các tiểu vùng, các sông suối chính, các hồ khai thác sử dụng nước và xả nước thải lớn như các hồ thủy điện, thủy lợi; các khu đô thị...nhằm phát hiện sớm các vi phạm trong bảo vệ tài nguyên nước; các nguồn nước có nguy cơ cạn kiệt.

- Bảo vệ nguồn sinh thủy: Đẩy mạnh trồng rừng, nâng cao độ che phủ và sử dụng hợp lý tài nguyên đất nhằm điều hòa nguồn nước, giảm lũ, tăng lưu lượng mùa kiệt; quản lý, bảo vệ nghiêm diện tích rừng phòng hộ.

- Phát triển, cải tạo các công trình hồ chứa tạo nguồn nước để bổ sung nguồn cấp nước, chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước. Xây dựng các công trình xử lý nước: Tăng cường nạo vét các sông, hồ; đẩy mạnh việc xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung và phân tán.

c) Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của mưa lũ: Tổ chức quan trắc, dự báo và thông báo kịp thời về mưa, lũ trên địa bàn tỉnh; xây dựng, vận hành hồ chứa nước phải có phương án đảm bảo an toàn công trình, phòng, chống lũ lụt cho những vùng xung quanh hợp lý; xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ, cứu hộ khu dân cư và đất sản xuất khu vực ven sông, suối; xây dựng các phương án di dân an toàn khỏi những vùng mưa lũ, sạt lở, đảm bảo đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả lũ lụt, trợ cấp cho Nhân dân vùng bị ảnh hưởng.

- Phòng chống, khắc phục hậu quả của hạn hán: Xây dựng các công trình chứa nước (nâng cấp 02 hồ chứa, xây mới 12 hồ chứa), xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng.

- Rà soát các khu vực có nguy cơ cao về lũ quét, sạt lở đất và ưu tiên bố trí nguồn lực để sắp xếp, bố trí lại dân cư tại các khu vực này; tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, nâng cao chất lượng rừng, tăng độ che phủ rừng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ các cây lương thực ngắn ngày sang các cây dài ngày (mắc ca, cà phê, ...) để tăng độ che phủ; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và các giải pháp mới trong phòng, chống lũ ống, lũ quét, sạt lở đất đối với các vùng có nguy cơ cao.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

3. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Phương án phòng chống thiên tai

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống thiên tai; nâng cao nhận thức về nguy cơ thiên tai và các hoạt động làm gia tăng rủi ro thiên tai. Tăng cường công tác dự báo, cảnh báo, sẵn sàng ứng phó với lũ, lũ quét, sạt lở đất. Chủ động tổ chức di dời, bố trí, sắp xếp lại dân cư đang sinh sống ven sông, suối; sườn đồi, núi; hạ lưu các hồ chứa và các khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất; đồng thời rà soát, cập nhật các khu vực dân cư có nguy cơ thiên tai vào Đề án bố trí dân cư để có phương án sắp xếp, ổn định lâu dài. Ngăn chặn và xử lý kịp thời tình trạng lấn chiếm lòng sông, suối, thu hẹp không gian thoát lũ; xây mới, nâng cấp, bảo đảm an toàn hồ chứa, tăng khả năng cắt lũ; không tích nước đối với các hồ chứa không bảo đảm an toàn chống lũ. Nghiên cứu, hướng dẫn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh thời vụ sản xuất thích ứng với thiên tai; đồng thời ưu tiên bố trí nguồn lực để thực hiện sắp xếp, ổn định dân cư tại các khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai, sạt lở.

b) Biện pháp ứng phó với các loại hình thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu

Chủ động sơ tán người, tài sản của nhà nước và nhân dân ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng; quản lý chặt chẽ nguồn nước, áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm, chống thất thoát nước; tính toán lắp đặt thêm hệ thống các trạm bơm tại những vị trí thuận lợi về nguồn nước để nâng cao năng lực cấp nước cho hệ thống; triển khai đồng bộ các biện pháp chống rét cho người, gia súc, gia cầm, thủy sản và cây trồng; nghiên cứu đề xuất giống cây trồng, vật nuôi thích nghi với điều kiện thời tiết khắc nghiệt; cập nhật kịp thời các bản tin dự báo, cảnh báo về thời tiết để chủ động phòng tránh, ứng phó với thiên tai nắng nóng, lốc, sét, mưa đá.

(Chi tiết tại Phụ lục V)

4. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

a) Về thăm dò, khai thác khoáng sản

- Khoanh định quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến đối với: Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ có đủ tiêu chí theo quy định của pháp luật về khoáng sản; các khu vực khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Điều tra, đánh giá tổng thể tài nguyên khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đặc biệt là vật liệu san lấp, cát xây dựng, đất làm nguyên liệu sản xuất gạch); khoanh định bổ sung chi tiết các khu vực có khoáng sản đủ điều kiện hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh để quản lý, cấp phép thăm dò khai thác đáp ứng đủ nhu cầu cho từng giai đoạn.

- Các khu vực bổ sung mở rộng, các khu vực bổ sung mới và các điểm nước khoáng - nước nóng để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh giai đoạn 2026-2030 và sau năm 2030

b) Xác định các khu vực mỏ, điểm mỏ chưa khai thác, cấm khai thác cần bảo vệ với từng loại khoáng sản.

- Khu vực cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định trên cơ sở một trong các yếu tố sau đây: Kết quả điều tra địa chất về khoáng sản; Di tích lịch sử

- văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa; di sản thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ; khu bảo tồn địa chất, khu bảo tồn biển theo quy định của pháp luật; Khu vực đất quốc phòng, an ninh; Đất tôn giáo, đất tín ngưỡng; Phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; phạm vi hành lang bảo vệ an toàn hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải; công trình năng lượng, dầu khí; công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

- Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được khoanh định khi có một trong các yêu cầu sau đây: Yêu cầu về quốc phòng, an ninh; Bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản; di sản, di tích thuộc danh mục kiểm kê; Phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; Khu vực sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông.

- Các khu vực có khoáng sản chưa khai thác cần bảo vệ bao gồm các loại khoáng sản đã phát hiện thuộc diện Trung ương cấp phép thăm dò khai thác, chưa được đưa vào quy hoạch; các khu vực có khoáng sản thuộc dạng phân tán nhỏ lẻ nhưng chưa được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố là khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ.

(Chi tiết tại Phụ lục XV)

IX. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng phát triển theo phương án chọn, đề xuất 06 nhóm giải pháp chủ yếu sau:

1. Nhóm giải pháp về huy động vốn đầu tư

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, huy động tối đa các nguồn vốn ODA để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, tạo đột phá, các dự án tạo động lực lan tỏa, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; mở rộng các hình thức đầu tư, khuyến khích đầu tư theo phương thức đối tác công tư, đồng thời tăng cường xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để thu hút các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

2. Nhóm giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phù hợp với xu thế phát triển chung của vùng và cả nước. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực theo hướng thiết thực, chuyên sâu và đa dạng hóa các loại hình đào tạo; quan tâm bồi dưỡng kỹ năng số, tư duy đổi mới sáng tạo cho lãnh đạo, quản lý các cấp. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực của tỉnh đồng bộ với cả nước; triển khai thực hiện một số chương trình/dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh như: Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học và cao đẳng, Chương trình nâng cao chất lượng đào tạo nghề, Chương trình đào tạo nguồn nhân lực

cho cơ quan quản lý nhà nước. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, thu hút đầu tư đồng thời huy động các nguồn lực xã hội hóa để đảm bảo các nguồn lực đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực

3. Nhóm giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

a) Giải pháp về môi trường

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm soát nguồn thải, nhất là tại các khu dân cư tập trung và các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Đa dạng hóa và huy động hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho hạ tầng thu gom, xử lý chất thải, nước thải; từng bước khắc phục các điểm ô nhiễm tồn lưu. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai các chương trình, dự án.

b) Giải pháp về khoa học và công nghệ

Chủ động triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về khoa học và công nghệ; tăng cường công tác tổ chức thực hiện, bảo đảm các cơ chế, chính sách được cụ thể hóa thành chương trình, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương. Đẩy mạnh nghiên cứu, tiếp nhận và ứng dụng các thành tựu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất, quản lý và cung ứng dịch vụ công. Tập trung ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh các sản phẩm chủ lực của địa phương theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng; từng bước đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế, hướng tới mở rộng xuất khẩu và tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

Tăng cường và từng bước nâng tỷ lệ vốn đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược và lâu dài trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho khoa học và công nghệ, kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn lực xã hội hóa; khuyến khích doanh nghiệp chủ động dành kinh phí cho đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Tiếp tục củng cố và phát triển mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ trên địa bàn; nâng cao năng lực của các trung tâm nghiên cứu, trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, cũng như các tổ chức dịch vụ khoa học kỹ thuật. Từng bước hình thành hệ sinh thái hỗ trợ đổi mới sáng tạo đồng bộ, qua đó nâng cao khả năng tiếp nhận, làm chủ, thích nghi và chuyển giao công nghệ tiên tiến phục vụ phát triển bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

c) Về chuyển đổi số

Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu số ngành nông nghiệp, tích hợp thông tin về vùng sản xuất, sản phẩm OCOP, vùng trồng dược liệu, điều kiện môi trường, quy trình sản xuất và tiêu thụ; kết nối với các nền tảng thương mại điện tử để hỗ trợ quảng bá, tiếp thị sản phẩm. Từng bước ứng dụng công nghệ IoT, Big Data, Blockchain và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong thu thập, phân tích dữ liệu môi trường, quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc, xuất xứ sản phẩm.

Chuyển đổi số ngành lâm nghiệp: ưu tiên ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ và công nghệ số trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Trong đó, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học (DNA), mã vạch và các hệ thống truy xuất nguồn gốc trong quản lý giống cây lâm nghiệp và lâm sản; ứng dụng công nghệ GIS, ảnh viễn thám, thiết bị bay không người lái (UAV) và các nền tảng dữ liệu số để giám sát tài nguyên rừng, phát hiện sớm, cảnh báo và xử lý kịp thời các nguy cơ cháy rừng, mất rừng, suy thoái rừng; từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu lâm nghiệp đồng bộ, hiện đại, phục vụ công tác quản lý nhà nước và phát triển lâm nghiệp bền vững đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chuyển đổi số trong sản xuất công nghiệp: chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

Chuyển đổi số ngành du lịch: Số hóa dữ liệu các di sản văn hoá, ưu tiên các di tích đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt; di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và các di sản văn hoá phi vật thể được đưa vào danh mục quốc gia về di sản văn hoá phi vật thể, các điểm tham quan, làm nền tảng để ứng dụng các công nghệ hiện đại như 360,...

Chuyển đổi số ngành giáo dục, y tế: Triển khai cầu truyền hình và nền tảng hỗ trợ hệ thống khám chữa bệnh từ xa Telehealth tại trạm y tế. Với Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: phát triển nền tảng hỗ trợ dạy học từ xa, số hóa tài liệu, giáo trình giảng dạy. Ứng dụng công nghệ số trong việc giao bài tập về nhà và kiểm tra bài vở của học sinh trước khi đến lớp...

4. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút thêm các nguồn lực cho phát triển khu vực động lực và sự liên kết giữa khu vực động lực với các khu vực phụ trợ.

Liên kết với các tỉnh trong vùng và cả nước tạo cơ hội phát triển các ngành lĩnh vực mà Tỉnh có lợi thế. Thúc đẩy hợp tác quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường.

5. Nhóm giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

Kiểm soát chặt quỹ đất rừng, tài nguyên - môi trường rừng và tỷ lệ bao phủ rừng, cân bằng và chuyển hóa một phần quỹ đất nông nghiệp hiện có trong đô thị sang đất xây dựng để đáp ứng tiêu chí phát triển đô thị và nhu cầu tăng trưởng kinh tế cho xã hội.

Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung thống nhất mang tính tích hợp. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công khai, minh bạch công tác giao đất, cho thuê đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất.

6. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

Công bố, phổ biến và triển khai, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định kỳ và quản lý thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật.

X. DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo phụ lục XVIII.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở, căn cứ để lập hoặc điều chỉnh các quy hoạch chi tiết ngành, quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan:

a) Hoàn thiện hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu, Hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đảm bảo thống nhất với nội dung của Quyết định này; bàn giao, lưu trữ Hồ sơ Quy hoạch tỉnh kèm theo Quyết định phê duyệt.

b) Tham mưu tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch; định kỳ đánh giá việc tổ chức thực hiện quy hoạch, rà soát, đề xuất điều chỉnh trong trường hợp cần thiết theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý, triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các nội dung tại Quyết định số 109/QĐ-TTg ngày 27/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ không điều chỉnh đã được cập nhật, kê thừa trong Quyết định này và là căn cứ tổ chức quản lý, triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Các đ/c Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt nam tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lương

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Đô thị	Năm 2030	Năm 2050
1	Đô thị Điện Biên Phủ	II (Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An)	II (Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, xã Thanh An, xã Thanh Nưa, xã Thanh Yên)
2	Đô thị Mường Lay	III*	III*
3	Đô thị Tuần Giáo	III*	III*
4	Đô thị Mường Ảng	III	III*
5	Đô thị Tủa Chùa	III	III*
6	Đô thị Na Son	III	III
7	Đô thị Na Sang	III	III
8	Đô thị Mường Luân		III
9	Đô thị Mường Nhé		III
10	Đô thị Na Hỳ		III
11	Đô thị A Pa Chải		III

Ghi chú:

Định hướng phân loại đô thị đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia.

Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn hoặc muộn hơn định hướng thì thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Ngoài các xã có khu vực phát triển đô thị đã nêu trên, trường hợp các xã khác khi đủ điều kiện hình thành đô thị sẽ được thực hiện thủ tục đánh giá, công nhận loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị theo quy định của pháp luật.

Các đô thị định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng căn cứ theo Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 Về phân loại đô thị: "Đô thị loại IV, đô thị loại V, thị xã và thị trấn chưa được công nhận loại đô thị được xác định là đô thị loại III theo quy định tại Nghị quyết này".

Đô thị loại III*: là các đô thị hóa trên toàn bộ ranh giới xã.

Hệ thống đô thị mới, khu vực dự kiến hình thành đô thị, các khu đô thị có thể được cụ thể hóa và xác định trong các đồ án Quy hoạch đô thị và nông thôn, chương trình phát triển đô thị, chương trình phát triển nhà ở,.... Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh giới, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án đô thị sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng giai đoạn, đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo yếu tố quốc phòng, an ninh.

Phụ lục II
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐIỆN
BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Bảng 1: Danh mục khu công nghiệp

T T	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
1	KCN Mường Thanh	Phường Mường Thanh	75	Lộ trình triển khai KCN đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất.
2	KCN Thanh An	Xã Thanh An	75	

Bảng 2: Danh mục cụm công nghiệp

TT	Cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Ngành nghề dự kiến	Diện tích (Dự kiến)
I	Cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch tỉnh (QĐ 109)			
1	CCN Hỗn Hợp	Xã Ảng Tờ, Mường Ảng (Búng Lao)	Chế biến nông, lâm sản; dịch vụ công, nông nghiệp...	15,00
2	CCN Vật liệu xây dựng	Xã Búng Lao, Mường ảng (Búng Lao)	Vật liệu xây dựng...	15,00
3	CCN Mường Nhé	Xã Mường Nhé, Mường Nhé (Xã Mường Nhé)	Cơ khí tiêu dùng và cơ khí sửa chữa; Chế biến nông, lâm sản...	10,00
4	CCN Núa Ngam	Xã Núa Ngam, Điện Biên (Xã Núa Ngam)	Chế biến nông, lâm sản;..	30,00
5	CCN Thanh Yên	xã Thanh Yên, Điện Biên (xã Thanh Yên)	Chế biến nông, lâm sản, cơ khí, tiêu dùng, dịch vụ, sản xuất bánh kẹo, sản xuất bao bì, may mặc, ngành điện tử - tin học, logistics...	40,00
6	CCN Mường Lay	Mường Lay (phường Mường Lay)	Chế biến nông, lâm sản; vật liệu xây dựng nhẹ...	15,00
7	CCN Cửa Khẩu A Pa Chải	Sín Thầu, Mường Nhé (xã Sín Thầu)	Hỗn hợp: Chế biến nông, lâm sản; dịch vụ cửa khẩu quốc tế...	20,00
8	CCN Ba Luân	Xã Mường Luân - Chiềng Sơ, Điện Biên Đông (Xã Mường Luân)	Hỗn hợp: Chế biến nông lâm sản, cơ khí, tiêu dùng, dịch vụ nông nghiệp...	20,00
9	CCN Sính Phình	Xã Sính Phình, Tủa Chùa (xã Sính Phình)	Chế biến chè, nông, lâm sản...	5,00

10	CCN Thị Trấn Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa, Tủa Chùa (Xã Tủa Chùa)	Chế biến nông, lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng...	10,00
11	CCN Na Hai	Xã Pom Lót, Điện Biên (Xã Sam Mứn)	Chế biến nông, lâm sản; Sản xuất vật liệu xây dựng...	55,07
II	Bổ sung trong thời kỳ Điều chỉnh QHT lần này			
12	CCN Tuần Giáo	Bản Bó Giáng	Chế biến chè, nông, lâm sản...	41,35
13	CCN Pú Nhưng	Bản Đề Chia B và bản Phiêng Pi	Chế biến nông, lâm sản; Sản xuất vật liệu xây dựng...	30,00
14	CCN Thanh Minh	Phường Điện Biên Phủ	Hỗn hợp Thủ công mỹ nghệ, chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng và may mặc, kho trung chuyển hàng hoá	42,50
15	CCN Thanh Yên 2	Xã Thanh Yên	Sản xuất giày da, may mặc, Sản xuất phụ trợ may mặc - da giày,...	40,00
	TỔNG			388,92
III	Loại bỏ trong thời kỳ Điều chỉnh QHT lần này			
1	CCN Đông Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	Chế biến chè, nông, lâm sản	50,3
2	CNN cơ khí và dịch vụ	Xã Quải Tở	Hỗn hợp: cơ khí, VLXD	10
3	CNN Tây thị trấn	Xã Na Sang	Chế biến, cơ khí sửa chữa	10
4	CNN Chà Nưa	Xã Mường Chà	Chế biến nông sản, VLXD	10
5	CNN Điện Biên Phủ	Phường Điện Biên Phủ	Hỗn hợp	75

Bảng 3: Danh mục bổ sung 2 khu kinh tế (*)

TT	Tên khu kinh tế	Địa điểm dự kiến
1	Khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang	Xã Sam Mứn
2	Khu kinh tế cửa khẩu A Pa Chải	Xã Sín Thầu

Ghi chú: Quy mô, diện tích và phạm vi ranh giới khu công nghiệp sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

(*) Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Báo cáo số 136-BC/ĐU ngày 10/02/2026 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá khả năng triển khai xây dựng Khu hợp tác kinh tế qua biên giới trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Về qui mô, vị trí cụ thể của KKT được xác định trong quá trình lập đề án và được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH
ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Điểm đầu	Điểm cuối	Quy mô dự kiến	Ghi chú
I	Cao tốc				
I.1	Các công trình Cao tốc điều chỉnh về quy mô, lộ trình đầu tư so với Quyết định 109/QĐ-TTg trong thời kỳ Điều chỉnh QHT				
1	Cao tốc Sơn La - Điện Biên (CT.03)	Xã Mường Lạn (Giáp ranh giới tỉnh Sơn La)	Cửa khẩu Tây Trang	4 làn xe	Điều chỉnh lộ trình đầu tư trước năm 2030 theo Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ
II	Quốc lộ				
II.1	Các công trình đường quốc lộ giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg				
1	Quốc lộ 6	Đèo Pha Đin, xã Quài Tở	Phường Mường Lay	Cấp III, 2-6 làn xe	Giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg
2	Quốc lộ 12	Cầu Hang Tôm, phường Mường Lay	Xã Mường Luân	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	
3	Quốc lộ 12D	Xã Mường Tùng	Cửa khẩu Nà Búng	Cấp IV, 2 làn xe	
4	Quốc lộ 279	Xã Quài Tở	Cửa khẩu Tây Trang	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	
5	Quốc lộ 279B	Xã Nà Tấu	Xã Mường Phăng	Cấp IV, 2 làn xe	
6	Quốc lộ 279C	Xã Núa Ngam	Cửa khẩu Huổi Puốc	Cấp III-IV, 2-4 làn xe	
II.2	Các công trình đường quốc lộ điều chỉnh về quy mô, lộ trình đầu tư so với Quyết định 109/QĐ-TTg trong thời kỳ Điều chỉnh QHT				
1	Quốc lộ 4H (1 tuyến chính và 2 nhánh)	Xã Na Sang	Xã Sín Thầu	Cấp III - IV, 2 - 4 làn xe	Điều chỉnh quy mô từ đường cấp IV, 2 làn xe thành đường cấp III-IV, 2-4 làn xe theo thông báo số 275-TB/VPTW ngày 04/8/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng và văn bản số 6619/UBND-TH ngày 24/11/2025 của UBND tỉnh Điện Biên.
		Xã Si Pa Phìn	Cửa khẩu Si Pa Phìn		
		Xã Mường Nhé	Cửa khẩu A Pa Chải		
III	Đường tỉnh				
III.1	Các công trình đường tỉnh giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg				

1	ĐT.139	Xã Na Son	Km237+250 /QL.12, xã Na Son	Cấp IV, 2 lần xe	Giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg
2	ĐT 139B	Xã Na Son	Xã Tà Đình	Cấp V	
3	ĐT 139C	Xã Mường Nhà	Xã Xa Dung	Cấp V	
4	ĐT 140 (3 đoạn)	Ngã ba Huổi Loóng	Xã Tủa Chùa	Cấp V	
		Xã Tủa Chùa	Xã Tủa Thàng		
		Xã Tủa Thàng	Xã Sính Phình		
5	ĐT 140B (2 đoạn)	Đèo Gió	Xã Nậm Nèn	Cấp V	
		Đèo Gió	Xã Sín Chải		
6	ĐT 141 (2 nhánh)	Pá Khoang, xã Mường Phăng	Bản Hả, xã Mường Phăng	Cấp V	
		QL279, xã Mường Phăng	QL279B, xã Mường Phăng		
7	ĐT 141B	Xã Mường Phăng	Xã Pú Nhi	Cấp V	
8	ĐT 141C	Phường Điện Biên Phủ	Xã Mường Phăng	Cấp V	
9	ĐT 142	Phường Mường Lay	Nậm Nhùn (Lai Châu)	Cấp IV-V, 2 lần xe	
10	ĐT 143	Phường Mường Thanh	Xã Na Son	Cấp V	
11	ĐT 143B	Phường Mường Thanh	Xã Pu Nhi	Cấp V	
12	ĐT 144	Xã Na Sang	Xã Nậm Nèn	Cấp V	
		Xã Nậm Nèn	Xã Tủa Thàng		
13	ĐT 144B	Xã Mường Tùng	Xã Pa Ham	Cấp V	
		Xã Mường Tùng	Xã Na Sang		
14	ĐT 145B	Xã Si Pa Phìn	Xã Nà Hỳ	Cấp IV-V, 2 lần xe	
15	ĐT145C	Xã Mường Toong	Cao Chải (Lai Châu)	Cấp V	
16	ĐT145D	Xã Quảng Lâm	Xã Nà Hỳ	Cấp V	
17	ĐT145E	Xã Quang Lâm	Xã Mường Nhé	Cấp V	
18	ĐT 146	Xã Búng Lao	Xã Na Son	Cấp V	
19	ĐT 146B	Xã Mường Lạn	xã Mường Bám (Sơn La)	Cấp V	

20	ĐT 146C	Xã Nà Tấu	xã Búng Lao	Cấp V	
21	ĐT146D	Xã Nà Tấu	Xã Chiềng Sinh	Cấp V	
22	ĐT 147	Phường Điện Biên Phủ	xã Núa Ngam	Cấp IV, 2 - 4 làn xe	
23	ĐT 148	Xã Sam Mứn	Phường Điện Biên Phủ	Cấp IV, 2 - 4 làn xe	
24	ĐT 149	Xã Tuần Giáo	Xã Tủa Thàng	Cấp V	
25	ĐT 149B	Xã Chiềng Sinh	Xã Mường Mùn	Cấp V	
26	ĐT149C	Xã Mường Mùn	Xã Phú Nhung	Cấp V	
III.2	Các công trình đường tỉnh bổ sung trong thời kỳ Điều chỉnh QHT				
1	Tuyến kết nối Điện Biên - Lai Châu	Phường Điện Biên Phủ	Phường Mường Lay (Giáp ranh tỉnh Lai Châu)	Cấp III, 2-4 làn xe	Theo định hướng tăng cường sự kết nối giữa các cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng (Lai Châu) - Tây Trang (Điện Biên). Đồng thời hình thành trục động lực liên vùng Điện Biên - Lai Châu - Sa Pa (Lào Cai) - Hà Giang (Tuyên Quang), thúc đẩy phát triển du lịch và vận tải liên vùng. Đề xuất bổ sung tuyến Điện Biên - Lai Châu vào mạng cao tốc giai đoạn tầm nhìn 2050
2	Tuyến đường nối QL.12 với QL.279 (Na Sang - Mường Pồn - Nà Tấu - Mường Ảng)	Xã Na Sang	Xã Mường Ảng	Cấp IV	Bổ sung xây dựng mới, nâng cấp các tuyến đường liên xã có chức năng kết nối trung tâm xã với hệ thống quốc lộ, đường tỉnh chuyển thành đường tỉnh khi đủ điều kiện đảm bảo tuân thủ tiêu chí đường tỉnh quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 29 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP.
3	Tuyến đường nối QL12 với QL279 (Mường Pồn - Mường Phăng - Nà Tấu)	Cò Chạy, xã Mường Pồn	Xã Nà Tấu	Cấp IV	
4	Tuyến kết nối QL279B	Xã Mường Phăng	Xã Mường Ảng	Cấp IV	

	với QL279				
5	Tuyến kết nối Tà Dinh - Mường Luân	Xã Tà Dinh	Xã Mường Luân	Cấp V	
6	Tuyến kết nối QL279 - ĐT.147	QL279, xã Thanh An	ĐT.147, xã Thanh An	Cấp IV	

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, chiều dài, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị, khu vực đèo dốc nguy hiểm, vị trí không thể mở rộng.

Quy mô các tuyến đường địa phương là quy mô tối thiểu. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường; đồng thời, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án.

Các tuyến quốc lộ qua đô thị, trường hợp cần thiết sẽ xây dựng hệ thống đường song hành để đảm bảo không làm ảnh hưởng đến năng lực thông hành của các quốc lộ, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương.

Định hướng các tuyến đường liên xã được xem xét nâng cấp thành đường tỉnh khi đáp ứng quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và được cấp thẩm quyền quyết định.

Phụ lục IV
QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI ĐIỆN TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ
2021-2030 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

A: NGUỒN ĐIỆN

A.1: Danh mục thủy điện vừa và nhỏ

TT	Tên dự án	Quy mô công suất (MW)	Năm/Giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án đang thi công xây dựng				
1	Nhà máy thủy điện Mường Tùng	13	2026-2030	XDM tuyến đường dây 110kV đấu nối vào ngăn lộ mở rộng TBA 110kV thủy điện Nậm He	
2	Nhà máy thủy điện Chiềng Sơ 2	16	2026-2030	XDM đường dây 35kV đấu nối vào thanh cái 35kV của TBA 110kV thủy điện Bó Sinh	
3	Nhà máy thủy điện Nậm Mực 2	11	2026-2030	XDM tuyến đường dây 110kV đấu nối dự án thủy điện Nậm Mực 2 chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Tuần Giáo - Lai Châu	
4	Nhà máy thủy điện Ma Thì Hồ	11	2026-2030	XDM đường dây 110kV đấu nối chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Mường Chà-Phi Lĩnh	
	Tổng	51			
II	Danh mục dự án dự kiến triển khai thực hiện				
1	Nhà máy thủy điện Nậm He Thượng 2	9	2026-2030	Dự kiến XDM tuyến đường dây 35kV đấu nối vào thanh cái 35kV TBA 110kV NMTĐ Mường Tùng	
4	Nhà máy thủy điện Nậm Mạ 3	6,5	2026-2030	XDM tuyến đường dây 35kV đấu nối vào thanh cái 35kV của TBA 110kV thủy điện Nậm Mạ 3, tỉnh	

				Lai Châu	
5	Nhà máy thủy điện Mô Phí 1	15	2026-2030	Dự kiến XDM tuyến đường dây 35kV đầu nối vào thanh cái 35kV của TBA 110kV thủy điện Nậm Ma 3, tỉnh Lai Châu	
6	Nhà máy thủy điện Na Phát	10	2026-2030	Dự kiến Đầu nối lên lưới 35kV khu vực hoặc xây dựng đường dây 35 kV từ Trạm nâng TĐ Na Phát đến Thanh cái 35 kV gần lộ trạm biến áp 110 kV Điện Biên 2 (E21.6) công suất 25 MVA	
7	Nhà máy thủy điện Nậm He hạ	6	2026-2030	Dự kiến XDM tuyến đường dây 35kV đầu nối vào thanh cái 35kV của TBA 110kV TĐ Nậm He	
8	Nhà máy thủy điện Nậm Pồ 5A	21	2026-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 110kV mạch kép đầu nối TĐ Nậm Pồ 5A chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA 500/220/110kV Lai Châu – Nậm Pồ	
9	Nhà máy thủy điện Nậm Pồ 5B	17	2026-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 110kV mạch kép đầu nối TĐ Nậm Pồ 5B chuyển tiếp trên đường dây 110kV TBA 500/220/110kV Lai Châu - Nậm Pồ	
10	Nhà máy thủy điện Nậm Pồ 3	14	2026-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 110 kV từ Nhà máy thủy điện Nậm Pồ 3, mạch đơn, dây dẫn AC185, chiều dài khoảng 2,5 km đến thanh cái 110 kV trạm biến áp 110/220 kV Nậm Pồ.	
11	Nhà máy thủy điện Sông Mã 2	21	2026-2030	Dự kiến XDM đường dây 110kV Đầu nối vào TBA 110kV thủy	

				điện Sông Mã 3	
12	Nhà máy thủy điện Sông Mã 1	14	2026-2030	Dự kiến xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối TĐ Sông Mã 1 vào TBA 110kV TĐ Sông Mã 2	
13	Nhà máy thủy điện Lê Bâu 3	12,8	2026-2030	Dự kiến đấu nối chuyển tiếp trên một mạch đường dây 110kV Lai Châu - Tuần Giáo	
14	Nhà máy thủy điện Na Sang	10	2026-2030	Dự kiến xây dựng đường dây mới 110kV đấu nối TBA 110kV TĐ Na Sang chuyển tiếp trên đường dây 110kV Điện Biên - Mường Chà.	
15	Nhà máy thủy điện Nậm He Thượng 1	5	2026-2030	Dự kiến đấu nối vào thanh cái 35kV của trạm 35/6,3kV thủy điện Nậm He Thượng 2 chiều dài tuyến đường dây dự kiến khoảng 4,5km.	
16	Nhà máy thủy điện Mường Pồn	12	2026-2030	Dự kiến xây dựng mới đường dây 110 KV mạch kép đấu nối thủy điện Mường Pồn chuyển tiếp trên đường dây 110 KV Điện Biên - Mường Chà	
17	Nhà máy thủy điện Nậm Ngám	0,27	2026-2030	Dự kiến đấu nối lưới điện 22/35kV hiện có của khu vực dự án	
18	Nhà máy thủy điện Nậm Khẩu Hu 3	0,6	2026-2030	Dự kiến đấu nối lưới điện 22/35kV hiện có của khu vực dự án	
19	Nhà máy thủy điện Ảng Cang	1,6	2026-2030	Dự kiến đấu nối lưới điện 22/35kV hiện có của khu vực dự án	
20	Nhà máy thủy điện Pe Luông	0,63	2026-2030	Dự kiến đấu nối lưới điện 22/35kV hiện có của khu vực dự án	
21	Nhà máy thủy điện Bản Ban	0,43	2026-2030	Dự kiến đấu nối lưới điện 22/35kV hiện có của khu vực dự án	
22	Nhà máy thủy điện Ten Núa	3,8	2026-	Dự kiến đấu nối lưới	

			2030	điện 22/35kV hiện có của khu vực dự án	
23	Nhà máy thủy điện Nậm Pô 2	17	2025-2030	Dự kiến Xây dựng đường dây 110kV đấu nối thủy điện Nậm Pô 2 về TBA 110/220kV Nậm Pồ	
24	Nhà máy thủy điện Nậm Nhé 2A	5	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 35kV đấu nối NMTĐ Nậm Nhé 2A về TBA Nậm Kè	
25	Nhà máy thủy điện Nậm Nhé 2B	8,2	2025-2030	Dự kiến đấu nối dự án thủy điện Nậm Nhé 2B vào Trạm 110/220kV Nậm Pồ	
26	Nhà máy thủy điện Nậm Nhé 2C	7	2025-2030	Dự kiến đấu nối dự án thủy điện Nậm Nhé 2C về thủy điện Nậm Nhé 2B trên tuyến đường dây 110kV	
27	Nhà máy thủy điện Nậm Chà 3	10	2025-2030	Dự kiến xây dựng mới một TBA tăng áp 6,3/110kV đấu nối trạm biến áp 110kV Nậm Pồ bằng đường dây 110kV	
28	Nhà máy thủy điện Nậm Seo	5,5	2025-2030	Dự kiến đấu nối vào thanh cái 35kV của TBA 110kV thủy điện Mùn Chung	
29	Nhà máy thủy điện Mường Toong	5	2025-2030	Dự kiến đấu nối vào đường dây 35kV thuộc lộ 371 TBA 110kV Mường Chà, nhánh rẽ đi Mường Nhé	
30	Nhà máy thủy điện Mường Khoa	8,5	2025-2030	Dự kiến xây dựng tuyến đường dây 35kV đấu nối TBA Mường Khoa vào thanh cái 35kV TBA 110/220kV Nậm Pồ	
31	Nhà máy thủy điện Sính Phình	7,5	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây mới 110kV đấu nối TBA 110kV Sính Phình chuyển tiếp trên đường dây 110kV TĐ Trung Thu - Nậm Mu 2	

32	Nhà máy thủy điện Chà Cang Hạ	10,8	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 35kV TĐ Chà Cang Hạ -110kV Nậm Pồ	
33	Nhà máy thủy điện Nậm Chà Hạ	6	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 35kV từ TBA 35kV TĐ Nậm Chà Hạ đấu nối về đường dây 35kV từ TBA 110kV Nậm Pồ đến điểm rẽ nhánh TĐ Nậm Chà Hạ và Quảng Lâm	
34	Nhà máy thủy điện Quảng Lâm	10	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 35kV từ TBA 6,3/35kV TĐ Quảng Lâm đấu nối về đường dây 35kV từ TBA 110kV Nậm Pồ đến điểm rẽ nhánh TĐ Nậm Chà Hạ và TĐ Quảng Lâm	
35	Nhà máy thủy điện Mùn Chung	5,2	2025-2030	Dự kiến xây dựng mới tuyến đường dây 110kV đấu nối NMTĐ Mùn Chung vào TBA 110kV Mùn Chung	
36	Nhà máy thủy điện Nậm Nghèn	10	2025-2030	Dự kiến xây dựng mới đường dây 110kV mạch đơn đấu nối trạm tăng áp thủy điện Nậm Nghèn về TBA 110/220kV Nậm Pồ	
37	Nhà máy thủy điện Chung Chải	10	2025-2030	Dự kiến xây dựng mới đường dây 110kV đấu nối trạm nâng áp 6,3/110kV của thủy điện Nậm Mô Phí	
38	Nhà máy thủy điện Nậm Mô Phí	15	2025-2030	Dự kiến xây dựng mới tuyến đường dây 110kV đấu nối NMTĐ Nậm Mô Phí vào thủy điện Nậm Ma 3 (Lai Châu)	
39	Nhà máy thủy điện Nà Khoa	10	2025-2030	Dự kiến xây dựng mới tuyến đường dây 110kV đấu nối NMTĐ Nà Khoa về	

				TBA 110/220kV Nậm Pồ	
40	Nhà máy thủy điện Nà Búng	10	2025- 2030	Dự kiến xây dựng đường dây mới 35kV đầu nối về trạm 35kV Nà Búng về thanh cái 35kV của trạm 110kV TĐ Nà Khoa	
41	Nhà máy thủy điện Sín Thầu	10	2025- 2030	Dự kiến xây dựng mới tuyến đường dây 110kV đầu nối NMTĐ Sín Thầu về TBA 110kV TĐ Nậm Mô Phi	
42	Nhà máy thủy điện Nà Hỳ	10	2025- 2030	Dự kiến đầu nối trên tuyến đường dây 110kV khu vực	
43	Nhà máy thủy điện Suối Lư	7	2025- 2030	Dự kiến đầu vào lưới điện 35kV khu vực	
44	Nhà máy thủy điện Huổi Meo	5,6	2025- 2030	Dự kiến đầu vào lưới điện 35kV khu vực	
45	Nhà máy thủy điện Huổi Mí	6	2025- 2030	Dự kiến đầu vào lưới điện 35kV khu vực	
46	Nhà máy thủy điện Sông Mã 1A	8	2025- 2030	Dự kiến xây dựng trạm biến áp 35kV, tuyến đường dây 35kV dự kiến đầu nối về thanh cái 35kV của trạm 110kV Sông Mã 1.	
47	Nhà máy thủy điện Xuân Lao	8	2026- 2035	Dự kiến xây dựng đường dây mới 110kV đầu nối TBA 110kV Xuân Lao chuyển tiếp trên đường dây nhánh rẽ TĐ Nậm Hóa 1+2	
	Tổng		395,93		

A.2: Danh mục các dự án điện gió

STT	Tên dự án	Công suất (MW)	Năm/giai đoạn vận hành	Phương án đầu nối dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án thực hiện trong giai đoạn 2025-2030				
1	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	175	2026-2030	Xây dựng đường dây 220kV mạch đơn đầu nối từ TBA NMĐG BCG Điện Biên 1 về trạm 220kV Điện Biên	- Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

2	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ	125	2026-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về trạm biến áp 500kV Lai Châu (theo QĐ 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025)	- Đề xuất điều chỉnh, xây trạm 220kV nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ, đầu nối bằng Dz 220kV mạch đơn về trạm 220kV Điện Biên 1 (TBA 220kV NM ĐMT Nậm Pồ 1) - Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
3	Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	175	2025-2030	Xây dựng đường dây 220kV mạch đơn đầu nối từ TBA NMĐG BCG Điện Biên 2 về trạm 220kV Điện Biên	Quyết định số 768/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ
4	Nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ 2	150	2025-2030	Đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Nậm Pồ - Lai Châu về trạm biến áp 500kV Lai Châu	- Đề xuất điều chỉnh xây TBA 220kv nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ 2 đầu nối về thanh cái 220kV nhà máy điện gió Envision Nậm Pồ. - Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
5	Nhà máy điện gió Mường Ảng	108	2025-2030	Xây dựng đường dây mạch đơn, đầu nối từ TBA 110kV ĐG Mường Ảng vào thanh cái 110kV của TBA 220kV Điện Biên	Quyết định số 768/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ
6	Nhà máy điện gió Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)	126	2025-2030	Xây dựng đường dây 220kV mạch kép đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 220kV Điện Biên - Sơn La.	Quyết định số 768/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ
7	NMĐG Tia Dinh	120	2025-2030	Xây dựng mới đường dây 220kV mạch đơn đầu nối từ TBA 220kV NMĐG Tia Dinh về thanh cái 220kV TBA NMĐG Điện Biên Đông (Giai đoạn 1)	Quyết định số 768/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ
8	NMĐG Mường Chà	50	2025-2030	Xây dựng đường dây 110kV đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Tuần Giáo- TBA 500kV Lai Châu	Quyết định số 768/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ
9	NMĐG Điện Biên Đông	50	2025-2030	Xây dựng đường dây 110kV đầu chuyển tiếp trên đường	Quyết định số 768/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ

				dây 110kV TBA Sông Mã 3-TBA 110kV Điện Biên Đông	
	Tổng	1.079			
II	Danh mục các dự án điện gió tiềm năng đề nghị tiếp tục cập nhật, bổ sung vào Quy hoạch điện VIII điều chỉnh				
1	Nhà máy điện gió Điện Biên Đông (Giai đoạn 2)	268	2026-2035		Các dự án tiềm năng đã được cho chủ trương nghiên cứu khảo sát Phương án đấu nối sẽ được làm rõ trong giai đoạn lập đề xuất đầu tư
2	NMĐG Na Tông	180	2026-2035		
3	Dự án Điện Biên khu vực 1	150	2026-2035		
4	Dự án Điện Biên khu vực 2	80	2026-2035		
5	Dự án Điện Biên khu vực 4	140	2026-2035		
6	Nhà máy điện gió Điện Biên 1	280	2026-2035		
7	Nhà máy điện gió Điện Biên	100	2026-2035		
8	Nhà máy điện gió Huổi Lèng	100	2026-2035		
9	Nhà máy điện gió Điện Biên 2	100	2026-2035		
	Tổng	1.398			

A.3: Danh mục các dự án điện mặt trời

TT	Tên dự án	Công suất (MW)	Năm/giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án công suất từ 50 MW trở lên				
1	Nhà máy điện mặt trời Nậm Pồ 1, trong đó	150	2025-2030		Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
1.1	Nhà máy 1A	100	2025-2030	Đấu nối về TBA 220kV NMĐG Envision Nậm Pồ thông qua đường dây 220kV từ TBA 220kV nhà máy	Đề xuất nghiên cứu và điều chỉnh, xây dựng đường dây 220kV từ TBA 220kV nhà máy ĐMT Nậm Pồ 1 (TBA 220kV Điện
1.2	Nhà máy 1B	50	2025-2030		

				ĐMT Nậm Pồ 1 (theo QĐ 768/QĐ- TTg ngày 15/4/2025)	Biên 1) đầu nối thanh cái 220kV TBA 500kV Lai Châu
2	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ. Trong đó:	200	2025-2030		Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
2.1	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ (giai đoạn 1)	73	2025-2030	Đường dây 110kV mạch kép đầu nối về thanh cái 110kV TBA 220kV Điện Biên và mở rộng 02 ngăn lộ 110kV tại TBA 220kV Điện Biên	Điện mặt trời lòng hồ
2.2	Nhà máy điện mặt trời Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ (giai đoạn 2)	127	2025-2030	Đầu nối vào TBA 220kV Điện Biên sử dụng chung đường dây với nhà máy điện mặt trời trên mặt hồ Pá Khoang tích hợp Pin lưu trữ (giai đoạn 1)	Điện mặt trời mặt đất
3	Nhà máy điện mặt trời Điện Biên 1	300	2025-2030	Đầu nối Trạm 220kV Điện Biên	Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
4	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu, trong đó:	100	2025-2030		Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
4.1	Dự án điện mặt trời trên mặt hồ thủy điện Trung Thu	72	2025-2030	Xây dựng mới TBA 35/110kV, đầu transit vào ĐZ110kV hiện hữu của Nhà máy thủy điện Trung Thu.	
4.2	Dự án điện mặt trời Trung Thu - Giai đoạn 2	28	2027-2030	Dự kiến đầu transit vào Dz 110kV hiện hữu của Nhà máy thủy điện Trung Thu	
5	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Sông Mã 3, trong đó:	100	2025-2030		Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
5.1	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Sông Mã 3 (giai đoạn 1)	20	2025-2030	Xây dựng trạm 110kV tại nhà máy điện mặt trời sông mã 3 với quy mô công suất 01 máy	Phương án đầu nối do Nhà đầu tư đề xuất điều chỉnh: Xây dựng đường dây 110kV đầu nối chuyển tiếp trên đường dây 110kV Sông Mã 3-Điện Biên 2.
5.2	Dự án điện mặt trời mặt đất Sông Mã 3 (giai đoạn 2)	80	2025-2030	125MVA. Xây dựng đường dây 110kV mạch kép, đầu nối	

				vào thanh cái 110kV TBA Sông Mã 3 (theo QĐ 768/QĐ- TTg ngày 15/4/2025)	
6	Dự án điện mặt trời Anh Huy	50	2026-2035	Đầu nối lên lưới 110kV Tuần Giáo- Trung Thu	Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
7	Nhà máy điện mặt trời Rạng Đông	200	2026-2035	Dự kiến đầu nối Transit lên đường dây 220kV tuyến Sơn La-Điện Biên	
	Tổng	1.100			
II	Danh mục dự án công suất dưới 50MW (đã được cho chủ trương nghiên cứu khảo sát, có chỉ tiêu phát triển trong quy hoạch điện VIII)				
1	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Nậm Mu 2	15	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 35kV đầu nối NMDMT Nậm Mu 2 vào ngăn lộ TBA 110 thủy điện Nậm Mu 2	Theo QĐ 1610/QĐ- UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh: Dự kiến xây dựng đường dây 110kV đầu nối lên lưới 110kV theo lưới điện nhà máy thủy điện Nậm Mu 2
2	Dự án điện mặt trời lòng hồ thủy điện Mùn Chung 2	10	2025-2030	Dự kiến xây dựng đường dây 35kV đầu nối NMDMT Mùn Chung 2 vào ngăn lộ TBA 110 thủy điện Nậm Mu 2	Theo QĐ 1610/QĐ- UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh: Dự kiến xây dựng đường dây 110kV đầu nối lên lưới 110kV theo lưới điện nhà máy thủy điện Mùn Chung 2
3	Dự án điện mặt trời lòng hồ Nậm Ngám	10	2025-2030	Dự kiến đầu nối vào đường dây 35kV Nậm Rôm - Pu Nhi, lộ 377 đoạn từ vĩa Pú Nhi về TBA 110kV Điện Biên (E21.1)	Theo QĐ 1610/QĐ- UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh: Dự kiến xây dựng đường dây 110kV đầu nối lên lưới 110kV chuyển tiếp vào lưới điện quốc gia về trạm biến áp 110kv Điện Biên 1
4	Dự án điện mặt trời lòng hồ Hồng Sặt	7	2025-2030	Dự kiến đầu vào đường dây 22kV Điện Biên 2- Sam Mứn, Lộ 471 đoạn từ bản Sam Mứn đến TBA 110kV Điện Biên 2	Theo QĐ 1610/QĐ- UBND ngày 24/7/2025 của UBND tỉnh: Dự kiến xây dựng đường dây 110kV đầu nối lên lưới 110kV chuyển tiếp vào lưới điện quốc gia về TBA 110kV Điện Biên 2
5	Dự án điện mặt	5	2025-2030	Lưới điện 35kV khu	

	trời mặt hồ Hồng Khénh (GD1)			vực	
6	Dự án điện mặt trời mặt hồ Huổi Trạng Tai	7	2025-2030	Lưới điện 35kV khu vực	
	Tổng	54			
III	Danh mục các dự án điện mặt trời tiềm năng đề nghị tiếp tục cập nhật, bổ sung vào Quy hoạch điện VIII điều chỉnh				
1	Dự án điện mặt trời mặt nước hồ Si Pa Phìn	45	2026- 2035	Đầu nối từ TBA 110kV NM ĐMT Si Pa Phìn về Trạm 110kV Phi Lĩnh	
2	Dự án điện mặt trời mặt hồ Hồng Khénh (GD2)	5	2026- 2035	Lưới điện 35kV khu vực	
3	Dự án điện mặt trời Núa Ngam	300	2026- 2035	Đầu nối về thanh cái 220kV của TBA 220kV Điện Biên	
4	Điện mặt trời Điện Biên 2	3000	2026- 2035	Đầu nối trên tuyến ĐZ 500kV	
5	Điện mặt trời hồ Ảng Càng	20	2026- 2035	Đầu nối vào TBA 220kV Điện Biên	
6	Điện mặt trời Nậm Khẩu Hu 1	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
7	Điện mặt trời Nậm Khẩu Hu 3	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
8	Điện mặt trời Tủa Chùa 1 (Co phát)	45	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
9	Điện mặt trời Tủa Chùa 2 (Háng Chả)	30	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
10	Điện mặt trời Tủa Chùa 3 (Tù Ngài)	45	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
11	Điện mặt trời Tủa Chùa 5 (Đông Phi)	30	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
12	Điện mặt trời Tủa Chùa 6 (Phai Tung)	25	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
13	Điện mặt trời Tuần Giáo 1	20	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	

14	Điện mặt trời Tuần Giáo 7 (Bản Cắm)	12	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
15	Điện mặt trời Tuần Giáo 8 (Bản Phụng)	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
16	Điện mặt trời Tuần Giáo 9 (Bản Ban)	45	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
17	Điện mặt trời Tuần Giáo 10	40	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
18	Điện mặt trời Sáng Nhè	49,98	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
19	Điện mặt trời Thanh Minh	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
20	Điện mặt trời lòng hồ Nậm Mạ 3	30	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
21	Điện mặt trời Sen Thượng 1	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
22	Điện mặt trời Sen Thượng 2	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
23	Điện mặt trời Sen Thượng 3	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
24	Điện mặt trời Sen Thượng 4	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
25	Điện mặt trời Sen Thượng 5	30	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
26	Điện mặt trời GSE	250	2026- 2035	Đầu nối 220kV khu vực	
27	Điện mặt trời Nà Nhạn	49	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
28	Điện mặt trời Nà Nhạn 2	12	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
29	Điện mặt trời Mường Phăng 1	48	2026- 2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
30	Điện mặt trời	49	2026-	Đầu nối vào lưới	

	Mường Phăng 2		2035	điện 110kV khu vực	
31	Điện mặt trời Sính Phình 1	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
32	Điện mặt trời Sính Phình 2	49	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
33	Điện mặt trời Sính Phình 3	35	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
34	Điện mặt trời Sính Phình 4	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
35	Điện mặt trời trên hồ thủy điện Nậm Mức 2	20	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV NMTĐ Nậm Mức 2	
36	Điện mặt trời Háng Tơ Mang	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
37	Điện mặt trời Nậm Cút	45	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
38	Điện mặt trời Hồ Mức	36	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
39	Điện mặt trời Ta Pao	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện 110kV khu vực	
40	Điện mặt trời Mường Phăng Điện Biên	100	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
41	Điện mặt trời Thanh Yên	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
42	Điện mặt trời lòng hồ thủy điện Nậm Núa	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
43	Điện mặt trời Nậm Pồ 2A	50	2026-2035	Đầu nối thông qua đường dây 110kV 1 mạch từ TBA 110kV nhà máy điện mặt trời Nậm Pồ 2A về thanh cái 110kV TBA 220kV Điện Biên 1	
44	Điện mặt trời Nậm Pồ 2B	50	2026-2035	Đầu nối thông qua đường dây 110kV	

				1 mạch từ TBA 110kV nhà máy điện mặt trời Nậm Pồ 2B về thanh cái 110kV TBA 220kV Điện Biên 1	
45	Điện mặt trời Si PA Phìn 1	300	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
46	Điện mặt trời Si PA Phìn 2	300	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
47	Điện mặt trời Nà Nghịu 1	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
48	Điện mặt trời Nà Nghịu 2	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
49	Điện mặt trời trên địa bàn các xã: Tủa Chùa, Sín Chải, Tủa Thàng, Sính Phình, Sáng Nhè	200	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
50	Điện mặt trời trên địa bàn các xã: Mường Nhà, Thanh Yên , Sam Mún, Xa Dung, Pu Nhi.	204	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
51	Điện mặt trời trên địa bàn các xã: Tuần Giáo, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh	200	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
52	Điện mặt trời trên địa bàn các xã: Mường Ảng, Mường Lạn, Búng Lao, Nà Tấu	200	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
53	Điện mặt trời trên địa bàn các xã Quảng Lâm, Nà Hỳ, Nà Búng, Chà Tở	500	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
54	Điện mặt trời	300	2026-	Đầu nối vào lưới	

	trên địa bàn các xã Mường Nhé, Quảng Lâm , Sín Thầu, Mường Toong, Nậm Kè; Nà Hỳ, Chà Tở.		2035	điện khu vực	
55	Điện mặt trời trên địa bàn các xã Mường Chà, Mường Tùng, Na sang, Mường Pồn, Nậm Nèn	200	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
56	Điện mặt trời Thanh Nưa	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
57	Điện mặt trời mặt hồ thủy lợi Sen Thượng	20	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
58	Điện mặt trời mặt hồ thủy lợi Nậm Pồ	49	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
59	Điện mặt trời mặt hồ thủy lợi Nậm Chim	48	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
60	Điện mặt trời mặt hồ thủy lợi Sái Lương	16	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
61	Điện mặt trời mặt hồ thủy lợi Suối Lư	17	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
62	Điện mặt trời mặt hồ thủy lợi Bản Phủ	12	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
63	Điện mặt trời Phình Giàng	500	2026-2035	treo thêm 1 mạch 220kV đầu nối về thanh cái 220kV của TBA 220kV Điện Biên	
64	Điện mặt trời Minh Thắng	45	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
65	Điện mặt trời Pá Ngam	44	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
66	Điện mặt trời Đệ Tinh	46	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
67	Điện mặt trời Nà Nhạn 3	40	2026-2035	Đầu nối vào lưới điện khu vực	
	Tổng	8.622			

A.4: Điện sinh khối

ST T	Tên dự án	Công suất (MW)	Năm/giai đoạn vận hành	Phương án đầu nối dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án triển khai thực hiện				
1	Nhà máy điện sinh khối CME Ảng Tờ	30	2026-2030	Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110kV Tuần Giáo -Điện Biên	Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
2	Điện sinh khối Mường Nhé (Nhà máy Nậm Kè 30MW và Nhà máy Chung Chải 25MW)	55	2026-2030	Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép Nhà máy điện sinh khối MSS Chung Chải -TBA 220 kV Nậm Pồ	
3	Điện sinh khối Điện Biên Đông (Suối Lư)	30	2026-2030	Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép, từ trạm 110 kV của Nhà máy điện sinh khối NPE Sư Lư chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110 kV Điện Biên - Điện Biên Đông	Theo Quyết định 1610/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên đề xuất trong chỉ tiêu Quy hoạch Điện VIII
	Tổng	115			
II	Danh mục các dự án điện sinh khối tiềm năng đề xuất giai đoạn 2026-2035, có chỉ tiêu phát triển trong quy hoạch điện VIII				
2	Điện sinh khối Nậm Pồ (Phìn Hồ)	15	2026-2035	Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép, từ trạm 110 kV của Nhà máy điện sinh khối MSS Phìn Hồ chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110 kV Điện Biên - Mường Chà	
3	Điện sinh khối Tủa Chùa	10	2026-2035	Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép, từ trạm 110 kV của Nhà máy điện sinh khối CME Mường	

				Bảng chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110 kV Tuần Giáo - Điện Biên	
4	Điện sinh khối Mường Chà (Na Sang)	20	2026-2035	Xây dựng đường dây 110 kV mạch kép, từ trạm 110 kV của Nhà máy điện sinh khối CME Na Sang chuyển tiếp trên tuyến đường dây 110 kV Mường Chà - Điện Biên	
	Tổng	45			

A.5: Điện rác

ST T	Tên dự án	Công suất (MW)	Năm/giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án dự kiến triển khai thực hiện				
1	Nhà máy điện rác Điện Biên	3	2025-2030	Đấu nối lưới khu vực	

A.6: Thủy điện tích năng

STT	Tên dự án	Công suất (MW)	Năm/giai đoạn vận hành	Phương án đấu nối dự kiến	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	Danh mục dự án thực hiện				
1	Nhà máy thủy điện tích năng Điện Biên 3 (GD1)	400	2025-2030	Xây dựng đường dây 500kV 2 mạch, từ trạm nâng áp 500kV TĐ tích năng Điện Biên 3 đấu chuyển tiếp trên đường dây 500kV từ trạm 500kV TĐ Lai Châu đi TBA 500kV Sơn La.	Quyết định số 768/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ
	Nhà máy thủy điện tích năng Điện Biên 3 (GD2)	400	2026-2035	Xây dựng đường dây 500kV 2 mạch, từ trạm nâng áp 500kV TĐ tích năng Điện Biên 3 đấu chuyển tiếp trên 2 mạch đường dây 500kV từ trạm 500kV TĐ Lai	

				Châu đi TBA 500kV Sơn La.	
	Tổng	800			

Ghi chú:

- Các dự án thủy điện đang vận hành chỉ được thực hiện điều chỉnh công suất khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các quy định về quy hoạch, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện có tiềm năng phát triển phải đảm bảo phù hợp với QHĐ VIII, Kế hoạch QHĐ VIII, QHĐ VIII ĐC, Kế hoạch QHĐ VIII ĐC và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tiềm năng phát triển và các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và các quy định khác có liên quan.

- Việc đầu tư các dự án năng lượng tái tạo tiềm năng chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII ĐC được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

B: LƯỚI ĐIỆN**I. TRẠM BIẾN ÁP****I.1 TRẠM BIẾN ÁP 500KV**

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Giai đoạn	Ghi chú
1	Điện Biên	2700	2026 - 2030	Xây mới
2	Điện Biên 2 (**)	3500	2026-2035	Xây mới

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án hoặc đã phê duyệt dự án theo quy hoạch chuyên ngành trước khi ban hành quy hoạch thành phố hoặc Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền”.

- (**) Dự án đề xuất bổ sung phê duyệt trong QHĐ VIII ĐC trước khi triển khai đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

I.2 TRẠM BIẾN ÁP 220KV

STT	Tên trạm biến áp	Công suất (MVA)	Giai đoạn	Ghi chú
1	Điện Biên	500	2026 - 2030	Xây mới
2	Điện Biên 1	500	2026 - 2030	Xây mới
3	Điện Biên 2	500	2026 - 2030	Xây mới
4	Điện Biên 3 (**)	500	2026 - 2030	Xây mới
5	Điện Biên 4 (**)	500	2026 - 2035	Xây mới
	TỔNG	2.500		

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án hoặc đã phê duyệt dự án theo quy hoạch chuyên ngành trước khi ban hành quy hoạch thành phố hoặc Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền”.

- (**) Dự án đề xuất bổ sung phê duyệt trong QHĐ VIII ĐC trước khi triển khai đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

I.3 TRẠM BIẾN ÁP 110KV

STT	Tên Trạm biến áp	Công suất (MVA)	Năm/giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	2	3	5	6
I	Danh mục dự án TBA 110kV thực hiện			
I.1	Xây dựng mới			
1	TBA110kV Điện Biên Đông	16	2025-2030	
2	TBA110kV Mường Ảng	16	2025-2030	
3	TBA110kV Mùn Chung	25	2025-2030	
4	TBA110kV Nậm Pồ	40	2025-2030	
5	TBA110kV Mường Nhé	25	2025-2030	
6	TBA110kV Mường Lay	16	2025-2030	
I.2	Nâng cấp, cải tạo			
7	TBA110kV Điện Biên	1x63	2025-2030	Nâng công suất máy biến áp T2 từ 25MVA lên 63MVA)
8	TBA110kV Điện Biên 2	2x63	2025-2030	Nâng công suất máy biến áp T1 từ 1x25 lên 1x63MVA và lắp đặt máy T2 (63MVA)
9	TBA110kV Tuần Giáo	2x25	2025-2030	Nâng công suất máy biến áp T1, T2 từ 2x16 lên 2x25MVA
10	TBA110kV Mường Chà	1x25	2025-2030	Lắp đặt máy biến áp T2 (25MVA)

Ghi chú:

- Việc đầu tư xây dựng các trạm biến áp phải căn cứ vào Quy hoạch và kế hoạch thực hiện QHĐ VIII ĐC và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Danh mục trạm biến áp không bao gồm các trạm biến áp nâng áp của các dự án nguồn điện. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện phát triển thực tiễn và quy hoạch để lắp đặt máy biến áp phù hợp; đối với máy biến áp 110kV, tùy vào cấp điện áp trung áp khu vực đang sử dụng và phụ tải tại khu vực cấp điện để lắp đặt số cuộn dây và cấp điện áp phù hợp.

- (*) Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện thực tế.

II: ĐƯỜNG DÂY

II.1 ĐƯỜNG DÂY 500KV

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
1	Điện Biên - Lai Châu (*)	2	x	58,5	Xây mới
2	Sơn La - Điện Biên (**)	2	x	133	Xây mới

3	TBA 500kV Điện Biên 2 chuyển tiếp trên tuyến Điện Biên - Sơn La (**)	4	x	20	Xây mới
---	--	---	---	----	---------

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô, công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án hoặc đã phê duyệt dự án theo quy hoạch chuyên ngành trước khi ban hành quy hoạch thành phố hoặc Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền”.

- (**) Dự án đề xuất bổ sung phê duyệt trong QHĐ VIII ĐC trước khi triển khai đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

II.1 ĐƯỜNG DÂY 220KV

STT	Tên đường dây	Số mạch	x	km	Ghi chú
1	Dz 220kV Sơn La - Điện Biên	2	x	133	Đầu nối TBA 220 kV Điện Biên
2	Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	2	x	53	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
3	Điện Biên 1 - Lai Châu (*)	2	x	52	Đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Nậm Ou 5 - Điện Biên	2	x	22	Đầu nối TĐ Nậm Ou 5, 6, 7 (Lào). Toàn tuyến 2x73km, trên địa phận Việt Nam 2x22km. Đồng bộ nguồn thủy điện từ Lào.
5	Điện Biên 2 - Điện Biên 500 kV (*)	2	x	18	Xây mới
6	Điện Biên 500 kV - Rẽ Điện Biên 1 - Điện Biên (*)	4	x	5	Xây mới
7	220kV Điện Biên 3 - TBA 500kV Lai Châu (**)	2	x	80	Xây mới
8	220kV Điện Biên 4 - TBA 500kV Điện Biên 2 (**)	2	x	120	Xây mới
9	220kV Điện Biên 3 - TBA 500kV Điện Biên 2 (**)	2	x	30	Xây mới

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô (chiều dài, số mạch, tiết diện dây dẫn, điểm đầu nối), công suất đầu tư của các dự án sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án hoặc đã phê duyệt dự án theo quy hoạch chuyên ngành trước khi ban hành quy hoạch thành phố hoặc Quyết định phê duyệt Chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền”.

- (**) Dự án đề xuất bổ sung phê duyệt trong QHĐ VIII ĐC trước khi triển khai đầu tư xây dựng theo quy định pháp luật.

II.1 ĐƯỜNG DÂY 110KV

STT	Tên đường dây	Số mạch	km	Năm/giai đoạn vận hành	Ghi chú
1	2	3	5	6	8
I	Đường dây 110kV				
I.1	Nâng cấp, cải tạo				
1	Đường dây 110kV từ TBA 220kV Điện Biên - Mường Chà (treo dây mạch 2)	2	43	2025-2030	Treo dây mạch 2
2	Đường dây 110kV Điện Biên Đông - Điện Biên 2 (treo dây mạch 2)	2	28	2025-2030	Treo dây mạch 2
3	Đường dây 110kV Mường Chà- TĐ Nậm Múc (treo dây mạch 2)	2	22	2025-2030	Treo dây mạch 2
4	Cải tạo Đường dây 110kV từ TBA 220kV - TBA 110kV Điện Biên	3	4,6	2025-2030	Treo dây mạch 2
5	Cải tạo đường dây 110kV Điện Biên - Tuần Giáo	1	65,1	2025-2030	Cải tạo nâng cấp tiết diện dây dẫn đường dây 110kV Điện Biên- Tuần Giáo; di chuyển đoạn tuyến từ cột 116 đến cột 136 thuộc tuyến đường dây 110kV ĐB-TG ra khỏi trung tâm thị trấn huyện Mường Ảng
6	ĐZ 110kV từ TBA 220kV Điện Biên - TBA 110kV Điện Biên 2 - Xi măng Điện Biên	2	27	2025-2030	Kéo mạch 2
II.2	Xây dựng mới				
7	ĐZ 110kV T500 Lai Châu- Nậm Pồ	2	28,0	2025-2030	
8	ĐZ 110kV NR TBA 110kV Điện Biên Đông	2	0,5	2025-2030	
9	ĐZ 110kV NR trạm 110 kV Mường Ảng	2	1	2025-2030	
10	ĐZ 110kV NR trạm 110 kV Mùn Chung	2	1	2025-2030	
11	DZ 110kV NR Trạm 110kV Nậm Pồ	2	1	2025-2030	Đầu nối vào Dz 110kV Mường Nhé - Phi Lĩnh
12	Xuất tuyến đz 110kV				

STT	Tên đường dây	Số mạch	km	Năm/giai đoạn vận hành	Ghi chú
	sau TBA 220kV				
12.1	Xây dựng xuất tuyến 1 mạch đi cột 227 đường dây 110kV Tuần Giáo - Điện Biên	2	0,294	2025-2030	
12.2	Xây dựng xuất tuyến 2 mạch đi cột 229 đường dây 110kV Tuần Giáo - Điện Biên (Xuất tuyến 2,3 đi TĐ Huổi Vang & Mường Chà)	2	0,849	2025-2030	
12.3	Xây dựng xuất tuyến 4,5,6,7 đi Điện Biên 2, Điện Biên và đi Xi Măng Điện Biên				
	Đoạn 2 mạch	2	0,093	2025-2030	
	Đoạn 4 mạch	4	0,778	2025-2030	
13	Xây dựng đường dây 110kV từ TBA 110kV Mường Nhé - 110kV TBA Mường Tè (Lai Châu)	2	85	2025-2030	
14	ĐZ 110kV NR TBA 110kV Mường Lay	2	2	2025-2030	
15	ĐZ 110kV Mường Nhé - TĐ Phi Lĩnh	2	80	2025-2030	
16	ĐZ 110kV NMTĐ Mường Luân - NMTĐ Bó Sinh	1	25	2025-2030	Liên kết lưới điện 110 kV liên tỉnh Điện Biên - Sơn La

Ghi chú: Việc đầu tư xây dựng các tuyến đường dây 500kV, 220kV, 110kV căn cứ QHĐ VIII ĐC và Kế hoạch QHĐ VIII ĐC và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chiều dài đường dây sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

(*) Tiến độ, quy mô và vị trí của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn và cấu hình lưới điện thực tế.

Phụ lục V
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, CẤP NƯỚC
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Ghi chú
A	Danh mục hồ chứa		
1	Hồ Nậm Xả	Mường Toong	14 hồ chứa theo Quyết định 109/QĐ-TTg do thay đổi đơn vị hành chính
2	Hồ Chiêu Tính	Sính Phình	
3	Hồ Nậm Seo	Sính Phình, Tủa Chùa	
4	Hồ Sái Lương	Mường Mùn	
5	Hồ Nậm Mùn	Mường Mùn	
6	Hồ Nậm Cá	Chiềng Sinh	
7	Hồ Pú Nhung Họ	Mường Mùn, Chiềng Sinh	
8	Hồ Nậm Sát	Chiềng Sinh	
9	Hồ Bản Chăn	Quài Tở, Tuần Giáo	
10	Hồ Nậm E	Quài Tở	
11	Hồ Xuân Lao	Mường Lạn	
12	Hồ Na Pa Khoang	Mường Luân	
13	Hồ Huổi Cánh	Thanh An	
14	Hồ Huổi Bẻ	Thanh An, Thanh Yên	
15	Hồ Sen Thượng	Sín Thầu	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
16	Hồ Sín Thầu	Sín Thầu	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
17	Hồ Mô Phí	Sín Thầu	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
18	Hồ Nậm Sin	Mường Nhé	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
19	Hồ Nậm San	Mường Nhé	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
20	Hồ Na Cô Sa	Nậm Kè	
21	Hồ Nậm Vì	Mường Nhé	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
22	Hồ Mường Toong	Mường Toong	Phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống người dân
23	Hồ Mường Nhé	Mường Nhé	Tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
24	Hồ Nậm Pồ	Nà Búng	Phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống người dân
25	Hồ Nậm Chua	Nà Búng	Phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống người dân
26	Hồ Nậm Củng	Chà Tở	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo

			an ninh nguồn nước
27	Hồ Nậm Chim	Si Pa Phìn	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
28	Hồ Nà Hỳ	Nà Búng	Phục vụ sản xuất và cải thiện đời sống người dân
29	Hồ Quảng Lâm	Quảng Lâm	
30	Hồ Chà Nưa	Mường Chà	Điều tiết, trữ nước phục vụ tưới tiêu và phòng chống hạn hán
31	Hồ Ma Thì Hồ	Na Sang	Điều tiết, trữ nước phục vụ tưới tiêu và phòng chống hạn hán
32	Hồ Sa Lôông	Na Sang	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
33	Hồ Huổi Dích	Mường Pồn, Na Sang	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
34	Hồ Nậm Lay	Mường Tùng	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
35	Hồ Huổi Chô	Mường Tùng, Chà Tở	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
36	Hồ Quài Tở	Quài Tở	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
37	Hồ Mường Đăng	Nà Tấu	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
38	Hồ Nậm Ngám A	Pu Nhi	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
39	Hồ Huổi Chứn	Na Son	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
40	Hồ Suối Lư (thủy lợi Suối Lư)	Pu Nhi	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
41	Hồ Xa Dung	Xa Dung	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
42	Hồ Long Chuông	Na Son	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
43	Hồ Tát Mạ	Na Son	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
44	Hồ Mường Tinh	Xa Dung	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
45	Hồ Si Lá	Xa Dung	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
46	Hồ Tào La	Xa Dung	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
47	Hồ Chua Ta B	Xa Dung	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
48	Hồ Luân Giới	Mường Luân	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
49	Hồ Háng Lìa	Tìa Đình	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
50	Hồ Nậm Tia	Tìa Đình	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước

51	Hồ Púng Báng	Tĩa Đình	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
52	Hồ Tĩa Đình	Tĩa Đình	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
53	Hồ Huổi Rửa	Phình Giàng	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
54	Hồ Phiêng Muông	Phình Giàng	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
55	Hồ Huổi Xa	Na Son	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
56	Hồ Huổi Sa	Na Son	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
57	Hồ Nậm Ty	Thanh Nưa, Mường Pồn	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
58	Hồ Suối Na	Mường Nhà	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
59	Hồ Mường Lói	Mường Nhà	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
60	Hồ Huổi Phong	Mường Nhà	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
61	Hồ Huổi Cảnh	Mường Nhà	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
62	Hồ Suối Lang	Mường Nhà	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
63	Hồ Nậm Lúa	Mường Nhà	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
64	Hồ Suối Châu	Núa Ngam	Hoàn thiện hệ thống hạ tầng thủy lợi, nâng cao năng suất cây trồng và đảm bảo nguồn nước sinh hoạt
65	Hồ Nậm Khẩu Hu 1	Mường Phăng, Thanh Nưa	Sản xuất nông nghiệp và đảm bảo an ninh nguồn nước
B	Danh mục Kè chống sạt lở, khắc phục hậu quả do thiên tai lũ quét		
1	Công trình phát sinh, khắc phục hậu quả do thiên tai, lũ quét hàng năm (10-:-15% số công trình dự kiến)	Toàn tỉnh	19 Công trình kè chống sạt lở theo Quyết định 109/QĐ-TTg
2	Kè suối Nậm Hon, huyện Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	

	(giai đoạn 1+2)		
3	Kè chống sạt lở khu dân cư Bán Tầu, xã Hua Thanh, huyện Điện Biên	Xã Thanh Nưa	
4	Kè bảo vệ khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật suối Nậm Pồ (giai đoạn 2)	Xã Nà Hỳ	
5	Kè bảo vệ dân cư, đất sản xuất bản Nà Hỳ (giai đoạn +2)	Xã Nà Hỳ	
6	Kè bảo vệ khu dân cư suối Nậm Nhé	Xã Mường Nhé	
7	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất suối Nậm Hua, xã Chiềng Sinh (giai đoạn 1+2)	Xã Tuần Giáo	
8	Kè bảo vệ dân cư và các công trình hạ tầng kỹ thuật suối Tin Tộc	Xã Mường Ảng	
9	Kè bảo vệ khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật khu vực trung tâm huyện Nậm Pồ	Xã Nà Hỳ	
10	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn Bản Hột	Xã Tủa Chùa	
11	Kè bảo vệ dân cư, đất sản xuất và các công trình công cộng suối Nậm Cọ	Xã Thanh Nưa	
12	Kè chống sạt lở khu dân cư, đất sản xuất xã Búng Lao	Xã Mường Ảng	
13	Kè bảo vệ đường bê tông bản Huổi Lơi, xã Thanh Minh	Phường Điện Biên Phủ	
14	Kè suối Nậm Mễn, bản Mễn, xã Thanh Nưa	Xã Thanh Nưa	
15	Kè suối Hồng Lệnh, bản Tông Khao, xã Thanh Nưa	xã Thanh Nưa	
16	Bảo vệ đất sản xuất và khu dân cư C9, xã Thanh Xương	xã Thanh Yên; Xã Sam Mứn	

17	Dự án Quản lý đa thiên tai lưu vực sông Nậm Rốm nhằm bảo vệ dân sinh, thích ứng BĐKH và phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh	Đang thi công
18	Kè bảo vệ khu dân cư, đất sản xuất và các công trình hạ tầng kỹ thuật trung tâm huyện Mường Nhé (giai đoạn 1+2)	Xã Mường Nhé	
19	Kè chống sạt lở bờ sông Nậm Rốm-từ cầu C9 đến cầu Pắc Nậm	Xã Thanh Yên; xã Sam Mứn	
20	Kè bảo vệ đất nông nghiệp và khu dân cư ven suối Nậm Húa, xã Xuân Lao	Xã Xuân Lao	
C	Danh mục công trình Nước sạch		
	Xây mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sinh hoạt hiện có tại các vùng dân cư nông thôn	Toàn tỉnh	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, và tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn mới đạt 55% theo Nghị Quyết 01-NQ/ĐH ngày 16/10/2025 Đại hội, đại biểu tỉnh lần thứ XV nhiệm kỳ 2025-2030

* **Ghi chú:** Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Căn cứ vào nguồn lực đầu tư, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, UBND tỉnh xem xét quyết định đầu tư các công trình dự án ngoài danh mục tại Phụ lục này. Trong đó:

- Công trình thủy lợi: Ưu tiên xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các hồ chứa nhằm nâng tổng dung tích trữ nước của các hồ chứa trên địa bàn toàn tỉnh đến năm 2030 đạt khoảng 130 triệu m³, bảo đảm phục vụ sản xuất, dân sinh và phòng, chống thiên tai;

- Công trình nước sinh hoạt: Ưu tiên đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung nhằm bảo đảm tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đạt 55%;

- Công trình kè chống sạt lở: Bố trí danh mục, quy mô và thứ tự ưu tiên thực hiện căn cứ vào diễn biến tình hình thiên tai, mức độ rủi ro và khả năng cân đối nguồn lực.

Phụ lục VI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tên khu xử lý (KXL)	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ	Địa điểm dự kiến	Phạm vi phục vụ
I	Khu xử lý chất thải rắn cấp tỉnh (theo Quyết định số 109/QĐ-TTg)			Đề xuất chỉnh sửa cho phù hợp chính quyền địa phương hai cấp như sau: Khu xử lý chất thải rắn cấp liên xã	
	Nhà máy xử lý rác thải Điện Biên Púng Min	Xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên và khu vực phụ cận; xử lý chất thải rắn nguy hại cho toàn tỉnh	Xã Sam Mứn	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho: các phường: Điện Biên Phủ, Mường Thanh; các xã: Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà, Thanh Yên, Thanh An, Thanh Nưa, Mường Phăng, Nà Tấu, Pù Nhi, Mường Pồn (12 xã, phường)
II	Khu xử lý chất thải rắn cấp huyện			Khu xử lý chất thải rắn cấp liên xã	
1	KXL Mường Lay	Pường Sông Đà, thị xã Mường Lay	Thị xã Mường Lay	Pường Mường Lay	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã phường: Phường Mường Lay, xã Mường Tùng, Chà Tở (03 xã phường)
2	KXL Điện Biên Đông	Thị trấn Điện Biên Đông	Huyện Điện Biên Đông	Xã Na Son	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Na Son, Xa Dung, Mường Luân, Tà Dình, Phình Giàng (05 xã)
3	KXL Ảng Cang	Xã Ảng Cang, huyện Mường Ảng	Huyện Mường Ảng	Xã Mường Ảng	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Mường Ảng, Búng Lao, Mường Lạn (03 xã)
4	KXL Mường Báng	Xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	Huyện Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Tủa Chùa, Sín Chải, Sính Phình, Tủa Thàng, Sáng Nhè, Nậm Nèn (06 xã, phường).
5	Nhà máy xử lý rác thải Tuần Giáo	Thị trấn huyện Tuần Giáo	Huyện Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Tuần Giáo, Chiềng Sinh, Pú Nhung, Mường Mùn, Quài Tở 05 xã).
6	Lò đốt rác thải Mường Chà	Thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà	Huyện Mường Chà	Xã Na Sang	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Na Sang, Mường Chà, Si Pa Phìn, Pa Ham (04 xã).
7	KXL Mường Nhé	Xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	Huyện Mường Nhé	Xã Mường Nhé	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Toong,

					Nậm Kè, Quảng Lâm (05 xã)...
8	KXL Nà Hỳ	Xã Nà Hỳ, huyện Nậm Pồ	Huyện Nậm Pồ	Xã Nà Hỳ	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các xã: Nà Hỳ, Nà Búng (02 xã).

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục VII
DANH MỤC DỰ KIẾN CÁC NGHĨA TRANG TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
 ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Khu vực	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
Các công trình dự án giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg			
I	Nhu cầu nghĩa trang khu vực đô thị		
1	Công viên nghĩa trang Điện Biên	Xã Thanh Nưa	100
2	Mường Lay	Phía Bắc phường Mường Lay	15
3	Tuần Giáo	Phía Đông Nam xã Tuần Giáo	20
4	Na Sang	Phía Tây Nam xã Na Sang	10
5	Tủa Chùa	Phía nam xã Tủa Chùa	10
6	Na Son	Xã Na Son	10
7	Mường Ảng	Xã Mường Ảng	10
8	Mường Nhé	Xã Mường Nhé	20
9	Thanh Xương	Phường Mường Thanh	10
10	Đô thị A Pa Chải	Đô thị A Pa Chải, xã Sín Thầu	10
11	Nà Hỳ	Phía bắc xã Nà Hỳ	10
II	Nghĩa trang khu vực nông thôn Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến 5-10ha		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Phụ lục VIII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ
CỨU NẠN CỨU HỘ TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN
ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tên đơn vị Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	Địa điểm dự kiến
1	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Điện Biên Phủ	Phường Điện Biên Phủ
2	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Mường Thanh	Phường Mường Thanh
3	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Na Sang	Xã Na Sang
4	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo
5	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Sam Mứn	Xã Sam Mứn
6	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa
7	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Mường Ảng	Xã Mường Ảng
8	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Na Son	Xã Na Son
9	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Thanh Xương	Phường Mường Thanh
10	Trụ sở Đội Cảnh sát PCCC và CNCH khu vực Nà Hỳ	Xã Nà Hỳ
11	Trụ sở Trung tâm Giáo dục cộng đồng và Huấn luyện nghiệp vụ PCCC và CNCH	Xã Thanh Nưa

Ghi chú: Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư.

Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm
A	Các công trình dự án giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg	
A1	Công trình xây mới	
1	Bệnh viện Sản Nhi	
2	Trung tâm Ung bướu	Phường Mường Thanh
3	Trung tâm tim mạch	Phường Mường Thanh
4	Cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi chất lượng cao	Phường Điện Biên Phủ
5	Trung tâm Công tác xã hội	Phường Điện Biên Phủ
A2	Công trình cải tạo	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Điện Biên	Phường Mường Thanh
2	Bệnh viện Y Dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ
3	Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên	Phường Mường Thanh
4	Bệnh viện đa khoa Điện Biên Phủ	Phường Điện Biên Phủ
5	Bệnh viện đa khoa Thanh An	Xã Thanh An
6	Bệnh viện đa khoa Điện Biên Đông	Xã Na Son
7	Bệnh viện đa khoa Mường Ảng	Xã Mường Ảng
8	Bệnh viện đa khoa Na Sang	Xã Na Sang
9	Bệnh viện đa khoa Mường Lay	Phường Mường Lay
10	Bệnh viện đa khoa Nậm Pồ	Xã Nà Hỳ
11	Bệnh viện đa khoa Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa
12	Bệnh viện đa khoa Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo
13	Bệnh viện đa khoa Mường Nhé	Xã Mường Nhé
14	Trung tâm Bảo trợ xã hội	Phường Điện Biên Phủ
15	Làng trẻ em SOS Điện Biên Phủ	Phường Điện Biên Phủ
B	Các công trình dự án bổ sung trong thời kỳ Điều chỉnh QHT	
1	Cơ sở chăm sóc sức khỏe người tâm thần, rối loạn tâm trí	
2	Trung tâm Lão Khoa	Phường Mường Thanh
3	Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm	Phường Điện Biên Phủ
4	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm	Phường Điện Biên Phủ
5	Bệnh viện Tâm Thần	Phường Mường Thanh

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Số cơ sở/Công trình	Địa điểm	Ghi chú
A Các công trình dự án giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg				
1	Xây mới trường mầm non	12 trường	Các xã/phường	Chưa thực hiện
2	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng học của trường mầm non	100 phòng học	Các xã/phường	Chưa thực hiện
3	Xây mới trường tiểu học	04 trường	Các xã/phường	Chưa thực hiện
4	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng học của trường tiểu học	100 phòng học	Các xã/phường	Chưa thực hiện
5	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng phòng học của trường trung học cơ sở	100 phòng học	Các xã/phường	Chưa thực hiện
6	Xây mới trường trung học phổ thông	01 trường	Các xã/phường	Chưa thực hiện
7	Cải tạo, nâng cấp mở rộng trường THPT	32 trường	Các xã/phường	Đã thực hiện 09 trường
8	Trung tâm GDNN-GDTX (Đầu tư cơ sở vật chất hiện đại)	04 trung tâm	Các xã/phường	Chưa thực hiện
9	Xây dựng trường PTDTNT THPT Tuần Giáo tại địa điểm mới	01 trường	Khu vực bản Sáng, xã Tuần Giáo	Chưa thực hiện
10	Đầu tư mở rộng xây dựng Trường phổ thông năng khiếu thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	01 trường	Xã Thanh Nưa	Chưa thực hiện
11	Đầu tư Trường thực hành sư phạm của Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên	01 trường	Phường Mường Thanh	Chưa thực hiện
B Các công trình dự án bổ sung trong thời kỳ Điều chỉnh QHT				
1	Đầu tư cơ sở vật chất cho các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú vùng dân tộc thiểu số		Xã/phường	Đầu tư theo hướng kiên cố hóa, đạt chuẩn và thân thiện với môi trường, đảm bảo đủ chỗ ở cho 100% học sinh phổ thông dân tộc nội trú và học sinh bán trú có nhu cầu
2	Đầu tư xây dựng 15 trường phổ thông nội trú liên cấp tại 15 xã biên giới	15 trường	15 xã biên giới	Căn cứ: - Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/07/2025: Kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương đầu tư xây dựng

TT	Danh mục dự án	Số cơ sở/Công trình	Địa điểm	Ghi chú
				trường học cho các xã biên giới - Nghị quyết số 298/NQ-CP ngày 26/09/2025 về Ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Thông báo số 81-TB/TW ngày 18/07/2025 của Bộ Chính trị
3	Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Điện Biên	01 trung tâm	Phường Điện Biên Phủ	Tăng cường đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực hỗ trợ giáo dục hòa nhập
4	Khuyến khích đầu tư, mở rộng các trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập ngoài công lập		Xã/phường	Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và chủ trương xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa dịch vụ hỗ trợ trẻ khuyết tật
5	Đầu tư cải tạo, nâng cấp các cơ sở giáo dục theo hướng thuận lợi nhất cho trẻ khuyết tật hòa nhập		Xã/phường	Theo hướng tiếp cận toàn diện đáp ứng yêu cầu về công trình giáo dục cho người khuyết tật
6	Quy hoạch Trường Cao đẳng Điện Biên theo hướng trường cao đẳng chất lượng cao, gắn đào tạo nhân lực du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ xã hội, y tế, giáo dục và chuyển đổi số	01 trường	Phường Điện Biên Phủ	Phát triển trường Cao đẳng Điện Biên thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với cơ cấu kinh tế của tỉnh
7	Tạo điều kiện cho nhà đầu tư triển khai Tổ hợp giáo dục FPT tại tỉnh Điện Biên (gồm cao đẳng và đại học)		Phường Điện Biên Phủ	Xuất phát từ nhu cầu xã hội hóa giáo dục, thu hút đầu tư và đa dạng hóa loại hình đào tạo
C	Các công trình dự án điều chỉnh về quy mô, diện tích, công suất so với Quyết định 109/QĐ-TTg trong thời kỳ Điều chỉnh QHT			
1	Điều chỉnh việc thành lập Trường Đại học Điện Biên Phủ trên cơ sở nâng cấp các trường cao đẳng hiện có thành Phân hiệu Đại học Thái Nguyên (trên cơ sở tổ chức Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên và Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên)	01 trường	Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh	Căn cứ theo Quyết định số 3333/QĐ-BGDĐT về việc thành lập Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Điện Biên trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên và Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên
D	Các công trình dự án loại bỏ ra khỏi danh mục			

TT	Danh mục dự án	Số cơ sở/Công trình	Địa điểm	Ghi chú
1	Trung tâm ngoại ngữ tin học tỉnh (xây mới)	01 trung tâm	Phường Điện Biên Phủ	Không thực hiện (do đã sáp nhập trung tâm ngoại ngữ tin học vào trung tâm giáo dục thường xuyên để thành lập Trung tâm Giáo dục ngoại ngữ - Giáo dục thường xuyên 1)
2	Đầu tư thành lập và xây mới trường PTDTNT tỉnh	02 trường	Phường Điện Biên Phủ	Chưa thực hiện
3	Đầu tư mở rộng, cơ sở vật chất các trường cao đẳng hiện có (trường CĐ nghề, trường CĐ kinh tế - kỹ thuật, trường CĐ y tế) hướng tới thành lập trường Đại học Điện Biên khi đủ điều kiện	03 trường	Phường Điện Biên Phủ	Đã thực hiện cải tạo sửa chữa nhưng chỉ đáp ứng nhu cầu hiện tại của các trường cao đẳng, không có hạng mục phục vụ nâng cấp thành trường đại học

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập quy hoạch cấp xã, kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án.

Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Ghi chú
A	Các công trình dự án giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg, điều chỉnh tên và địa danh		
I	NGÀNH VĂN HOÁ		
1	Quy hoạch, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt chiến trường Điện Biên Phủ	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ
2	Dự án Khoanh vùng bảo vệ, cấm mọc, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các điểm di tích thuộc Di tích lịch sử Quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Thực hiện theo mục 8, Điều 1 Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ
5	Xây dựng Bảo tàng tỉnh	Phường Điện Biên Phủ	Dự án đang được triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án Bảo tàng tỉnh Điện Biên; đồng thời tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng.
6	Xây dựng Nhà hát tỉnh	Phường Điện Biên Phủ	Đảm bảo mục tiêu theo QĐ số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
II	NGÀNH DU LỊCH		
1	Dự án dự án đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ gắn với phát triển du lịch của tỉnh (tại Lô đất CX03 theo quy hoạch Khu trung tâm hiện hữu thành phố Điện Biên Phủ từ đồi E đến cầu Trắng)	Phường Điện Biên Phủ	
2	Khu đô thị sinh thái ven	Phường Điện Biên	

	sông Nậm Rốm	Phủ, xã Thanh Nưa	
III	NGÀNH THỂ THAO		
1	Khu liên hợp thể dục, thể thao cấp tỉnh (bao gồm: Sân vận động; Bể bơi; dân thể thao ngoài trời và hạ tầng kỹ thuật)	Phường Điện Biên Phủ	
B	Các công trình dự án bổ sung trong thời kỳ Điều chỉnh QHT		
I	NGÀNH VĂN HOÁ		
1	Bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị Di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Chiến trường Điện Biên Phủ	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và dự án thành phần theo Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 19/01/2026 của Thủ tướng Chính phủ
2	Bảo tồn, tôn tạo Trung tâm Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, kết hợp với cải tạo lại hệ thống cây xanh tại các điểm di tích đồi Him Lam, đồi C1, đồi C2, đồi F	Phường Điện Biên Phủ	Dự án đang được triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 18/6/2024 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án
3	Công viên cây xanh Hồng Cúm	Xã Thanh An và Thôn C2, xã Thanh Yên, tỉnh Điện Biên	Thông báo số 179-TB/VPTU ngày 14/02/2025 của Văn phòng Tỉnh ủy
4	Tượng đài Thanh niên xung phong Điện Biên Phủ	Xã Quài Tở, tỉnh Điện Biên	Văn bản số 3196/UBND-KGVX ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.
5	Bảo tồn tôn tạo các di tích quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên (14 di tích)	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Đảm bảo mục tiêu theo QĐ số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Bảo tồn tôn tạo các di tích cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Điện Biên (20 di tích)	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Đảm bảo mục tiêu theo QĐ số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Xây dựng, nâng cấp 35 Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã đảm bảo tiêu chuẩn	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Đảm bảo mục tiêu theo QĐ số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Xây dựng 35 Nhà thiếu nhi đa năng	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Đảm bảo mục tiêu theo QĐ số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

			lịch
9	Trung tâm Văn hóa tỉnh Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Đảm bảo mục tiêu theo QĐ số 3399/QĐ-BVHTTDL ngày 23/9/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
II	NGÀNH THỂ THAO		
1	Các hạng mục thuộc dự án tổng thể đầu tư xây dựng Trung tâm Thể dục thể thao tỉnh Điện Biên	Phường Điện Biên Phủ	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về chủ trương đầu tư dự án; Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 01/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.
III	NGÀNH DU LỊCH		
1	Xây dựng các điểm dừng chân phục vụ du lịch trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Danh mục đề nghị bổ sung theo Nghị quyết số 200/NQ-HĐND ngày 04/11/2025 của HĐND tỉnh.
2	Dự án Khu đô thị mới, Du lịch nghỉ dưỡng và Dịch vụ thể thao phía Tây Bắc phường Điện Biên Phủ (có sân golf)	Phường Điện Biên Phủ	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
3	Dự án khu đô thị, du lịch, thể thao, vui chơi, giải trí hồ Huổi Phạ và phụ cận	Phường Điện Biên Phủ	
4	Dự án du lịch nghỉ dưỡng Thanh Minh	Phường Điện Biên Phủ	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
5	Khu du lịch sinh thái động Pa Thơm	Xã Thanh Yên	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
6	Trung tâm du lịch dịch vụ gắn với đô thị Mường Lay	Phường Mường Lay	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
7	Dự án du lịch sinh thái cộng đồng dọc QL6	Xã Tuần Giáo	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
8	Dự án du lịch sinh thái nghỉ dưỡng kết hợp thương mại, dịch vụ tại các dự án trồng Mắc Ca	Xã Thanh Nưa, xã Thanh An, xã Thanh Yên, xã Sam Mứn, xã Núa Ngam, xã Mường Nhà và xã Na Son, xã Xa	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026

		Dung, xã Pu Nhi, xã Mường Luân	
9	Điểm du lịch săn mây Nậm Pồ	Bản Nậm Pồ, xã Mường Nhé	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
10	Điểm du lịch Thác Ròng 1,2	Bản Đoàn Kết, xã Mường Nhé	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
11	Điểm du lịch bãi tắm Phù Thang	Bản Đoàn Kết, xã Mường Nhé	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
12	Điểm du lịch Thác Nậm Pồ Luông	Bản Nậm Pồ, xã Mường Nhé	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
13	Điểm du lịch thác Đa Tự	Bản Tả Kổ Khừ, xã Sính Thầu	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
14	Nâng cấp, tôn tạo Di tích lịch sử - văn hoá Thành Bản phủ	Xã Thanh An	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
15	Các dự án du lịch nghỉ dưỡng nước khoáng nóng	Xã Thanh Nưa, xã Mường Luân, xã Thanh Yên, xã Tuần Giáo	
16	Điểm du lịch hang Dơi	Bản Nậm Pồ	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
17	Dự án phát triển du lịch cộng đồng tại bản Phiêng Lơi, Bản Nà Sừ, Bản A Pa Chải/Tá Miếu, bản Quan Chiêng, bản Lồng, bản Phiêng Lơi, bản Che Cẩn, bản Huổi Nhả	xã Mường Chà, Phường Điện Biên Phủ, xã Sín Thầu, phường Mường Lay, xã Mường Phăng, xã Mường Pồn	Danh mục đề nghị bổ sung theo Nghị quyết 12-NQ/TU ngày 31/12/2025
18	Phát triển du lịch sinh thái Hồ Hồng Sặt	Xã Thanh An	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
19	Đầu tư xây dựng công viên văn hoá tâm linh phường Mường Lay	Phường Mường Lay	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
20	Du lịch cộng đồng bản Thín B	Xã Chiềng Sinh	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
21	Khu đô thị - Phố đi bộ sân bay Mường Thanh	Phường Điện Biên Phủ,	
22	Dự án quy hoạch bảo tồn không gian văn hoá gắn với phát triển du lịch cộng đồng	Xã Mường Lay, Mường Phăng, Tòa Chùa, Mường Nhé	

	bản người Thái Trắng; bản bản người Mông, Xạ Phang, Dao; bản người Hà Nhì.		
23	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng Khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé (Gồm 12 dự án thành phần)	Xã Sín Thầu, xã Mường Nhé, xã Mường Toong, xã Nậm Kè	Thông báo 205/TB-BTMN ngày 10 tháng 05 năm 2023
24	Xây dựng các mô hình du lịch trải nghiệm gắn với văn hóa, canh tác nông nghiệp khu vực cánh đồng Mường Thanh bao gồm: điểm dừng chân, chòi vọng cảnh, điểm trải nghiệm hoạt động sản xuất nông nghiệp,...	Khu vực Cánh đồng Mường Thanh	
25	Xây dựng Huyền tích Uva trở thành sản phẩm du lịch trải nghiệm văn hóa đặc sắc.	Xã Thanh Yên	
26	Khu du lịch sinh thái vui chơi giải trí dịch vụ nhà hàng và Biệt thự nghỉ dưỡng Hồng Lúu	Phường Mường Thanh	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
27	Du lịch Khu di tích Danh lam thắng cảnh hang động Thẳm Quái	Xã Chiềng Sinh	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
28	Khu văn hoá tâm linh phường Mường Lay	Phường Mường Lay	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
C	Các công trình dự án điều chỉnh về quy mô, diện tích, tên dự án so với Quyết định 109/QĐ-TTg trong thời kỳ Điều chỉnh QHT		
1	Trung tâm Văn hoá tỉnh Điện Biên		Điều chỉnh tên danh mục
2	Xây dựng, tôn tạo di tích khu nghỉ mát Pú Vạt (Pú Vạt) - đường giao thông Đồi Cao - Pú Vạt (Pú Vạt) - Nậm Cản vùng tái định cư phường Mường Lay		Điều chỉnh tên danh mục theo địa giới hành chính 02 cấp
3	Dự án đô thị, du lịch, vui chơi giải trí hồ Pá Khoang 1	Xã Mường Phăng	Phù hợp với Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
4	Dự án đô thị, du lịch, vui chơi giải trí hồ Pá Khoang 2		
5	Dự án đô thị, du lịch, vui chơi giải trí hồ Pá Khoang 3		
6	Dự án đô thị, du lịch, vui chơi giải trí hồ Pá Khoang 4		
7	Dự án đô thị, du lịch, vui		

	chơi giải trí hồ Pá Khoang 5		
8	Dự án đô thị, du lịch, vui chơi giải trí hồ Pá Khoang 6 (có sân golf)		
9	Dự án đô thị nghỉ dưỡng núi Tà Lèng 1	Phường Điện Biên Phủ	Phù hợp với Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
10	Dự án đô thị nghỉ dưỡng núi Tà Lèng 2 (có sân golf)		
11	Dự án khu du lịch Tủa Chùa	Xã Tủa Chùa, xã Tủa Thàng, Sin Chải, Sinh Phình, Sáng Nhè	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
12	Dự án khu chức năng du lịch cửa khẩu Tây Trang (có sân golf)	Xã Sam Mứn	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
13	Dự án du lịch quốc tế Việt - Lào - Trung (A pa Chải) 1	Xã Sín Thầu	Phù hợp với Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
14	Dự án du lịch quốc tế Việt - Lào - Trung (A pa Chải) 2 (có sân golf)		
15	Dự án đô thị, nghỉ dưỡng khoáng nóng Uva 1	Xã Sam Mứn, xã Thanh Yên, xã Thanh An	Phù hợp với Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
16	Dự án đô thị, nghỉ dưỡng khoáng nóng Uva 2 (có sân golf)		
17	Dự án đô thị, du lịch, cáp treo Điện Biên Phủ (có sân golf)	Xã Mường Phăng, xã Pu Nhi	
18	Dự án nghỉ dưỡng khoáng nóng Hua Pe 1	Xã Thanh Nưa	Phù hợp với Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
19	Dự án nghỉ dưỡng khoáng nóng Hua Pe 2 (có sân golf)		
20	Dự án sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong khu rừng Di tích lịch sử và Cảnh quan môi trường Mường Phăng và thể thao trên mặt nước hồ Pá Khoang	Xã Mường Phăng	Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
21	Dự án khu nghỉ dưỡng khoáng nóng Bản Sáng	Xã Tuần Giáo	
22	Dự án khu chức năng phức hợp nhà ở du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng hồ Hồng Khếnh 1	Xã Thanh Nưa	Phù hợp với Danh mục đề nghị bổ sung theo QĐ 191/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
23	Dự án khu chức năng phức hợp nhà ở du lịch nghỉ dưỡng khoáng nóng hồ Hồng Khếnh 2 (có sân golf)		

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư.

Số lượng các dự án thành phần sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch lớp dưới hoặc cấp chủ trương thực hiện dự án.

Phụ lục XII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

T T	Tên dự án	Địa điểm xây dựng dự kiến	Ghi chú
	Các công trình dự án giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg		
A	Khu thương mại, dịch vụ tổng hợp		
1	Chợ và Thương mại dịch vụ Mường Thanh	Phường Điện Biên Phủ	
2	Trung tâm thương mại Điện Biên Phủ giai đoạn II	Phường Điện Biên Phủ	
3	Khu liên hợp Trung tâm thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí	Phường Điện Biên Phủ	
4	Dự án xây dựng Trung tâm thương mại, dịch vụ, văn hóa phía Đông	Phường Điện Biên Phủ	
5	Trung tâm thương mại, dịch vụ, hỗn hợp	Phường Mường Thanh	
6	Trung tâm thương mại và dịch vụ	Xã Na Son	
7	Trung tâm thương mại và dịch vụ	Xã Tủa Chùa	
8	Trung tâm thương mại, dịch vụ và khách sạn Mường Nhé	Xã Mường Nhé	
9	Trung tâm Thương mại Mường Ảng	Xã Mường Ảng	
10	Trung tâm thương mại và dịch vụ Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	
11	Khu dịch vụ, thương mại và du lịch Cửa khẩu Huổi Puốc	Xã Mường Nhà	
12	Khu dịch vụ, thương mại KKT Tây Trang	Xã Sam Mứn	
A1	Bổ sung dự án thương mại dịch vụ mới		
1	Khu thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí ven sông Nậm Rốm	Phường Điện Biên Phủ	
B	Trung tâm mua sắm, siêu thị		
1	Trung tâm mua sắm	Các đô thị	
2	Siêu thị	Các đô thị	
C	Kho hàng hóa		
1	Kho hàng hóa cửa khẩu Huổi Puốc	Xã Mường Nhà	
2	Kho hàng hóa cửa khẩu Tây Trang	Xã Sam Mứn	
3	Kho hàng hóa A Pa Chải	Xã Sín Thầu	
4	Kho hàng hóa tại Nà Hỳ (lối mở Nậm Đích)	Xã Nà Hỳ	
D	Trung tâm hội chợ triển lãm	Phường Điện Biên Phủ	
E	Trung tâm logistic	Các xã	
	Tổng cộng		
F	Chợ		
F1	Cải tạo và nâng cấp các chợ hiện hữu trên địa bàn tỉnh		
F2	Kế thừa 20 chợ theo quyết định 109/QĐ-TTg và điều chỉnh tên địa danh		
1	Chợ cửa khẩu Tây Trang	Xã Sam Mứn	
2	Chợ cửa khẩu Huổi Puốc	Xã Mường Nhà	
3	Chợ biên giới A Pa Chải	Xã Sín Thầu	
4	Chợ biên giới Nậm Đích	Xã Mường Chà	

T T	Tên dự án	Địa điểm xây dựng dự kiến	Ghi chú
5	Nâng cấp chợ trung tâm Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	
6	Nâng cấp chợ Bản Phủ lên hạng I	Xã Noong Hẹt	
7	Chợ Trung tâm xã Nà Hỳ	Xã Nà Hỳ	
8	Chợ xã Si Pa Phìn	Xã Si Pa Phìn	
9	Chợ xã Phình Giàng	Xã Phình Giàng	
10	Chợ xã Xa Dung	Xã Xa Dung	
11	Chợ Tủa Thàng	Xã Tủa Thàng	
12	Chợ Quài Nưa	Xã Tuần Giáo	
13	Chợ Keo Lôm	Xã Na Son	
14	Chợ Suối Lư	Xã Xa Dung	
15	Chợ trung tâm xã Búng Lao	Xã Búng Lao	
16	Nâng cấp cải tạo chợ trung tâm Mường Ảng	Xã Mường Ảng	
17	Chợ Mường Luân	Xã Mường Luân	
18	Chợ Huổi Sớ	Xã Tủa Thàng	
19	Chợ Háng Lìa	Xã Tìà Đình	
F3	Bổ sung 16 chợ cho các xã mới		
1	Chợ xã Nậm Kè	Xã Nậm Kè	
2	Chợ xã Quảng Lâm	Xã Quảng Lâm	
3	Chợ xã Nà Búng	Xã Nà Búng	
4	Chợ xã Chà Tở	Xã Chà Tở	
5	Chợ xã Mường Tùng	Xã Mường Tùng	
6	Chợ xã Pa Ham	Xã Pa Ham	
7	Chợ xã Nậm Nền	Xã Nậm Nền	
8	Chợ xã Mường Pồn	Xã Mường Pồn	
9	Chợ xã Sính Phình	Xã Sính Phình	
10	Chợ xã Quài Tở	Xã Quài Tở	
11	Chợ xã Mường Mùn	Xã Mường Mùn	
12	Chợ xã Pú Nhung	Xã Pú Nhung	
13	Chợ xã Chiềng Sinh	Xã Chiềng Sinh	
14	Chợ xã Mường Lạn	Xã Mường Lạn	
15	Chợ xã Thanh Yên	Xã Thanh Yên	
16	Chợ đầu mối nông sản Sam Mứn	Xã Sam Mứn	

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Trường hợp phát sinh nhu cầu đầu tư xây dựng chợ chưa có trong danh mục của Quy hoạch tỉnh nhưng phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới chợ, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương thì được xem xét, nghiên cứu đầu tư theo quy định.

Các chợ dân sinh sẽ được phát triển khi đủ điều kiện và đáp ứng nhu cầu thực tế của từng xã, cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch đô thị - nông thôn và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tên, vị trí, quy mô, ranh giới và nguồn vốn đầu tư sẽ được xác định cụ thể ở bước lập dự án và khả năng huy động nguồn lực từng giai đoạn; đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định pháp luật hiện hành.

Phụ lục XIII
CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐIỆN BIÊN ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đến năm 2030 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg	Diện tích đề xuất theo nhu cầu phát triển của tỉnh Quyết định số 109/QĐ-TTg	Diện tích điều chỉnh đến năm 2030
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			953.992,60	953.992,60	954.803,59
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	905.187	896.809,1	891.517,59
1.1	Đất trồng lúa	LUA	87.654	86.899,43	48.348,00
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	14.521	14.309,78	12.946,00
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK			35.402,00
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK			98.353,40
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN		118.455,76	214.895,00
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	345.963	345.963,00	306.379,19
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	51.167	51.166,95	51.167,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	195.139	192.021,15	167.645,00
	<i>Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>112.267</i>	<i>112.627,39</i>	<i>117.742,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS			2.352,00
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT			1.875,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH			503,00
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	35.328	43.922,85	52.699,00
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT		6.032,53	7.170,00
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT		2.016,81	1.075,00
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC		252,91	259,00
2.4	Đất quốc phòng	CQP	1.983	2.696,32	2.696,00
2.5	Đất an ninh	CAN	449	453,33	460,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN			2.245,00
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	276	228,42	276,00
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH			12,00
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	88	88,32	188,00
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	539	559,88	805,00
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	106	465,95	766,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đến năm 2030 theo Quyết định	Diện tích đề xuất theo nhu cầu phát triển	Diện tích điều chỉnh đến năm 2030
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH			10,00
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT			103,00
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT			5,00
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	NDG			2,00
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK			78,00
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK			5.431,00
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	55	55,00	150,00
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		293,16	416,00
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT			10,00
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD		2.127,57	751,00
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC		461,98	1.015,00
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS		1.133,58	3.089,00
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC			26.358,00
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT		8.528,56	12.940,00
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL		1.397,92	5.686,00
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT			327,00
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC			1.130,00
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	275	404,86	405,00
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	97	105,42	97,00
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	3.184	5.566,44	5.566,00
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	18	19.35	50,00
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH			80,00
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng	DKV			77,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích đến năm 2030 theo Quyết định	Diện tích đề xuất theo nhu cầu phát triển	Diện tích điều chỉnh đến năm 2030
	đồng				
2.9	Đất tôn giáo	TON		70,20	70,00
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN			6,00
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD		834,00	834,00
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC			6.005,00
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC			2.900,00
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON			3.105,00
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			90,00
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD		10.587,00	10.587,00
	<i>Trong đó:</i>				
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS		511,00	511,00
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS		9.676,00	9.676,00
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS		400,00	400,00
3.4	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS			

Ghi chú: Trong quá trình triển khai thực hiện đối với các công trình, dự án phát sinh theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch chỉ sử dụng đất Quốc gia điều chỉnh phân bổ cho tỉnh Điện Biên và đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho các dự án, công trình theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Phụ lục XIV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN
NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Ký hiệu	Tên vùng/ tiểu vùng	Đặc điểm	Vị trí	Yêu cầu quản lý
N	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt			
1	Vườn Quốc gia Mường Nhé	Vùng lõi Vườn Quốc gia Mường Nhé	Xã Mường Nhé, Sín Thầu, Nậm Kè	Luật đa dạng sinh học, Luật Lâm nghiệp
2	Di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ	Khu vực bảo vệ I (34,97 ha): Bao gồm hệ thống di tích tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ (Di tích Đồi D (D1, D2, D3); Đỉnh Pháo 105mm của Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ; Di tích Đồi Cháy; Di tích Đồi F; Di tích Đồi E) và Hệ thống di tích của Quân đội Nhân dân Việt Nam (Di tích Đài quan sát chiến dịch Điện Biên Phủ tại Mường Phăng; Di tích Trận Hậu cần hỏa tuyến Nà Tấu Km62; Di tích Đèo Pha Đin; Di tích Đường Kéo pháo bằng tay; Di tích Sở chỉ huy Chiến dịch ở hang Thăm Púa; Di tích nơi anh Bế Văn Đàn hy sinh; Di tích Trận địa cao xạ 37mm của Tiểu đoàn 394, Trung đoàn 367, Đại đoàn 351 ở Bản Mền; Di tích Trận địa cao xạ 37mm của Tiểu đoàn 394, Trung đoàn 367, Đại đoàn 351 ở Bản Tầu; Di tích Trận địa cao xạ 37mm của tiểu đoàn 383, Trung đoàn 367, Đại đoàn 351 ở Bản Hồng Lú; Di tích Khu vực tập kết Hậu cần tại ngã ba Tuần Giáo; Trận địa pháo 105mm của Đại đội 806, tiểu đoàn 594, Trung đoàn 54, Đại đoàn 351 ở phường Điện Biên Phủ; Di tích Trận địa pháo H6 của tiểu đoàn 224, Trung đoàn 675, Đại đoàn 351 ở phường Điện Biên Phủ; Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ ở Hang Huổi He; Di tích Sở chỉ huy Trung đoàn 98, Đại đoàn 316; Di tích Trận địa pháo của Đại đội 815, Tiểu đoàn 383, Trung đoàn 367, Đại đoàn 351; Di tích Trụ sở Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Lai Châu; Di tích Tòa soạn tiền phương của Bảo Quân đội Nhân dân; Di tích Sở chỉ huy Tiền phương.	Các phường, xã	Luật Di sản văn hóa

	3	Vùng sinh thủy, bảo vệ nguồn nước hồ cấp nước sinh hoạt	Lưu vực rừng đầu nguồn xung yếu hoặc rất xung yếu phân bố chủ yếu ở những nơi đồi núi cao có độ dốc lớn ở khu vực phân thủy của các lưu vực sông, Vùng sinh thủy và vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.	Hồ Nậm Khẩu Hu	Luật Tài nguyên nước
H	Vùng hạn chế phát thải				
	1	Phân khu dịch vụ hành chính vườn quốc gia	Phân khu dịch vụ hành chính Khu vườn quốc gia Mường Nhé	Xã Mường Nhé, Sín Thầu, Nậm Kè	Luật Đa dạng sinh học
	2	Rừng đặc dụng Mường Phăng	Vùng lõi Rừng đặc dụng Mường Phăng	Xã Mường Phăng	Luật đa dạng sinh học
	3	Vùng đệm vườn quốc gia, khu bảo vệ thiên nhiên	Vùng đệm vườn quốc gia Mường Nhé; Khu rừng đặc dụng Mường Phăng.	Xã Mường Nhé, Sín Thầu, Mường Phăng, Nậm Kè	Luật Đa dạng sinh học
	4	Khu vực bảo vệ II Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ	Khu vực bảo vệ II (19,58 ha) Khu di tích lịch sử Khu di tích lịch sử Chiến trường Điện Biên Phủ	Các phường, xã	Luật Di sản văn hóa
	5	Hành lang bảo vệ nguồn nước sông suối	Hành lang bảo vệ nguồn nước các sông suối trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
	6	Rừng phòng hộ đầu nguồn	Tiến hành bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh tự nhiên và trồng rừng với loài cây đa dạng, đa tác dụng để vừa đảm bảo yêu cầu phòng hộ, vừa cho hiệu quả kinh tế trên các lưu vực các hồ chứa nước, thủy điện hoặc khu vực đất dốc	Tỉnh Điện Biên	Luật Lâm nghiệp
	7	Vùng trồng lúa nước hai vụ	Vùng trồng lúa lòng chảo cánh đồng Mường Thanh; vùng trồng lúa chất lượng cao tại các xã, phường	Tỉnh Điện Biên	Luật bảo vệ môi trường
	8	Vùng nuôi trồng thủy sản	Vùng nuôi cá nước ngọt ở các hồ chứa thủy lợi, thủy điện và trên các vùng nước ven sông, suối	Tỉnh Điện Biên	Luật thủy sản
K	Vùng khác				
		Các khu vực còn lại	Các khu vực bao quanh các vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải	Tỉnh Điện Biên	

Phụ lục XV
PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Loại khoáng sản	Số khu vực quy hoạch	Diện tích quy hoạch (ha)	Ghi chú
A	Các khu vực đã được Quy hoạch theo Quyết định 109	73	865,94	
<i>I</i>	<i>Các khu vực khoáng sản quy hoạch đã được phê duyệt</i>	70	737,94	
1	Các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đủ tiêu chí theo quy định pháp luật về khoáng sản	7		
a	Than	4		
b	Chì kẽm	1		
c	Đá vôi xi măng	1		
d	Đá phiến lợp	1		
2	Các khu vực khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	63		
a	Đá xây dựng	30		
b	Sét gạch ngói	3		
c	Cát xây dựng	24		
d	Đất san lấp	6		
<i>II</i>	<i>Khu vực khoáng sản để bảo vệ</i>	3	128	
B	Các khu vực bổ sung mới	55	1.829,998	
1	Than nhỏ lẻ	45		
2	Mỏ đá vật liệu xây dựng thông thường	9		
3	Mỏ đất, đá vật liệu xây dựng thông thường, đất sét làm gạch ngói	13		
4	Mỏ cát xây dựng	6		
5	Chì kẽm	2		Tận thu
6	Mỏ vàng nhỏ lẻ xã Xa Dung	1		BTNMT công bố khoáng sản nhỏ lẻ năm 2013, hiện đang đóng cửa mỏ để bảo vệ khoáng sản.
7	Nước khoáng	14		Diện tích thăm dò, khai thác sử dụng Nk của từng điểm tùy theo thực thể khu mỏ và lĩnh vực sử dụng để phù hợp các quy hoạch và chỉ tiêu sử dụng đất.
8	Đồng	01		Diện tích thăm dò, khai thác sử dụng của từng điểm tùy theo thực thể khu mỏ và lĩnh vực sử dụng để phù hợp các quy hoạch và chỉ tiêu sử dụng đất.
9	Quarzit	02		
10	Antimon	01		
11	Sắt	02		

C	Các khu vực điều chỉnh mở rộng về quy mô, diện tích,	14	85,98	
Cộng (không tính diện tích nước khoáng) (A+B+C)		142	2.781,918	
D	Các điểm mỏ khoáng sản nhóm I đã được điều tra, đánh giá có quy mô phân tán, nhỏ lẻ để quản lý, bảo vệ và xem xét cấp phép sau khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ và 7 điểm mỏ đất sét làm gạch ngói			
STT	Tên mỏ/điểm mỏ	Loại khoáng sản	Địa điểm, xã/phường	Trữ lượng/Tài nguyên (theo báo cáo)/ Hiện trạng quản lý, cấp phép
1	Huổi Xa	Than	Na Son	301,875 nghìn tấn/Quy mô nhỏ lẻ (<500 nghìn tấn)
2	Huổi Khao	Than	Phình Giàng	249,760 nghìn tấn/Quy mô nhỏ lẻ (<500 nghìn tấn)
3	Chiêu Ly	Sắt (Đồng)	Mường Tùng	Fe: 64,144 tấn; Cu: 74,88 tấn/Quy mô nhỏ lẻ (Fe < 200 nghìn tấn)
4	Phong Châu-Pa Ham	Sắt	Pa Ham	Fe: 60.000 tấn/Quy mô nhỏ lẻ (Fe < 200 nghìn tấn)
5	Tây Púng Dắt	Antimon	Mường Pồn	Sb: 3.230,26 tấn/Quy mô nhỏ lẻ (Sb > 200 tấn).
6	Nậm Nèn	Đồng	Nậm Nèn	Cu: 729,28 tấn/Quy mô nhỏ, hàm lượng thấp.
7	Nà Tông (Xá Nhè)	Chì - Kẽm	Mường Mùn	Pb+Zn: 1.847,29 tấn/UBND tỉnh đã cấp phép (2008), tạm dừng từ 2010. Quy mô nhỏ (Pb+Zn < 9.000 tấn)
8	Háng Tàu (Mường Báng)	Quarzit	Xã Tủa Chùa	TNDB: 9.996.250 tấn
9	Nà Tông	Quarzit	Xã Tủa Chùa	TNDB: 38.221 nghìn tấn (333a: 54.300 nghìn tấn)
10	Thuộc Các xã: Mường Nhé, Nà Hỳ, Na Son, Na Sang, Mường Ảng, Thanh An, Núa Ngam	Đất sét làm gạch ngói	Các xã: Mường Nhé, Nà Hỳ, Na Son, Na Sang, Mường Ảng, Thanh An, Núa Ngam	TNDB: 21 triệu m ³ ./Căn cứ vào chỉ tiêu đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản sẽ xác toạ độ, diện tích cụ thể sau để quản lý, cấp phép theo quy định.

Ghi chú:

Các khoáng sản nhóm II thuộc Quy hoạch riêng, không thuộc quy hoạch này.

Phương án thăm dò, khai thác đối với khoáng sản quan trọng, chiến lược và khoáng sản có giá trị kinh tế cao, nhu cầu sử dụng lớn thuộc thẩm quyền cấp phép; Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội trường hợp phát sinh thì UBND tỉnh sẽ thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình thăm dò, khai thác theo chỉ tiêu sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản được phân bổ theo quy hoạch tỉnh bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Phụ lục XVI
PHƯƠNG ÁN NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
TỈNH ĐIỆN BIÊN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I	DỰ ÁN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT: Định hướng: Đầu tư các dự án khu nông nghiệp công nghệ cao, phát triển vùng nguyên liệu, các dự án liên kết sản xuất.		
1	Khu nông nghiệp công nghệ cao	Phường Mường Thanh; các xã: Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn; Núa Ngam, Mường Nhà...	
2	Dự án trồng rau công nghệ cao	Tại các xã, phường: Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Nà Tấu, Tà Đình, Na Sang, Si Pa Phìn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Lay, Mường Thanh và các xã có điều kiện phù hợp khác	
3	Trồng cây ăn quả công nghệ cao kết hợp trồng rừng sản xuất	Xã Búng Lao,...	
4	Chuỗi liên kết giá trị chè Tuyết Shan Tòa Chùa	Xã Sính Phình, xã Sín Chải,...	
5	Chuỗi liên kết giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực Tòa Chùa (khoai sọ tím, đậu đỏ...)	Xã Tòa Chùa, xã Sín Chải, xã Sính Phình, xã Tòa Thàng,...	
6	Dự án trồng và chế biến cây ăn quả	Các xã: Mường Ảng, Nà Tấu, Búng Lao, Mường Lạn, Pú Nhung, Mường Chà, Pa Ham,...	
7	Dự án sản xuất và tiêu thụ gạo chất lượng cao	Các xã: Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà,...	
8	Dự án trồng và chế biến cà phê	Các xã: Mường Ảng, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, Xa Dung, Nà Tấu, Búng Lao, Na Son, Pu Nhi, Mường Luân, Tuần Giáo, Nà Hỳ, Si Pa Phìn, Sín Chải, Nậm Kè, Mường Chà, Sáng Nhè,...	
9	Dự án trồng và chế biến chanh leo	Các xã: Si Pa Phìn, Mường Pồn, Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Mường Lạn, Tuần Giáo, Quài Tở, Mường Mùn, Pú Nhung,...	
10	Dự án trồng và chế biến dưa	Các xã: Mường Pồn, Mường Nhà, Núa Ngam, Sam Mứn, Pú Nhung, Na Sang,...	
11	Dự án phát triển cây mắc ca	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	
12	Dự án trồng mắc ca công nghệ cao của Công ty Cổ phần Mắc ca Kinh Bắc Điện Biên	Các xã: Phình Giàng, Xa Dung	
13	Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao của Công ty Cổ phần HD Kinh Bắc	Các xã: Na Son, Xa Dung, xã Pu Nhi	
14	Dự án trồng Mắc Ca kết hợp với trồng rừng, Dược liệu và xây dựng khu chế biến sản phẩm	Xã Mường Nhà	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
15	Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại Xã Thanh Nưa, xã Mường Pồn, xã Mường Phăng, tỉnh Điện Biên	Xã Thanh Nưa, xã Mường Pồn, xã Mường Phăng	
16	Dự án trồng Mắc ca công nghệ cao tại Xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên	Xã Núa Ngam	
II	DỰ ÁN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI: Định hướng đầu tư các dự án chăn nuôi gia súc (Trâu, bò, lợn, ...), gia cầm tập trung		
1	Trang trại chăn nuôi lợn	Các xã: Mường Pồn, Na Sang, Búng Lao, Núa Ngam, Chiềng Sinh, Tuần Giáo, Nà Tấu, Si Pa Phìn, Pú Nhi và các xã có tiềm năng, điều kiện phù hợp khác	
2	Trang trại chăn nuôi trâu, bò	Các xã: Si Pa Phìn, Núa Ngam, Pa Ham, Nà Hỳ, Mường Chà, Na Son, Sín Thầu, Mường Nhé, Mường Toong và các xã có tiềm năng, điều kiện phù hợp khác	
3	Trang trại chăn nuôi dê	Các xã: Tủa Thàng, Tủa Chùa và các xã có tiềm năng, điều kiện phù hợp khác	
4	Dự án phát triển khu chăn nuôi bò sữa tập trung ứng dụng công nghệ cao	phường Mường Thanh, các xã: Thanh Nưa; Thanh An; Thanh Yên; Sam Mứn; Núa Ngam; Mường Nhà,...	
5	Trang trại chăn nuôi gia cầm	Các xã/phường	
III	DỰ ÁN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC THỦY SẢN		
1	Dự án nuôi cá lồng trên các lồng hồ thủy lợi, thủy điện	Các xã: Mường Phăng, Thanh Nưa, Thanh An, Sín Chải, Tủa Thàng, Phường Mường Lay và các địa phương có điều kiện phù hợp khác	
2	Dự án nuôi thâm canh cá rô phi đơn tính theo chuỗi liên kết	Toàn tỉnh	
3	Trang trại nuôi cá nước lạnh thương phẩm và trồng cây dược liệu, rau sạch	Xã Quài Tờ	
IV	DỰ ÁN SẢN XUẤT TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP: Định hướng: Đầu tư các dự án trồng rừng sản xuất tạo vùng nguyên liệu gỗ, trồng dược liệu dưới tán rừng,.... Gợi ý một số dự án như sau:		
1	Dự án bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	
2	Dự án trồng rừng sản xuất và xây dựng hồ chứa nước	Xã Si Pa Phìn	
3	Dự án phát triển vùng cây dược liệu	Các xã: Quài Tở, Sín Thầu, Na Sang, Mường Tùng, Mường Mùn, Pú Nhung, Chiềng Sinh, xã Tuần Giáo, Nà Tấu, Mường Lạn, Mường Ảng và các xã có điều kiện phù hợp khác	
4	Dự án trồng hoa Anh đào	Các xã: Mường Phăng, Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà và các xã có điều kiện phù hợp	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
		khác	
5	Dự án Du lịch sinh thái kết hợp với khoanh nuôi, bảo vệ và trồng tập trung cây hoa Ban	Phường Điện Biên Phủ, Mường Thanh; xã Mường Phăng, Thanh Nưa, Thanh An, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà và các xã có điều kiện phù hợp khác	
6	Dự án trồng và chế biến gỗ keo nguyên liệu	Các xã: Mường Phăng, Búng Lao, Nà Tấu, Mường Lạn	
7	Khu du lịch sinh thái, kết hợp với trồng rừng đèo Pha Đin	Xã Quài Tở	
8	Dự án trồng rừng sản xuất	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	
V	DỰ ÁN CHẾ BIẾN: Định hướng đầu tư các nhà máy chế biến gắn với vùng nguyên liệu của tỉnh. Gợi ý danh mục dự án như sau:		
1	Nhà máy chế biến cà phê Việt Bắc	Bản Kệt, Xã Tuần Giáo xã Búng Lao	
2	Nhà máy chế biến cà phê Na Son	xã Na Son	
3	Nhà máy chế biến cà phê Tuần Giáo	Xã Tuần Giáo	
4	Nhà máy chế biến cà phê Nà Hỳ	xã Nà Hỳ	
5	Nhà máy chế biến Mắc ca Chiềng Sinh	Bản Nà Sáng 2, xã Chiềng Sinh	
6	Nhà máy chế biến Mắc ca Thanh Yên	C2, Thanh Trường, Xã Thanh Yên	
7	Nhà máy chế biến Mắc ca Mường Nhé	Xã Mường Nhé	
8	Nhà máy chế biến hoa quả Quài Tở	Xã Quài Tở	
9	Nhà máy chế biến hoa quả Mường Nhà	Xã Mường Nhà	
10	Nhà máy chế biến hoa quả Na Sang	Xã Na Sang	
11	Nhà máy chế biến mắc ca Tuần Giáo	Bản Bó, Xã Tuần Giáo	
12	Nhà máy tinh dầu quế	Bản Phiêng Vai, Xã Nậm Kè	
13	Nhà máy chế biến hoa quả Mường Ảng, Búng Lao	Xã Mường Ảng, xã Búng Lao	
14	Nhà máy sản xuất phân bón	Các xã: Sam Mứn, Na Son	
15	Nhà máy chế biến và sản xuất thức ăn chăn nuôi và chế biến thực phẩm từ NN, Nông sản	Phường Mường Lay, xã Pa Ham	
16	Nhà máy chế biến nông sản bản Che Phai 1	Xã Chiềng Sinh	
17	Nhà máy chế biến nông sản bản Ta Con	Xã Chiềng Sinh	
18	Nhà máy chế biến tinh bột và cốm	Phường Mường Lay	
19	Nhà máy sơ chế, chế biến các dược liệu quý	Phường Điện Biên Phủ, Mường Thanh. Các xã: Mường Phăng, Thanh An, Thanh Nưa, Thanh Yên, Sam Mứn, Núa Ngam, Mường Nhà	
20	Nhà máy chế biến tinh bột sắn	Các xã trên địa bàn Tỉnh	
21	Dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm rượu Mông Pê	Các xã: Tòa Chùa, xã Sín Chải, xã Sính Phình, xã Tòa Thàng	
22	Nhà máy chế biến gỗ	Các xã: Mường Ảng, xã Nà Tấu, xã Búng Lao, xã Mường Lạn và các xã có điều kiện phù hợp khác	
23	Tổ hợp chăn nuôi và chế biến công nghệ cao Mavin Điện Biên	xã Chiềng Sinh	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
24	Dự án xây dựng cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	Các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
25	Các nhà máy chế biến thực phẩm	Các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
26	Các nhà máy sơ chế, chế biến nông sản	Các xã, phường trên địa bàn tỉnh	
VII	DỰ ÁN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG		
1	Dự án Nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2026-2030	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	
2	Dự án đầu tư các thiết bị ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	
3	Mở đường lâm nghiệp trên địa bàn các xã, phường	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	
VIII	CÁC DỰ ÁN KHÁC		
1	Trang trại cây nông, lâm nghiệp, cây ăn quả đặc sản, cây bóng mát đô thị và chăn nuôi gia súc, gia cầm	Phường Mường Lay	
2	Khu chế biến nông sản và trại chăn nuôi lợn siêu nạc	Xã Thanh Yên	
3	Xây dựng nhà xưởng sản xuất, chế biến nông, lâm sản, kho bãi	Phường Mường Lay	
4	Dự án sản xuất hàng thủ công từ cây Le, tre, nứa	Xã Tủa Chùa	
5	Dự án sản xuất giống cây trồng (mắc ca, cà phê, dứa, tranh leo...); vật nuôi (lợn, dê, trâu, bò...)	Các xã trên địa bàn toàn tỉnh	

Ghi chú: Trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung các dự báo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.

PHỤ LỤC XVII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG
TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
 ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Ghi chú
A	Các công trình dự án giữ nguyên theo Quyết định 109/QĐ-TTg		
1	Trung tâm bưu chính nội tỉnh	Phường Điện Biên Phủ	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
2	Trung tâm bưu chính nội tỉnh	Xã Tuần Giáo	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
3	Trung tâm bưu chính nội tỉnh	Phường Sông Đà	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
4	Nâng cấp cải tạo mạng lưới TTTT	Toàn tỉnh	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
5	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh Điện Biên (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
6	Xây dựng phòng thí nghiệm, thử nghiệm và thực nghiệm công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Tiến bộ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên	Toàn tỉnh	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
7	Xây dựng khu thực hiện ứng dụng công nghệ cao tỉnh Điện Biên	Toàn tỉnh	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
8	Đầu tư thiết bị Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng tỉnh Điện Biên	Toàn tỉnh	Kế thừa QĐ 109/QĐ-TTg
B	Các công trình dự án bổ sung trong thời kỳ Điều chỉnh QHT		
1	Mở rộng các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin và nền tảng đô thị thông minh tỉnh Điện Biên	Toàn tỉnh	Đề xuất mới, nhằm đảm bảo triển khai chính quyền số tại tỉnh

Ghi chú: Các danh mục nêu trên là các danh mục định hướng để thu hút đầu tư; Trong quá trình triển khai thực hiện trên cơ sở nhu cầu, đề xuất của các nhà đầu tư và định hướng của tỉnh, ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.

PHỤ LỤC XVIII
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH ĐIỆN BIÊN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 359/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tên sơ đồ, bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Điện Biên	1:500.000
2	Các bản đồ về hiện trạng phát triển tỉnh Điện Biên	1:100.000
3	Sơ đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng tỉnh Điện Biên	1:100.000
4	Sơ đồ điều chỉnh phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Điện Biên	1:100.000
5	Sơ đồ điều chỉnh phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Điện Biên	1:100.000
6	Sơ đồ điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Điện Biên	1:100.000
7	Sơ đồ điều chỉnh phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Điện Biên	1:100.000
8	Sơ đồ điều chỉnh phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Điện Biên	1:100.000
9	Sơ đồ điều chỉnh phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Điện Biên	1:100.000
10	Sơ đồ điều chỉnh phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Điện Biên	1:100.000